

Michel Nguyễn Hạnh
Phó Ban Từ vựng Hán Nôm Công giáo
thuộc
Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin

KỂ CHUYỆN
KINH THÁNH

dành cho thiếu niên
(từ 10 tuổi đến 15 tuổi)



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

LỜI GIỚI THIỆU

Từ nhiều năm nay, việc giới thiệu Kinh Thánh cho thiếu nhi và thiếu niên luôn là thao thức lớn trong mục vụ giáo lý của Giáo hội. Với tâm tình đó, Ban Từ vựng Hán Nôm Công giáo, trực thuộc Ủy ban Giáo lý Đức tin, đã thực hiện tập sách “Kể chuyện Kinh Thánh dành cho thiếu niên” như một món quà thiêng liêng gửi tới các em – những mầm non đức tin của Hội Thánh.

Sách tuyển chọn các câu chuyện tiêu biểu trong Cựu Ước và Tân Ước, được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, kết hợp với hình minh họa màu sinh động, chân thực, giúp các em không chỉ yêu mến Lời Chúa mà còn hình dung cụ thể hơn về bối cảnh lịch sử, địa lý và văn hóa của Thánh Địa – nơi Con Thiên Chúa đã sinh ra, sống và rao giảng Tin Mừng.

Tập sách cũng là một công cụ hỗ trợ hữu ích cho các giáo lý viên và phụ huynh trong việc giảng giải Lời Chúa cho con em mình. Mong rằng, từ trang sách nhỏ này, lòng mến Kinh Thánh nơi các em sẽ lớn dần, để ánh sáng Lời Chúa soi đường các em trong hành trình sống đức tin giữa thế giới hôm nay.



Đức Ông Phê-rô Nguyễn Chí Thiết,
Trưởng Ban Từ vựng Hán Nôm Công giáo, Ủy ban GL-ĐT

KỂ CHUYỆN

CỰU ƯỚC



Thiên Chúa sáng tạo trời đất (St 1,1-31)



Sự tích Dân Thiên Chúa

Khởi đầu của Cựu Ước

Mọi chuyện bắt đầu từ... khởi đầu. Trước cả khi có bầu trời, trái đất, biển cả hay con người, Thiên Chúa đã hiện hữu. Chính Người tạo dựng nên vũ trụ bao la — từ ánh sáng đầu tiên cho đến muôn loài cây cỏ, muông thú, và cả con người đầu tiên nữa. Nhưng rồi con người dần quên mất Đấng đã dựng nên mình.

Dù vậy, Thiên Chúa không bỏ rơi họ.

Người đã lên một kế hoạch đặc biệt để đưa họ trở lại với Tình Yêu của Người. Người bắt đầu với một người: ông Áp-ra-ham.

Từ ông, Thiên Chúa lập nên một dân riêng, và từ dân ấy sẽ sinh ra Đấng Cứu Thế – là Chúa Giê-su.

Toàn bộ Kinh Thánh là hành trình của kế hoạch ấy. Quyển sách bạn đang cầm chính là cuốn nhật ký tình yêu mà Thiên Chúa viết cho con người suốt bao đời.



Lúc khởi đầu – Ông A-đam và bà E-và

(Sáng Thế 1–4)

Thuở ban đầu, Thiên Chúa tạo dựng nên thế giới.

Người làm ra mặt trời để chiếu sáng ban ngày, mặt trăng và muôn sao cho ban đêm.

Người dựng nên bầu trời, đất liền, biển cả, rồi tạo ra chim trời, cá biển và muôn thú trên mặt đất.

Thiên Chúa nhìn ngắm mọi sự Người làm ra, và thấy rất tốt đẹp. hế giới đã sẵn sàng để đón con người.

Người tạo dựng một người nam và một người nữ – đó là ông A-đam và bà E-và. Người trao cho họ quyền chăm sóc mọi loài và cây cỏ. Người còn tặng cho họ một khu vườn tuyệt đẹp – vườn Ê-đen – có suối mát, bóng cây rợp mát, và đủ loại trái cây ngon lành.

Ông A-đam và bà E-và sống hạnh phúc bên Thiên Chúa.

Người chỉ dặn một điều: “Không được ăn trái của cây biết lành biết dữ. Nếu ăn, các con sẽ chết.”

Hai ông bà vâng lời.

Nhưng có một kẻ muốn phá hỏng thế giới ấy: con rắn.

Một hôm, khi bà E-và đi ngang cây cấm, con rắn huýt gió dụ dỗ:

“Nhìn trái này xem! Ngon tuyệt!

Ăn đi, cô sẽ khôn như Thiên Chúa!”

Tội lỗi và hậu quả

Bà E-và lắng nghe lời ngọt ngào của con rắn. Bà ngược nhìn trái cây, lòng thêm muốn dâng lên. Bà quên rằng Thiên Chúa là Đấng tốt lành và đầy yêu thương. Bà muốn trở nên thông minh như Thiên Chúa, và muốn làm theo ý riêng mình. Bà gọt tay hái trái, ăn một miếng, rồi đưa cho ông A-đam.

Cả hai cùng phạm tội. Ngay lập tức, họ biết mình đã sai. Họ không còn vui vẻ bước đi với Thiên Chúa như trước. Và Thiên Chúa biết rõ họ đã làm gì.

Không ai có thể giấu được Thiên Chúa. Người đuổi họ ra khỏi vườn Ê-đen. Một thiên thần cầm gươm canh giữ lối vào vườn. Từ đó, hai ông bà phải lao động cực nhọc và biết thế nào là đau khổ, là cái chết.

Sau này, họ sinh được hai người con: Ca-in và A-ben. Ca-in làm ruộng, A-ben chăn chiên. Khi mùa đến, cả hai dâng lễ vật cho Thiên Chúa. A-ben dâng chiên non tốt nhất, còn Ca-in dâng hoa màu. Thiên Chúa vui lòng với A-ben – vì anh sống đẹp lòng Chúa. Còn Ca-in thì ganh tị và giận dữ. Trong cơn ghen, Ca-in giết A-ben. Thiên Chúa hỏi: “A-ben, em con đâu rồi?” Nhưng Ca-in lảng tránh.

Thiên Chúa phạt anh phải rời xa nhà và sống lang thang mãi mãi.

Thế giới tuyệt đẹp đó... đã bắt đầu rạn vỡ vì tội lỗi.

Chiếc tàu ông Nô-ê

(Sáng Thế 6–9)

Thời gian trôi qua, loài người ngày càng đông. Nhưng thay vì sống tốt đẹp, họ đánh nhau, thù ghét, và làm điều gian ác. Không ai còn lắng nghe Thiên Chúa.

Người buồn lắm, và hối tiếc vì đã tạo nên loài người. Chỉ còn một cách: bắt đầu lại từ đầu. Thiên Chúa quyết định gửi đến một trận hồng thủy – một trận lụt lớn sẽ cuốn trôi tất cả sinh vật trên mặt đất.

Nhưng giữa thế giới đầy tội lỗi ấy, có một người công chính và tốt bụng: ông Nô-ê. Ông sống như một người bạn của Thiên Chúa. Thiên Chúa nói với ông về kế hoạch của mình, và Người muốn cứu sống ông cùng gia đình. Người dạy ông đóng một chiếc tàu thật lớn. Chiếc tàu phải đủ chỗ cho:

- Ông Nô-ê, vợ ông, ba người con: Sêm, Kham, Gia-phét và các nàng dâu.
- Một cặp (một đực, một cái) của mọi loài động vật và chim chóc.
- Lương thực để nuôi sống tất cả trong suốt trận lụt dài ngày.

Ông Nô-ê nghe thật kỹ, và làm đúng như lời Thiên Chúa dạy. Chiếc tàu từ từ thành hình... và hy vọng mới đang nảy mầm giữa một thế giới đầy tăm tối.



Con tàu lênh đênh

Mỗi ngày, người ta đều ghé xem ông Nô-ê đóng tàu. Họ cười nhạo ông: “Sao lại đóng tàu giữa đất liền thế này?”

Ông kể cho họ biết Thiên Chúa sẽ cho trận lụt lớn xảy ra. Nhưng chẳng ai tin. Họ nghĩ ông... khùng!

Dù bị chê cười, ông Nô-ê vẫn tiếp tục. Cuối cùng, con tàu cũng hoàn thành. Ông cùng gia đình và muôn thú bước vào tàu. Thiên Chúa đóng cửa lại.

Rồi mưa trút xuống, ngày này sang ngày khác. Nước dâng lên, ngập hết mọi nơi. Con tàu nổi bồng bênh giữa biển nước, và ông Nô-ê cùng gia đình lênh đênh trên sóng, được Thiên Chúa gìn giữ.



Sau cơn hồng thủy

Mưa rơi mãi, nước dâng lên cho đến khi tất cả đều bị ngập. Không ai sống sót, chỉ còn ông Nô-ê, gia đình và muông thú trên tàu. Mọi nơi trở nên vắng lặng, trống trơn. Cuối cùng, mưa dứt. Nước từ từ rút xuống.

Con tàu đậu lại giữa vùng núi.

Ông Nô-ê thả một con quạ, rồi một con bồ câu. Bồ câu quay về vì chưa có chỗ đậu. Lần sau, nó mang về một nhánh ô-liu. Lần thứ ba, nó không quay lại nữa.

Lúc đó, Thiên Chúa bảo ông ra khỏi tàu. Mọi người vui mừng tạ ơn. Một khởi đầu mới đang bắt đầu trên đất khô ráo!



Ông Nô-ê dựng một bàn thờ bằng đá và dâng lễ tạ ơn Thiên Chúa.

Khi mặt trời ló rạng, một cầu vồng rực rỡ xuất hiện trên trời.

Đó là dấu hiệu giao ước: Thiên Chúa hứa sẽ không bao giờ dùng hồng thủy để hủy diệt trái đất nữa.

Người giữ lời mãi mãi.

Tháp Ba-ben

(Sáng Thế 10-11)

Sau trận hồng thủy, ông Nô-ê và các con bắt đầu canh tác, trồng nho, nuôi súc vật. Dần dần, con cháu họ sinh sôi đông đúc, nhiều gia đình phải rời đi để tìm nơi sinh sống mới. Lúc ấy, mọi người đều nói chung một ngôn ngữ, nên họ dễ dàng bàn bạc, hợp tác làm việc. Một nhóm người đến sống ở vùng đồng bằng Ba-by-lon. Họ học được cách làm gạch, nung cho cứng, dùng hắc ín để xây dựng. Họ bắt đầu nghĩ đến việc xây dựng một thành phố lớn và một ngọn tháp thật cao, cao đến tận trời!

Ai cũng đồng ý: “Chúng ta sẽ làm nên tên tuổi! Không ai sánh bằng!”

Thế là họ hăng say xây tháp Ba-ben, ngày đêm không ngừng nghỉ. Nhưng Thiên Chúa thấy rõ ý định của họ. Người biết khi con người kiêu căng và muốn sánh ngang với Thiên Chúa, thì sẽ sinh ra tội lỗi. Họ bắt đầu nghĩ rằng họ có thể tự làm mọi sự mà không cần đến Thiên Chúa. Vì thế, Thiên Chúa làm xáo trộn tiếng nói của họ. Mỗi nhóm người bỗng nói khác tiếng nhau, không còn hiểu được nhau nữa. Họ phải ngừng việc xây dựng. Sau đó, từng nhóm một tản ra khắp nơi: đến Ai Cập, châu Phi, ven biển Địa Trung Hải, đến vùng Ả-rập, Át-sua...

Từ đó, ngôn ngữ con người trở nên đa dạng. Người ta không còn dễ dàng làm việc chung như trước. Và tháp Ba-ben trở thành biểu tượng của sự kiêu ngạo, và lý do vì sao thế giới có nhiều thứ tiếng.



Ông Áp-ra-ham và ông Lót

(Sáng Thế 11-13; 18-19)

Tại thành Ua, xứ Can-dê, có một người tên là Áp-ra-ham, sống cùng vợ là Xa-ra. Một ngày nọ, Thiên Chúa gọi ông và phán: “Hãy rời quê cha đất tổ, đi đến đất Ca-na-an. Nếu người tin Ta, Ta sẽ ban cho người một dòng dõi đông đúc và người sẽ là tổ phụ của một dân tộc lớn.”

Dù lúc ấy chưa có con, ông Áp-ra-ham và bà Xa-ra vẫn tin vào lời Chúa. Họ thu xếp hành lý, dẫn theo người cháu là Lót, các gia nhân và đàn gia súc, rời Ua lên đường đến vùng đất lạ. Sau hành trình dài ngày, họ đến Mam-rê, gần Khép-rôn, và sống an lành tại đó. Nhưng dần dần, đàn súc vật ngày một đông, đất đai không đủ cỏ nước, khiến các người chăn gia súc của Áp-ra-ham và Lót hay tranh cãi.

Ông Áp-ra-ham đề nghị chia tay: “Cháu chọn hướng nào thì ta đi hướng kia.”

Ông Lót chọn thung lũng sông Gio-đan, nơi xanh tươi phì nhiêu gần thành Xơ-đôm. Ông Áp-ra-ham bằng lòng ở lại vùng đồi khô cằn. Nhưng Lót không ngờ mình đã chọn sai. Người dân Xơ-đôm sống tội lỗi, ích kỷ và vô cảm. Tội ác lan tràn, khiến Thiên Chúa quyết định trừng phạt.

Một ngày nắng, ông Áp-ra-ham đang nghỉ dưới lều thì thấy ba người lạ mặt đến gần. Ông vội ra đón tiếp, mời họ vào dùng bữa. Bà Xa-ra và gia nhân chuẩn bị bữa ăn thịnh soạn với bánh nóng, thịt bê, sữa và phô mai. Sau khi ăn, các vị khách báo tin vui: “Năm tới, ông bà sẽ có một con trai.”

Ông bà vô cùng kinh ngạc và xúc động. Nhưng rồi họ cũng nghe một tin buồn: “Thành Xơ-đôm nơi Lót đang sống sẽ bị tiêu diệt.”

Vì gia đình ông Lót còn sống ngay chính, Thiên Chúa sai thiên sứ đến cứu họ. Ban đầu, họ chần chừ không chịu rời thành. Nhưng khi lửa trời và diêm sinh bắt đầu đổ xuống, thiên sứ phải giục họ chạy ngay.

Trong khi chạy trốn, vợ ông Lót quay nhìn lại, và bà bị biến thành tượng muối. Chỉ có ông Lót và hai người con gái kịp thoát. Thiên Chúa đã giữ lời hứa, cứu những người công chính khỏi tai họa, và tiếp tục thực hiện kế hoạch yêu thương cho nhân loại từ tổ phụ Áp-ra-ham.



Thử thách đức tin của ông Áp-ra-ham

(Sáng Thế 15; 21; 22)

Khi gọi ông Áp-ra-ham rời quê, Thiên Chúa đã hứa: “Ta sẽ làm ngươi thành tổ phụ của một dân tộc lớn. Con cháu ngươi sẽ nhiều như sao trên trời.”

Suốt nhiều năm, ông Áp-ra-ham đêm nào cũng ngược nhìn trời, chờ đợi lời hứa. Cuối cùng, khi ông và bà Xa-ra đã già, Thiên Chúa ban cho họ một bé trai. Ông đặt tên con là I-xa-ác. Bà Xa-ra ôm con mà cười sung sướng vì niềm vui quá lớn.



Nhưng rồi Thiên Chúa thử lòng ông Áp-ra-ham. Người phán: “Hãy đem I-xa-ác, con một của ngươi, lên núi Mô-ri-gia mà dâng làm lễ tế cho Ta.”

Đau lòng khôn xiết, nhưng ông vâng lời, vì ông đã học được cách tin tưởng tuyệt đối vào Thiên Chúa.

Sáng hôm sau, hai cha con lên đường. I-xa-ác vác củi, ông Áp-ra-ham mang dao và lửa. Suốt ba ngày đường, ông không nói gì với con về điều đang chờ đợi. Gần tới nơi, I-xa-ác hỏi: “Cha ơi, chúng ta có củi, có lửa, nhưng chiên để dâng đâu?”



Ông nghen ngào đáp: “Thiên Chúa sẽ lo liệu, con à.”

Khi dựng xong bàn thờ, ông Áp-ra-ham trói I-xa-ác lại và giờ dao lên...

Ngay lúc đó, Thiên Chúa gọi lớn: “Áp-ra-ham! Đừng ra tay! Giờ Ta biết ngươi hoàn toàn tin Ta.”

Ông nhìn quanh và thấy một con cừu bị mắc sừng trong bụi cây. Ông liền dâng con vật ấy thay cho con trai mình.

Hai cha con quỳ tạ ơn, và Chúa lặp lại lời hứa: “Vì ngươi tin, Ta sẽ chúc phúc cho ngươi đời đời.”



Một người vợ cho I-xa-ác (Sáng Thế 24)

Sau khi bà Xa-ra qua đời, ông Áp-ra-ham đã già yếu. Ông muốn tìm một người vợ tốt cho con trai là I-xa-ác. Nhưng ông không muốn con mình cưới vợ nơi đất Ca-na-an. Ông muốn cô gái đó phải thuộc dòng tộc của ông. Ông Áp-ra-ham liền gọi người đầy tớ thân tín nhất và nói: “Hãy đến xứ Pát-đan A-ram, quê cha đất tổ ta, nơi có người anh em tên là Na-kho. Ở đó, con hãy tìm vợ cho I-xa-ác.”

Người đầy tớ lo lắng: “Nếu cô gái không chịu theo con thì sao? Có nên đưa I-xa-ác tới đó không?”

Ông Áp-ra-ham đáp: “Không, con không được đưa I-xa-ác rời khỏi miền đất mà Thiên Chúa đã hứa ban cho dòng dõi ta.”

Vậy là người đầy tớ lên đường, mang theo lạc đà, quà sính lễ và gia nhân. Sau chặng đường dài, ông tới một



cái giếng ngoài thành. Lúc ấy, trời đã về chiều – giờ mà các cô gái thường ra múc nước. Ông cầu xin Thiên Chúa: “Xin chỉ cho con biết cô gái nào là người Chúa chọn. Nếu con xin nước uống mà cô ấy còn tự nguyện cho cả lạc đà uống nữa, thì chính là cô đó.”

Lời chưa dứt, một cô gái xinh đẹp xuất hiện. Cô múc nước, đưa cho ông, rồi cho cả lạc đà uống. Ông hỏi tên cô, và cô đáp: “Con là Rê-bê-ca, cháu gái ông Na-kho.”

Ông đầy tớ vui mừng tạ ơn Chúa, rồi theo cô về nhà. Gia đình cô tiếp đón ông nồng hậu. Sau khi nghe ông kể mọi chuyện và hiểu đây là ý Chúa, họ đồng ý gả Rê-bê-ca cho I-xa-ác.

Sáng hôm sau, cô Rê-bê-ca lên đường, dù chưa từng gặp chú rể. Chiều hôm đó, I-xa-ác ra đồng thì thấy đoàn lạc đà tiến về. Khi ánh mắt cậu gặp ánh mắt Rê-bê-ca – cả hai biết đó là định mệnh. I-xa-ác cưới cô làm vợ, và cậu yêu cô tha thiết.





Sự tích ông Gia-cóp

(Sáng Thế 27–28)

Ông I-xa-ác và bà Rê-bê-ca sinh được hai con trai sinh đôi: Ê-xau và Gia-cóp. Thiên Chúa phán rằng Ê-xau sẽ phải phục vụ em mình là Gia-cóp.

Ê-xau lớn lên khỏe mạnh, giỏi săn bắn và rất được cha yêu vì thường nấu món thịt rừng ngon.

Gia-cóp thì hiền lành, thích ở nhà, được mẹ Rê-bê-ca cưng chiều hơn. Hai anh em lớn lên rất khác nhau.



Gia-cóp nói dối để giành lời chúc phúc

(Sáng Thế 27)

Khi ông I-xa-ác già yếu, mắt ông bắt đầu mù lòa. Theo tục lệ, người cha sẽ chúc lành cho con trưởng nam trước khi qua đời. Ông I-xa-ác gọi Ê-xau đến và bảo: “Con hãy đi săn thú rừng, nấu cho cha món thịt hầm ngon, rồi cha sẽ chúc lành cho con.”

Bà Rê-bê-ca nghe được, vì yêu Gia-cóp hơn, bà bày mưu để con trai mình giả làm anh. Trong lúc Ê-xau ra đồng, bà cho bắt hai con dê non, nấu món ăn thật thơm. Bà lấy lông dê quấn tay và cổ Gia-cóp, cho giống làn da xồm xoàm của Ê-xau. Rồi bà lấy áo của Ê-xau cho Gia-cóp mặc. Gia-cóp bưng món ăn đến. Mắt ông I-xa-ác mù nên không thấy, nhưng ông vẫn nghi ngờ: “Con là Ê-xau thật không?”

Gia-cóp trả lời dối: “Thưa cha, đúng vậy.” Và ông I-xa-ác ban lời chúc phúc lớn nhất – lẽ ra dành cho con trưởng – cho Gia-cóp.

Khi Ê-xau trở về và biết mình bị lừa, anh tức giận vô cùng. Bà Rê-bê-ca sợ xảy ra chuyện nên bảo Gia-cóp trốn sang Pát-đan A-ram, quê mẹ, vừa để lánh nạn, vừa tìm vợ.



Chiêm bao và duyên kỳ ngộ (Sáng Thế 28–29)

Trên đường trốn đến quê mẹ, Gia-cóp đi một mình, lòng lo lắng và bất an. Tối đến, anh dùng chân nơi một thung lũng đầy sỏi đá, nằm ngủ và gối đầu lên một hòn đá. Trong giấc mơ, Gia-cóp thấy một cầu thang cao vút lên trời, có các thiên sứ lên xuống. Trên đỉnh cầu thang, Thiên Chúa hiện ra và phán: “Ta sẽ ban đất này cho ngươi và dòng dõi ngươi. Ta luôn ở với ngươi, gìn giữ ngươi khắp nơi, và sẽ đưa ngươi trở về.”

Tỉnh giấc, Gia-cóp run sợ nhưng cũng tràn đầy hy vọng. Anh cầu nguyện: “Nếu Chúa ở với con, giữ gìn con và đưa con về bình an, thì Ngài sẽ là Thiên Chúa của con.”



Cuối cùng, Gia-cóp đến quê mẹ. Tại một cái giếng, anh gặp một cô gái đến lấy nước cho đàn vật – đó chính là Rê-khen, con gái ông La-ban, bác ruột anh. Gia-cóp mừng rỡ, rơi nước mắt vì xúc động.

Ông La-ban tiếp đón cháu tử tế. Một tháng sau, ông hỏi Gia-cóp muốn được trả công ra sao. Gia-cóp đáp: “Cháu sẽ làm việc bảy năm để cưới Rê-khen.”

Vì yêu Rê-khen tha thiết, bảy năm trôi qua nhẹ như bảy ngày. Nhưng đến ngày cưới, ông La-ban lừa Gia-cóp cưới cô chị là Lê-a, theo phong tục địa phương. Gia-cóp buộc phải làm thêm bảy năm nữa để cưới Rê-khen. Từ đó, Gia-cóp có hai vợ. Anh yêu Rê-khen hơn, khiến Lê-a buồn tủi. Nhưng Lê-a sinh được sáu con trai và một con gái, còn Rê-khen thì không có con trong nhiều năm. Cuối cùng, Thiên Chúa nhớ đến Rê-khen. Bà sinh một bé trai và đặt tên là Giu-se.



Chuyến trở về (Sáng Thế 31-33)

Sau nhiều năm sống ở nhà ông La-ban, Gia-cóp mong muốn trở về quê hương. Nhưng vì ông đã giúp La-ban trở nên giàu có, nên ông này không muốn để Gia-cóp đi. La-ban nói: “Cứ ở lại, cha sẽ trả công theo điều con muốn.”

Gia-cóp nhân cơ hội này nói: “Con chỉ xin những con chiên, dê đen và những con có đốm.”

Dù La-ban tìm cách lừa, Thiên Chúa ở với Gia-cóp, nên đàn súc vật của ông sinh sôi đông đúc. Gia-cóp trở nên giàu có khiến La-ban ghen tức.

Biết La-ban sẽ không dễ buông tha, Gia-cóp bí mật rời đi, dẫn theo vợ con, gia nhân và cả đàn súc vật. La-ban đuổi theo, nhưng không thể thuyết phục ông quay lại. Trên đường về xứ Ca-na-an, Gia-cóp lo lắng về anh mình là Ê-xau – người mà ngày xưa ông đã lừa lấy lời chúc phúc. Nghe tin Ê-xau đang đến với bốn trăm người, ông rất sợ hãi. Gia-cóp cầu nguyện: “Lạy Thiên Chúa, con không xứng đáng với ơn lành của Ngài. Xin hãy cứu con khỏi cơn giận của anh con Ê-xau.”

Ông chuẩn bị nhiều tặng phẩm – chiên, dê, bò, lừa – và sai người mang đi trước để làm hòa. Sau đó, ông đưa vợ con sang sông Giáp-bốc, còn mình ở lại một mình.

Đêm đó, một người lạ đến vật lộn với ông suốt đêm. Gia-cóp không chịu buông nếu không được Thiên Chúa chúc lành. Người ấy ban cho ông tên mới là Ít-ra-en – nghĩa là “người chiến đấu với Thiên Chúa và thắng”.

Sáng hôm sau, Gia-cóp nhìn thấy Ê-xau từ xa. Trong lo lắng, ông đi khắp khiêng ra đón. Nhưng thay vì giận dữ, Ê-xau chạy đến ôm lấy em mình. Họ khóc trong niềm vui đoàn tụ. Những chuyện cũ tan biến hết.

Gia-cóp nói: “Khi nhìn thấy mặt anh, em như nhìn thấy dung nhan Thiên Chúa.”

Và ông nài xin Ê-xau nhận món quà như một dấu hiệu của lòng biết ơn và tình huynh đệ.



Ông Giu-se và các anh (Sáng Thế 37-50)

Ông Gia-cóp có mười hai người con trai. Trong đó, Giu-se – con của bà Ra-khen – là người ông yêu quý nhất. Vì quá thương vợ, lại mất Ra-khen sớm, nên ông Gia-cóp thiên vị Giu-se hơn các anh. Ông may cho Giu-se một chiếc áo choàng đặc biệt, vốn thường dành cho con trưởng. Việc đó khiến các anh ganh tị, đặc biệt là Rưu-vên, con đầu lòng.

Giu-se còn hay kể lại những giấc mơ kỳ lạ, trong đó các anh và cha mình đều cúi đầu lạy cậu. Nghe vậy, ai nấy càng thêm tức giận, kể cả ông Gia-cóp.

Một hôm, Gia-cóp sai Giu-se ra đồng tìm các anh và đàn vật. Nhưng khi vừa thấy cậu từ xa, các anh liền bàn nhau giết Giu-se. Rất may, Rưu-vên can ngăn, bảo đừng giết vội mà hãy ném cậu xuống hố. Anh thậm định bụng sẽ cứu Giu-se sau. Rắc rối từ đây bắt đầu...



Bị bán làm nô lệ (Sáng Thế 37-39)

Rưu-vên đề nghị: “Đừng giết Giu-se. Ném em xuống giếng cạn này là được.”

Các anh đồng ý. Rồi khi Rưu-vên vắng mặt, có đoàn lái buôn đi qua, đang trên đường đến Ai Cập. Họ bán Giu-se với giá hai mươi đồng bạc. Khi Rưu-vên quay lại, Giu-se đã bị đem đi. Họ nhúng chiếc áo choàng của Giu-se vào máu dê, mang về đưa cho cha. Ông Gia-cóp tin rằng con mình bị thú dữ xé xác, và khóc than đau đớn. Không ai có thể an ủi ông được.

Trong khi đó, Giu-se bị bán cho Pô-ti-pha, một quan lớn của vua Pha-ra-ô. Dù sống nơi đất khách, Thiên Chúa vẫn ở cùng Giu-se. Cậu siêng năng, trung thực, nên được giao quản lý toàn bộ nhà cửa và tài sản của chủ. Giu-se lại có dung mạo khôi ngô, khiến vợ ông Pô-ti-pha đem lòng quyến rũ. Nhưng cậu trung thành và từ chối. Vì giận, bà vu oan cho Giu-se, nói rằng cậu đã tấn công bà. Tai họa lại giáng xuống đầu Giu-se.



Trong nhà tù của vua (Sáng Thế 39–40)

Vì bị vu oan, Giu-se bị ông Pô-ti-pha nổi giận và cho tống vào ngục. Nhưng Thiên Chúa vẫn ở cùng cậu, và người quản ngục sớm tin tưởng giao cho Giu-se trông coi các tù nhân. Trong số đó có hai người từng hầu cận vua Pha-ra-ô: một quan dâng rượu và một quan làm bánh. Một đêm, cả hai đều có những giấc mơ kỳ lạ và sáng hôm sau trông rất lo lắng.

Giu-se hỏi thăm và nói: “Thiên Chúa có thể cho biết ý nghĩa giấc mơ.” Họ kể lại chiêm bao, và Giu-se được Thiên Chúa soi sáng để giải nghĩa. Quan dâng rượu thấy mình ép nho và dâng lên vua. Giu-se nói: “Ba ngày nữa, quan sẽ được tha và phục hồi chức cũ. Xin nhớ đến tôi và giúp tôi ra khỏi ngục.”

Quan làm bánh thì thấy ba giỏ bánh trên đầu, bị chim ăn sạch. Giu-se nói: “Ba ngày nữa, vua sẽ xử tử quan.” Mọi việc xảy ra đúng như vậy. Nhưng quan dâng rượu quên mất lời hứa với Giu-se.



Giấc chiêm bao của vua và cuộc hội ngộ của Giu-se (Sáng Thế 41–45)

Hai năm sau, Pha-ra-ô chiêm bao những điều kỳ lạ, nhưng không ai trong triều có thể giải nghĩa. Lúc đó, quan dân rượu mới nhớ đến Giu-se và kể cho vua nghe. Thế là Giu-se được đưa ra khỏi ngục để vào cung.

Vua kể: “Ta thấy bảy con bò béo lên từ sông Nin, rồi bảy con bò gầy đến và nuốt chúng. Sau đó là bảy bông lúa đầy, bị bảy bông lúa lép nuốt mất.”

Giu-se nói: “Cả hai giấc mơ là một. Thiên Chúa cho biết: sẽ có bảy năm được mùa, rồi bảy năm mất mùa nghiêm trọng. Vua nên cất trữ lúa thóc trong các năm được mùa để dân không chết đói.”



Vua Pha-ra-ô rất khâm phục. Ông lập Giu-se làm tể tướng Ai Cập, đeo nhẫn và vòng vàng, cho mặc áo sang trọng để cai trị cả xứ.

Bảy năm được mùa trôi qua. Khi mất mùa kéo đến, chỉ Ai Cập có lúa nhờ Giu-se đã chuẩn bị trước. Người khắp nơi kéo đến xin mua lúa – kể cả các con của Gia-cóp từ Ca-na-an. Mười người anh của Giu-se đến Ai Cập để mua lúa, không nhận ra em mình, nhưng Giu-se thì nhận ra họ ngay. Ông muốn thử xem các anh có thay đổi không nên giả vờ nghiêm khắc.

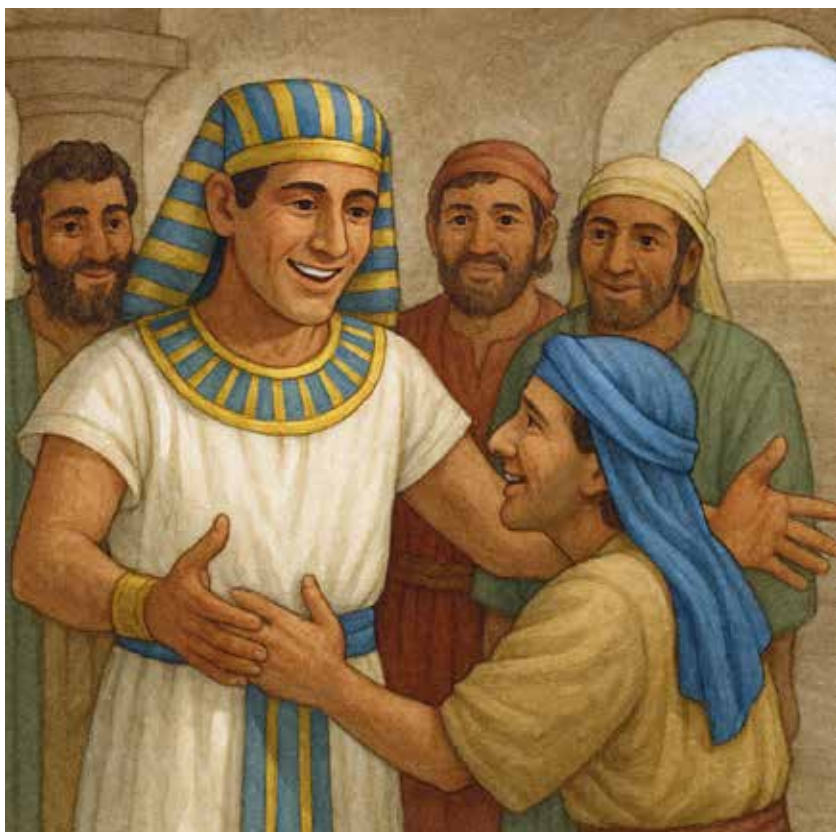
Giu-se nói: “Các người là do thám!”

Và tống họ vào ngục ba ngày, rồi thả ra, nhưng giữ Si-môn làm con tin, buộc họ lần sau phải đem em út Ben-gia-min đến.



Khi về tới nhà, họ mở bao bì ra và thấy tiền mua lúa đã được trả lại – điều khiến ai nấy đều lo sợ. Lúc lương thực lại cạn, họ đành xin cha cho Ben-gia-min đi theo. Ban đầu ông Gia-cóp không đồng ý, nhưng sau cùng cũng phải chấp nhận.

Trở lại Ai Cập, các anh em được Giu-se tiếp đón. Thấy Ben-gia-min, Giu-se xúc động nhưng chưa lộ thân phận. Họ được mời dùng bữa, và phần của Ben-gia-min nhiều gấp năm lần các anh.



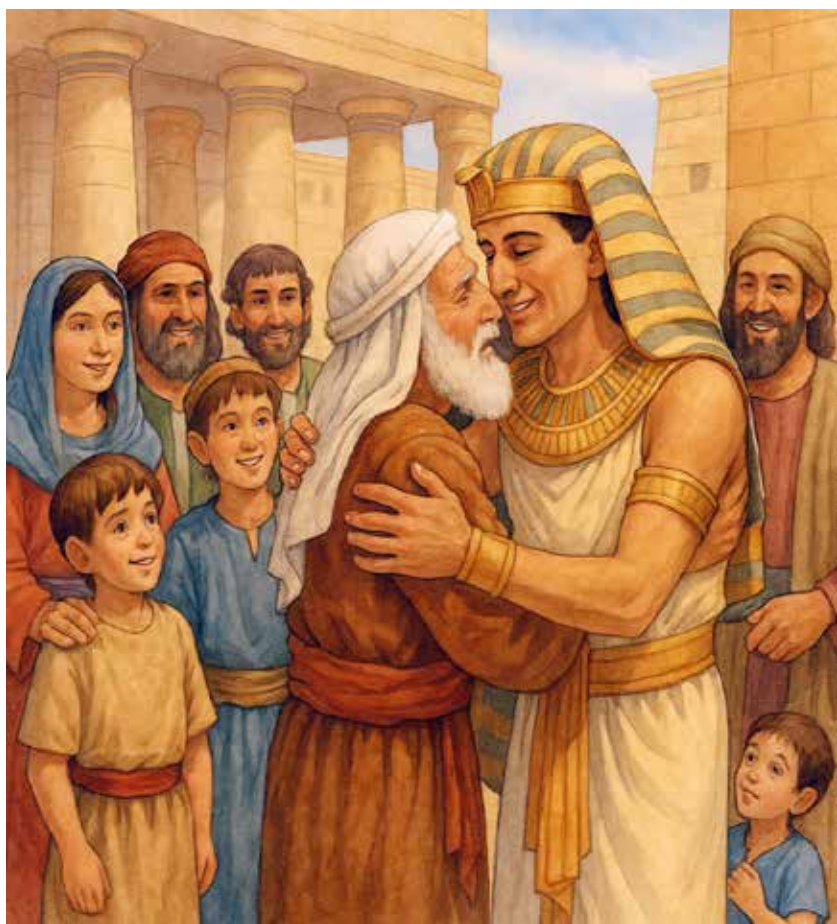
Sáng hôm sau, Giu-se bảo đây tổ giấu chiếc chén bạc vào bao của Ben-gia-min. Khi họ vừa rời thành, lính đuổi theo bắt lại. Mở bao của Ben-gia-min, ai cũng sững sờ khi thấy chiếc chén nằm trong đó! Họ cúi rạp trước Giu-se. Ông nói: “Kẻ lấy chén sẽ làm nô lệ. Còn lại được về nhà.”

Giu-đa bước lên, thưa rằng: “Nếu em út không về, cha chúng tôi sẽ đau khổ mà chết. Xin cho tôi ở lại thay em.” Lúc ấy, Giu-se không cầm được nước mắt. Ông đuổi mọi người ra ngoài, rồi bật khóc lớn tiếng. Ông nói: “Tôi là Giu-se, em của các anh đây! Cha còn sống không?”



Các anh kinh ngạc, sợ hãi. Nhưng Giu-se trấn an: “Đừng lo. Thiên Chúa đã gửi tôi đến đây trước để cứu gia đình mình. Sẽ còn năm năm đói kém nữa. Hãy đưa cha và tất cả đến sống gần tôi, tại đất Gô-sen.” Rồi ông ôm các anh, hôn từng người, nước mắt giàn giụa.

Gia đình Gia-cóp rời Ca-na-an, mang theo vợ con, gia nhân và đàn súc vật. Ông Gia-cóp được đưa vào hoàng cung yết kiến vua, và cả gia đình được định cư ở Gô-sen – phần đất màu mỡ nhất của Ai Cập, nơi họ sống đoàn tụ, hạnh phúc và bình an.

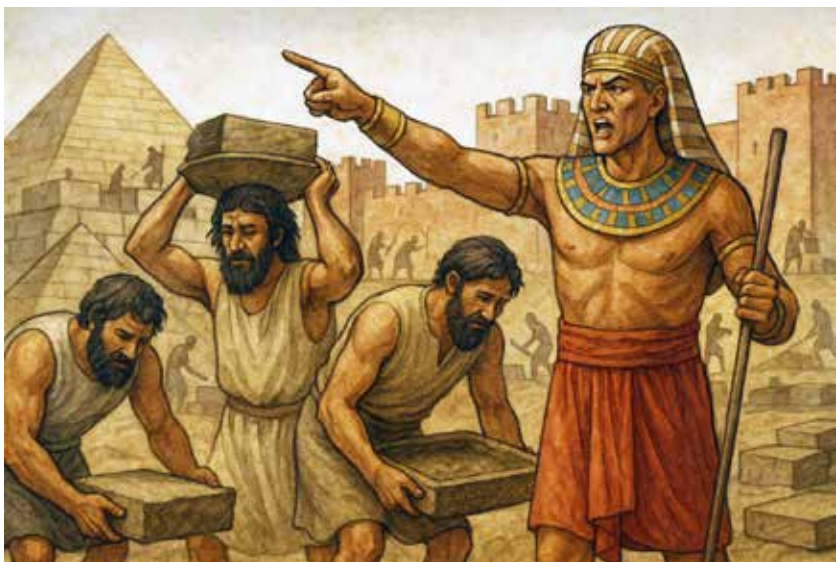


Chúa gọi ông Mô-sê đi giải thoát dân Ít-ra-en

(Xuất Hành 1-4)

Dòng dõi ông Gia-cóp, gọi là người Ít-ra-en, ngày càng đông đúc tại Ai Cập. Vua mới của Ai Cập lo sợ họ quá mạnh, nên ra lệnh bắt họ làm nô lệ, xây thành trì, sản xuất gạch. Dù khổ sai, họ vẫn sinh sôi. Vua lại ban lệnh giết hết các bé trai sơ sinh, ném xuống sông Nin. Trong lúc ấy, bà Giô-khe-vét, một phụ nữ Ít-ra-en, sinh được bé trai. Sợ con bị giết, bà giấu con suốt ba tháng. Khi không thể giấu được nữa, bà đặt bé vào một cái thúng và thả trôi giữa đám sậy ven sông. Mi-ri-am, chị bé, nấp gần đó để trông chừng.

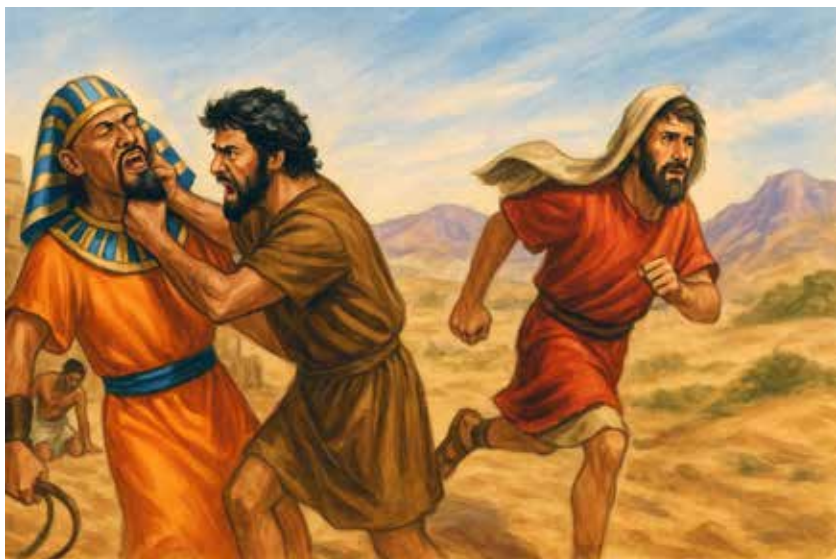
Công chúa Ai Cập ra tắm sông, thấy cái thúng, sai người lấy lên. Thấy đứa bé đang khóc, nàng thương xót và nhận làm con nuôi, đặt tên là Mô-sê. Mi-ri-am liền đến thưa: “Con biết một người có thể nuôi bé này.” Và người đó chính là mẹ ruột của Mô-sê.



Mô-sê lớn lên trong hoàng cung, được học hành như người Ai Cập. Nhưng ông không quên mình là người Ít-ra-en. Một hôm thấy một đóc công đánh đập đồng bào mình, Mô-sê tức giận giết người Ai Cập ấy, rồi trốn vào sa mạc Ma-đi-an.

Tại đây, ông làm nghề chăn chiên và sống bình dị nhiều năm. Trong khi đó, dân Ít-ra-en càng lúc càng khốn khổ dưới ách Ai Cập.

Một hôm, khi Mô-sê đang chăn chiên, ông thấy một bụi gai bốc cháy mà không bị thiêu rụi. Ông đến gần thì nghe tiếng Chúa phán: “Cởi dép ra, vì nơi ngươi đứng là đất thánh. Ta là Thiên Chúa của tổ tiên ngươi. Ta đã thấy nỗi khổ của dân Ta. Hãy đi đến Pha-ra-ô và dẫn dân Ta ra khỏi Ai Cập.”



Mô-sê run sợ, thưa: “Con không biết nói, và dân sẽ không nghe con đâu!”

Nhưng Chúa đáp: “Ta sẽ ở cùng ngươi. Hãy đem A-ha-ron, anh ngươi, đi cùng. Ta sẽ dạy các ngươi phải nói gì. Ta sẽ ban quyền năng để con làm phép lạ.”

Chúa đã chọn Mô-sê để giải thoát dân Ít-ra-en, và lời hứa ấy mở ra một hành trình vĩ đại của đức tin.



Pha-ra-ô cứng lòng (Xuất Hành 5-14)

Ông Mô-sê và ông A-ha-ron đến gặp vua Ai Cập để truyền lời Chúa: “Hãy để dân Ta đi vào sa mạc dâng lễ vật.” Nhưng Pha-ra-ô cứng lòng, đáp lại: “Ta đâu biết Thiên Chúa của các người! Ta sẽ không thả dân Ít-ra-en.” Vua nổi giận, bắt dân phải tự đi lượm rơm làm gạch, mà số lượng vẫn phải giữ nguyên. Công việc khổ sai càng thêm nặng nhọc. Ông Mô-sê cầu xin Thiên Chúa ra tay cứu giúp.

Chúa phán: “Ta sẽ ra tay mạnh mẽ. Pha-ra-ô sẽ phải để dân Ta ra đi, và Ai Cập sẽ biết Ta là Thiên Chúa.” Ông Mô-sê và ông A-ha-ron trở lại, nhưng vua đòi thấy phép lạ. A-ha-ron ném gậy xuống đất, gậy hóa thành một con rắn. Nhưng phù thủy Ai Cập cũng làm điều tương tự, nên vua chẳng mảy may đổi ý.



Các tai ương giáng xuống Ai Cập

Thiên Chúa bắt đầu giáng xuống Ai Cập mười tai ương kinh hoàng:

1. Nước sông Nin hóa thành máu, cá chết, nước bốc mùi hôi thối.
2. Éch nhái tràn khắp nơi, từ đồng ruộng đến cung điện.
3. Ruồi muỗi và côn trùng bay đặc trời.
4. Dịch bệnh giết chết toàn bộ gia súc Ai Cập.
5. Người Ai Cập bị ung nhọt khắp thân thể.
6. Mưa đá khủng khiếp trút xuống phá hủy mùa màng.
7. Châu chấu kéo đến ăn sạch mọi thứ xanh tươi còn sót lại.
8. Ba ngày tối đen bao phủ khắp Ai Cập – nhưng đất Gô-sen, nơi người Ít-ra-en sống, vẫn có ánh sáng.

Sau mỗi tai ương, vua Pha-ra-ô lại hứa cho dân ra đi, nhưng rồi lại đổi ý, tiếp tục cứng lòng.



Đêm vượt qua

Cuối cùng, Thiên Chúa giáng tai họa thú mười: con đầu lòng của mỗi gia đình Ai Cập chết trong một đêm – kể cả thái tử.

Nhưng các gia đình Ít-ra-en thì được bảo vệ. Theo lệnh Chúa, họ giết một con chiên, lấy máu bôi lên khung cửa, rồi nướng thịt ăn với bánh không men và rau đắng.

Thiên Chúa vượt qua nhà họ, không gây tổn hại. Từ đó, người Ít-ra-en hằng năm tổ chức bữa tiệc gọi là Lễ Vượt Qua, để ghi nhớ ngày Thiên Chúa cứu họ.



Thoát khỏi Ai Cập

Sáng hôm sau, dân Ai Cập hoảng sợ và giục người Ít-ra-en rời đi thật nhanh, thậm chí còn tặng vàng, bạc và quần áo quý. Dân Ít-ra-en lên đường, nhưng vua Pha-ra-ô lại đổi ý. Ông điều động đoàn chiến xa đuổi theo.

Khi người Ít-ra-en bị kẹt giữa biển Đỏ trước mặt và quân thù phía sau, họ sợ hãi tột độ. Nhưng ông Mô-sê giơ tay cầu nguyện, và Chúa gửi một cơn gió đông mạnh mẽ suốt đêm, tách biển ra, tạo thành con đường khô ráo giữa biển. Người Ít-ra-en đi qua an toàn. Khi quân Ai Cập đuổi theo, nước biển ập xuống, nhấn chìm toàn bộ đạo binh của Pha-ra-ô.

Dân Ít-ra-en hát mừng ca tụng Thiên Chúa, vì Người đã giải thoát họ khỏi nô lệ và đưa đến tự do.



“Man-na” trong sa mạc

(Xuất hành 16–17; Dân số 11; 20)

Dân Ít-ra-en đã thoát khỏi Ai Cập. Họ không còn làm nô lệ nữa, họ được tự do! Cô Mi-ri-am, chị ông Mô-sê và A-ha-ron, dẫn đầu các thiếu nữ, tay cầm trống, vừa múa vừa ca hát: “Hát mừng Đức Chúa, Đấng chiến thắng oai hùng! Kỵ binh và chiến mã, Người xô xuống đại dương!” Nhưng chỉ ít lâu sau, họ đã quên những tháng ngày bị đánh đập khổ sai. Giờ đây, điều họ nhớ nhất lại là những bữa ăn tại Ai Cập: nào cá, dưa, hành, tỏi... Còn trong sa mạc thì chẳng có gì ăn. Họ càu nhàu: “Phải chi chúng tôi chết ở Ai Cập còn hơn là chết đói trong sa mạc này!”



Thiên Chúa nghe thấy, và phán với ông Mô-sê: “Ta sẽ ban cho họ thức ăn. Tối nay họ sẽ có thịt, và mỗi sáng sẽ có một loại bánh từ trời. Ngày thứ Sáu sẽ có đủ cho hai ngày, vì ngày thứ Bảy là ngày nghỉ kính Ta.”

Chiều hôm đó, một đàn chim cút đáp xuống quanh trại. Dân bắt chim và được ăn thịt no nê. Sáng hôm sau, một lớp sương mỏng tan đi, để lại thứ bánh trắng lạ kỳ trên mặt đất. Họ gọi đó là man-na – có vị thơm ngon như bánh quy mật ong.

Từ đó trở đi, mỗi ngày họ đều được Thiên Chúa ban man-na để ăn. Suốt thời gian trong sa mạc, họ không bao giờ phải đói.



Nhưng rồi đến chuyện khát nước. Trong nắng gắt, dân lại cầu nhau: “Cho chúng tôi nước uống! Bộ ông dẫn chúng tôi ra đây để chết khát sao?”

Ông Mô-sê lại cầu xin Thiên Chúa. Và Thiên Chúa phán: “Cầm lấy cây gậy của ngươi, đập vào tảng đá.”

Ông làm như lời Chúa – và nước tuôn trào từ đá, đủ cho cả dân uống.

Dù dân nhiều lần than phiền và thử thách Thiên Chúa, Người vẫn không bỏ rơi họ. Suốt bốn mươi năm trong sa mạc, Thiên Chúa nuôi dưỡng, cho họ nước uống, và dạy họ tin cậy nơi Người.



Thiên Chúa ban Mười Điều Răn

(Xuất hành 19-24; 32-34)

Sau khi ra khỏi Ai Cập, ông Mô-sê dẫn dân Ít-ra-en băng qua sa mạc đến núi Xi-nai, nơi Thiên Chúa hẹn gặp. Thiên Chúa hiện diện bằng cột mây ban ngày và cột lửa ban đêm. Khi đến nơi, dân dựng trại dưới chân núi.

Thiên Chúa phán qua ông Mô-sê: “Ta đã đưa các ngươi ra khỏi Ai Cập. Nếu các ngươi vâng nghe lời Ta, các ngươi sẽ là dân riêng của Ta.”

Dân đồng thanh đáp: “Chúng con xin vâng!”



Thiên Chúa bảo dân chuẩn bị: giặt sạch quần áo, sửa soạn tâm hồn, vì sau ba ngày, Người sẽ ngự xuống núi. Sáng ngày thứ ba, núi Xi-nai rung chuyển trong sấm chớp và mây mù, khiến dân run sợ. Chỉ ông Mô-sê và A-ha-ron được lên núi gặp Chúa.

Tại đó, Thiên Chúa ban cho họ Mười Điều Răn:

1. Thờ phượng một Thiên Chúa duy nhất.
2. Không tạc tượng thần mà thờ.
3. Trọng kính danh Chúa.
4. Giữ ngày Sa-bát.
5. Thào kính cha mẹ.
6. Không giết người.
7. Trung thủy vợ chồng.
8. Không trộm cắp.
9. Không nói dối.
10. Không ham muốn của người khác.

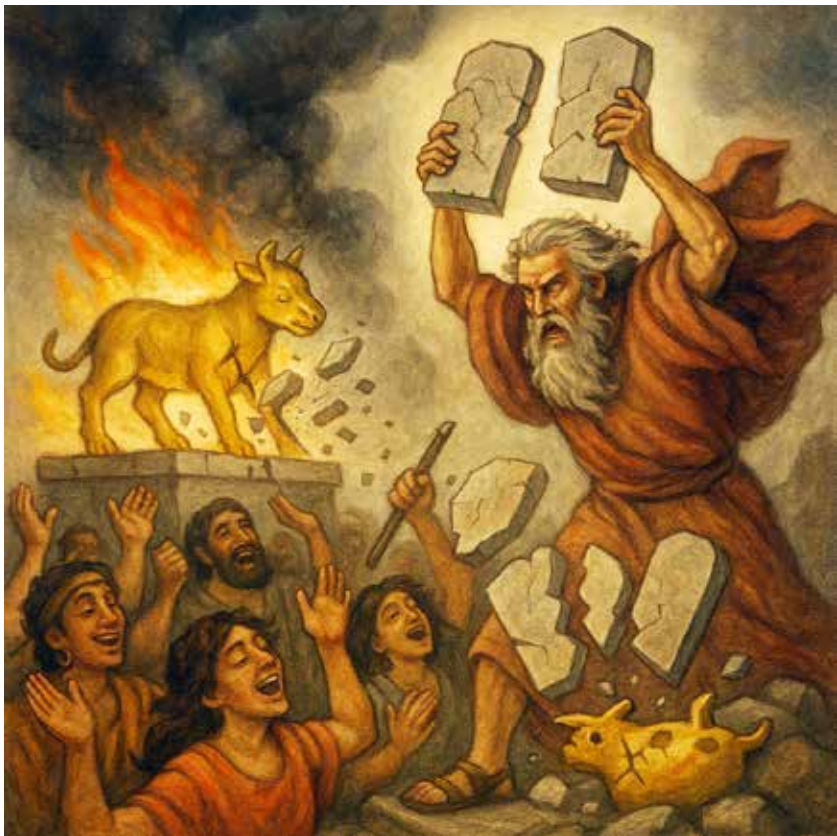
Đây là luật luân lý nền tảng cho dân Chúa. Dân đồng ý tuân giữ.

Sau đó, Thiên Chúa viết các điều răn ấy trên hai tấm bia đá, và ông Mô-sê lại lên núi nhận lấy. Nhưng ông ở lại quá lâu khiến dân nôn nóng. Họ xin ông A-ha-ron làm cho họ một vị thần mới. Ông A-ha-ron gom

đồ trang sức bằng vàng, đúc thành một con bê vàng, rồi dựng bàn thờ mở tiệc ăn mừng.

Thiên Chúa nổi giận. Ông Mô-sê cũng phẫn nộ khi thấy cảnh dân hát múa thờ ngẫu tượng. Ông đập vỡ các tấm bia đá và phá hủy con bê vàng.

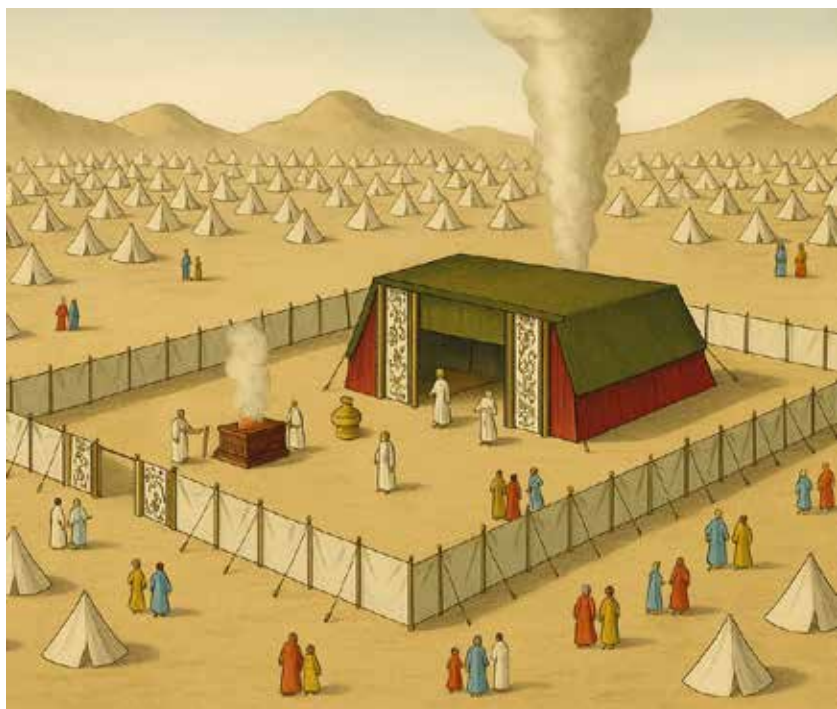
Dù dân phạm tội nặng, ông Mô-sê vẫn cầu xin Thiên Chúa tha thứ. Và Thiên Chúa đã tha. Người lại khắc lại các điều răn trên bia đá, tái lập giao ước giữa Người với dân. Lần này, dân nghiêm túc lắng nghe, quyết tâm sống theo luật Chúa ban.



Lều Hội Ngộ

Khi đến núi Xi-nai, ông Mô-sê truyền lại cho dân Ít-ra-en các điều luật Thiên Chúa ban: luật về đời sống luân lý, sức khỏe, hình phạt và cách phụng thờ. Thiên Chúa dạy dân Người sống thánh thiện, công chính và khác biệt với những dân tộc ngoại bang, vốn thờ nhiều thần, ăn chơi chè chén, đối xử tệ với phụ nữ và thậm chí tế thần bằng con ruot.

Thiên Chúa phán: “Các người không được sống theo tục lệ của chúng. Các người phải sống thánh thiện, thuộc về một mình Ta.” Người truyền cho ông Mô-sê cách thức tổ chức các lễ nghi, dâng lễ vật và thiết kế một nơi riêng biệt để Người ngự giữa dân — chiếc Lều Hội Ngộ, hay còn gọi là Nhà Tạm.



Chiếc lều này sẽ làm bằng lông dê và vải quý, được ngăn làm hai gian. Gian ngoài dành cho các tu tế dâng hương, đặt bàn thờ bằng vàng, bàn bánh thánh và trụ đèn bảy ngọn. Gian trong, gọi là Nơi Cực Thánh, chỉ thượng tế được vào mỗi năm một lần, để xin tha tội cho toàn dân. Trong đó đặt Hòm Bia Giao Ước, làm bằng gỗ bọc vàng, chứa các bia đá khắc Mười Điều Răn, có nắp vàng và hai tượng thiên thần giang cánh phủ lên trên. Dân hân hoan dâng tặng vật liệu quý: vàng, bạc, đá quý, vải đẹp... Thợ khéo tay dệt vải, khắc đá, rèn kim loại. Khi công trình hoàn tất, vinh quang Thiên Chúa bao phủ Nhà Tạm trong một đám mây, báo hiệu Người hiện diện.



Thiên Chúa chọn ông A-ha-ron làm thượng tế, con cháu ông phục vụ trong hàng tư tế, và những người thuộc dòng Lê-vi giúp việc tại Đền Thờ. Các tư tế lo tế lễ hằng ngày và các nghi thức đặc biệt trong năm.

Mô-sê dạy dân hiểu: Thiên Chúa là Đấng tốt lành tuyệt đối. Không ai bất toàn hoặc có tội có thể đến gần Người. Tội lỗi làm con người xa cách Thiên Chúa và dẫn đến sự chết. Vì thế, Thiên Chúa chấp nhận các lễ tế bằng máu chiên hoặc dê như cách đền tội thay cho người phạm lỗi.

Ngày Xá Tội mỗi năm là dịp thượng tế thay mặt dân dâng lễ vật đền tội, xin Thiên Chúa tha thứ cho toàn dân. Ngoài ra, dân còn phải giữ ngày sa-bát (thứ Bảy) làm ngày nghỉ và tôn vinh Thiên Chúa, như Người đã nghỉ ngày thứ bảy sau khi tạo dựng vũ trụ.

Các lễ hội tôn giáo cũng được Thiên Chúa thiết lập:

Lễ Vượt Qua và Bánh Không Men: mừng biến cố Thiên Chúa cứu họ ra khỏi Ai Cập.

Lễ Dâng Của Đầu Mùa vào đầu hè.

Lễ Gặt Hái, Hò Reo và Lễ Lều vào mùa thu.

Mỗi ngày lễ là dịp dâng của lễ, ăn mừng và nhắc nhau nhớ đến lòng thương xót và ân sủng của Thiên Chúa. Chiếu lều thánh nhắc họ rằng Thiên Chúa hằng ở giữa dân Người. Và trong từng buổi tế lễ, từng ngày nghỉ

ngôi, từng bữa tiệc mừng, họ biết rằng mình là dân riêng của Thiên Chúa, được tha thứ, được đồng hành và được yêu thương.

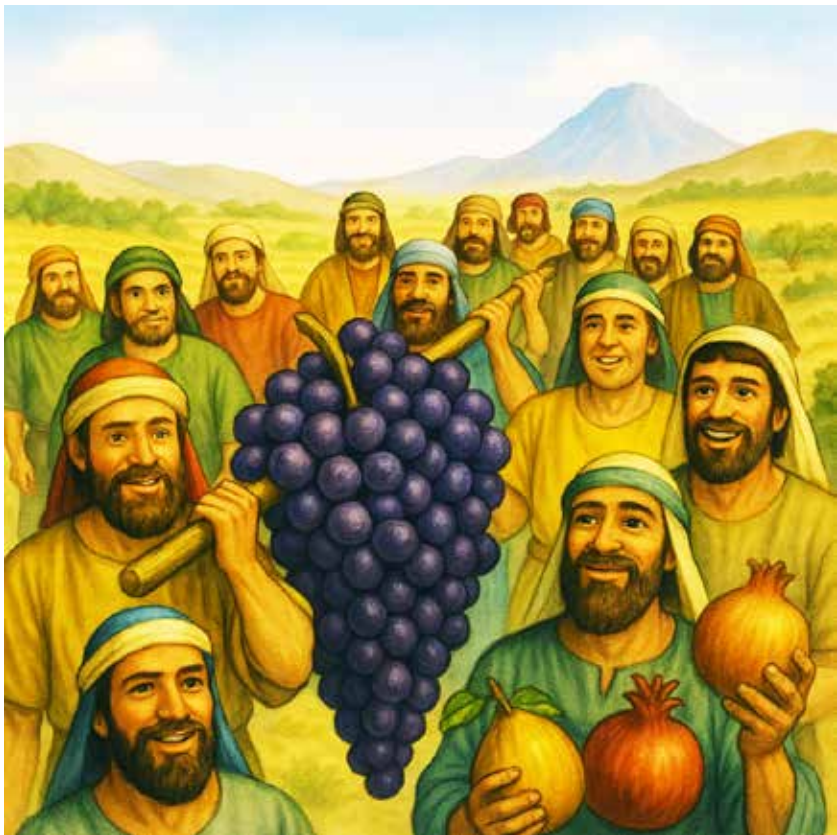




Do thám đất Ca-na-an

(Dân số 13–14; 17; 21)

Sau khi nhận lễ luật từ Thiên Chúa tại núi Xi-nai, dân Ít-ra-en tiếp tục hành trình về phía bắc, tiến đến ranh giới đất Ca-na-an – miền đất Thiên Chúa đã hứa ban. Từ mỗi chi tộc, họ chọn một người đi do thám đất hứa. Bốn mươi ngày sau, họ trở về mang theo những chùm nho, vả và lựu lớn chứng minh Ca-na-an là vùng trù phú. Nhưng họ cũng sợ hãi báo rằng dân cư ở đó to lớn như người khổng lồ, các thành thì kiên cố.



Nghe vậy, dân hoảng loạn và than trách: “Tại sao phải rời Ai-cập? Thà quay lại còn hơn chết ở đây!” Hai người do thám là Giô-suê và Ca-lép can ngăn: “Đừng sợ! Thiên Chúa ở cùng chúng ta.” Nhưng dân vẫn không nghe, làm Thiên Chúa nổi giận. Người phán: “Các ngươi sẽ phải lang thang 40 năm trong sa mạc cho đến khi thế hệ vô tín này qua đi. Chỉ có Giô-suê và Ca-lép được vào đất hứa.”

Một nhóm người cứng đầu vẫn xông lên giao chiến – và thất bại thảm hại.

Thời gian trôi, dân tiếp tục than trách, gây rối. Có người chống đối ông Mô-sê và A-ha-ron, đòi thay đổi lãnh đạo. Ông Mô-sê bảo mỗi chi tộc đem một nhánh hạnh đào khắc tên lãnh đạo, đặt trong Lều Hội Ngộ.



Sáng hôm sau, chỉ có nhánh của A-ha-ron nở hoa, đơm trái – dấu hiệu Thiên Chúa chọn ông làm thượng tế. Đám phản đối câm lặng.

Nhiều năm sau, ông A-ha-ron qua đời. Dân lại kêu trách vì khổ sở trong sa mạc: “Không có gì ăn uống, chỉ có man-na!” Thiên Chúa giáng phạt bằng rắn độc khiến nhiều người chết. Họ hối hận xin ông Mô-sê cầu xin Thiên Chúa tha thứ. Thiên Chúa truyền ông đúc một con rắn bằng đồng, treo lên cột cao. Ai bị cắn, chỉ cần nhìn lên rắn đồng thì được cứu sống. Người nào tin và làm theo lời Chúa đều được chữa lành.



Hai người do thám và lòng tin của cô Ra-kháp

(Giô-suê 2)

Từ trại Sít-tim, ông Giô-suê bí mật sai hai người đi do thám thành Giê-ri-khô. Họ đến một ngôi nhà của cô kỹ nữ tên là Ra-kháp và nghỉ lại đó. Tin tức lọt đến tai vua Giê-ri-khô, nên ông sai người đến yêu cầu Ra-kháp giao nộp hai người lạ. Nhưng Ra-kháp đã giấu họ trên sân thượng, dưới đồng cây gai, và nói dối rằng họ đã rời đi khi cửa thành sắp đóng. Quân lính vội vã đi tìm trên đường ra sông Gio-đan.

Sau khi mọi việc lắng xuống, Ra-kháp lên sân thượng và nói với hai người do thám rằng cô tin ĐỨC CHÚA đã ban vùng đất Ca-na-an cho dân Ít-ra-en, bởi cô đã nghe kể những việc Thiên Chúa đã làm: chia Biển Sậy cho dân đi qua, và chiến thắng hai vua Xi-khôn và Ốc.



Cô xin họ nhân danh ĐỨC CHÚA mà thế sẽ bảo vệ gia đình cô – cha mẹ, anh chị em – khi thành bị đánh chiếm. Hai người đàn ông hứa giữ lời, với điều kiện Ra-kháp không được tiết lộ chuyện này và phải buộc một sợi dây chỉ điều nơi cửa sổ cô đã thả họ xuống. Cô cũng phải giữ toàn bộ gia đình trong nhà để được an toàn. Ai ra ngoài sẽ không còn được bảo vệ. Ra-kháp đồng ý, buộc dây chỉ đỏ nơi cửa sổ và chỉ đường cho họ trốn lên núi ba ngày để tránh quân đuổi bắt.

Sau ba ngày ẩn náu, hai người trở về, vượt sông và thuật lại cho ông Giô-suê mọi việc đã xảy ra. Họ xác nhận: “ĐỨC CHÚA đã nộp toàn vùng đất vào tay chúng ta, và dân cư ở đó đều kinh hoàng sợ hãi trước mặt chúng ta.”



Thành Giê-ri-khô (Giô-suê 3-6)

Dưới sự hướng dẫn của Thiên Chúa, ông Giô-suê chuẩn bị đưa dân Ít-ra-en vượt sông Gio-đan để tiến vào đất Ca-na-an. Dù sông đang mùa lũ, nhưng Thiên Chúa đã truyền cho các tư tế khiêng Hòm Bia đi trước. Khi các tư tế nhúng chân xuống nước, dòng sông bỗng ngưng lại ở thượng nguồn, tạo ra một lối khô cạn để dân đi qua. Đây là dấu chỉ quyền năng Thiên Chúa, Đấng từng đưa dân ra khỏi Ai Cập, giờ lại dẫn họ vào Đất Hứa. Khi đã qua sông, họ lấy mười hai tảng đá tượng trưng cho mười hai chi tộc, dựng làm bia kỷ niệm. Thiên Chúa phán: "Để sau này con cháu các người biết Ta đã đưa các người vào đất này cách kỳ diệu như thế nào."



Dân đóng trại gần thành Giê-ri-khô và mừng lễ Vượt Qua. Họ ăn bánh nướng và rang lúa trong xú, từ đó man-na không còn rơi nữa – cuộc hành trình trong sa mạc đã kết thúc.

Giê-ri-khô là một thành kiên cố, tường cao, cổng đóng kín. Thiên Chúa phán với ông Giô-suê: “Ta sẽ nộp thành, vua và dũng sĩ vào tay ngươi. Sáu ngày, các ngươi đi vòng quanh thành mỗi ngày một lần, có bảy tư tế thổi tù và đi trước Hòm Bia. Ngày thứ bảy, các ngươi đi bảy vòng. Khi nghe tiếng tù và vang lên, toàn dân hãy reo hò thật lớn, tường thành sẽ đổ sập.”



Dân làm đúng lời Chúa truyền. Đến ngày thứ bảy, sau vòng thứ bảy và tiếng tù và, cả dân reo lên vang dội. Tường thành sụp đổ, dân tràn vào chiếm thành. Mọi sự đều bị tiêu diệt, chỉ trừ Ra-kháp và gia đình cô – như lời các người do thám đã hứa. Vàng bạc, đồng sắt được dâng về kho lều Thiên Chúa, còn thành thì bị đốt cháy. Nhờ cuộc đại thắng này, tiếng tăm ông Giô-suê lan khắp các vùng, và mọi dân đều kính sợ Thiên Chúa của Ít-ra-en.



Hành trình định cư tại Đất Hứa

Sau chiến thắng Giê-ri-khô, Thiên Chúa truyền cho dân Ít-ra-en không được giữ bất cứ chiến lợi phẩm nào. Nhưng A-khan đã lén lấy một chiếc áo và một ít vàng bạc. Vì tội ấy, khi họ tiến đánh thành Ai, họ bị đánh bại. Sau khi A-khan bị xử phạt, ông Giô-suê lập kế hoạch đánh Ai lần nữa. Lần này, dân Ít-ra-en phục kích từ phía xa. Khi quân thành Ai ra nghênh chiến, ông Giô-suê giả thua rồi rút lui, khiến quân địch rượt đuổi. Đoàn quân mai phục thừa cơ xông vào, đốt thành. Quân Ai bị kẹp giữa hai gọng kìm và bị tiêu diệt. Thành Ghíp-ôn nghe danh ông Giô-suê, lo sợ nên cử người giả dạng dân từ xa đến, mặc áo rách và mang bánh mốc để xin ký hiệp ước. Ông Giô-



suê đồng ý. Ba ngày sau mới phát hiện họ ở gần. Dù tức giận, ông vẫn giữ lời hứa.

Trong khi đó, nhiều vua xứ Ca-na-an hợp binh chống lại Ít-ra-en. Ông Giô-suê chỉ huy hai chiến dịch lớn: một ở miền nam, một ở miền bắc. Thiên Chúa giúp họ chiến thắng vang dội, nhưng không phải tất cả địch thủ đều bị đánh bại. Ông Ca-lép, năm xưa từng do thám cùng ông Giô-suê, nay đã 85 tuổi, vẫn can đảm xin phần đất miền núi, nơi có người khổng lồ cư ngụ. Tin vào Chúa, ông đã chiếm được thành Khép-rôn.



Ông Giô-suê chia đất cho các chi tộc. Dân bắt đầu định cư, canh tác và xây dựng đời sống trên miền đất hứa. Về già, ông Giô-suê triệu tập toàn dân và nhắc lại lời Thiên Chúa: “Người đã thực hiện mọi lời hứa.” Rồi ông hỏi: “Anh em có muốn phụng sự Thiên Chúa không?”

Toàn dân đáp: “Chúng tôi sẽ phụng sự Thiên Chúa.” Và suốt đời ông Giô-suê, họ giữ trọn lời hứa ấy.



Thiên Chúa chọn Ghít-ôn (Sách Thủ lãnh 6-7)

Dân Ít-ra-en lại làm điều ác trước mặt Đức Chúa, nên Thiên Chúa để họ bị dân Ma-đi-an áp bức suốt bảy năm. Ma-đi-an và các đồng minh từ phương đông kéo đến như châu chấu, cướp bóc mùa màng, phá hoại xứ sở, khiến dân Ít-ra-en phải trốn lên núi, sống trong hang động.

Giữa lúc ấy, Thiên Chúa sai một sứ thần đến gặp một người trẻ tên là Ghít-ôn, con ông Giô-át, thuộc chi tộc Manasê. Khi ấy Ghít-ôn đang đập lúa trong bồn ép nho để lẩn tránh người Ma-đi-an. Sứ thần gọi anh: “Hỡi người dũng sĩ, Đức Chúa ở với anh!” Ghít-ôn tỏ ra nghi ngờ: “Nếu Đức Chúa ở với chúng tôi, thì sao mọi chuyện khổ cực lại xảy ra?” Sứ thần bảo anh chính là người được chọn để giải phóng dân.



Ghít-ôn xin dấu lạ để tin. Anh dọn lễ vật và dâng lên sứ thần, thì lửa từ tảng đá bốc lên thiêu rụi lễ vật. Ghít-ôn kinh sợ, nhưng được trấn an. Đêm đó, Thiên Chúa sai anh phá hủy bàn thờ thần Ba-an và cây cột thần A-sê-ra của dân làng, rồi dựng bàn thờ kính Đức Chúa. Dù bị dân làng phẫn nộ, Ghít-ôn được cha mình và nhiều người bảo vệ.

Chiến thắng với ba trăm người (Sách Thủ lãnh 6-7)

Khi quân Ma-di-an và đồng minh tụ họp đông đảo tại đồng bằng, Ghít-ôn được Thần Khí Chúa tác động và quy tụ được một đội quân lớn. Nhưng Thiên Chúa phán: “Đông quá! Nếu chiến thắng, dân sẽ nghĩ là nhờ sức mình.” Ngài truyền cho Ghít-ôn giảm bớt quân.



Trước hết, ai sợ hãi thì được về nhà – còn lại mười ngàn. Sau đó, qua thử thách uống nước ở suối, chỉ chọn ra 300 người uống nước bằng cách dùng tay hót lên miệng. Thiên Chúa bảo: “Ta sẽ ban chiến thắng qua 300 người này.” Đêm đó, Ghít-ôn lên đến trại địch và nghe thấy một giấc mộng tiên tri về bánh lúa mạch lăn vào trại khiến mọi người kinh hãi. Anh nhận ra đây là dấu Thiên Chúa đã trao địch vào tay mình. Ghít-ôn chia 300 người làm ba toán, mỗi người cầm tù và và bình đựng đuốc. Đến nửa đêm, họ thổi tù và, đập vỡ bình, cầm đuốc hô to: “Vì Đức Chúa và vì Ghít-ôn!” Cả trại Ma-đi-an hoảng loạn, quay ra chém giết lẫn nhau. Quân địch tháo chạy tán loạn, và dân Ít-ra-en giành chiến thắng vĩ đại chỉ với 300 người, nhờ quyền năng Thiên Chúa.



Ông Sam-sôn (Thủ Lãnh 13-16)

Vào thời dân Ít-ra-en bị dân Phi-li-tinh áp bức, Thiên Chúa đã chọn một đứa trẻ đặc biệt từ lòng một người đàn bà son sẻ. Sứ thần Chúa hiện đến báo tin: “Bà sẽ sinh một con trai. Đứa trẻ này sẽ được thánh hiến cho Thiên Chúa từ trong lòng mẹ.” Người mẹ không được uống rượu hay ăn đồ ô uế. Còn đứa bé không bao giờ được cắt tóc, vì tóc là dấu chỉ nó thuộc về Thiên Chúa. Đứa trẻ ấy chính là Sam-sôn.

Sam-sôn lớn lên đầy sức mạnh phi thường. Khi trưởng thành, ông yêu một cô gái Phi-li-tinh và đòi cưới cô, dù cha mẹ phản đối. Nhưng chính Thiên Chúa đã dẫn dắt sự việc, vì Người muốn bắt đầu cứu Ít-ra-en khỏi tay Phi-li-tinh.



Trong một chuyến đi, Sam-sôn tay không xé xác một con sư tử tấn công ông. Sau đó, ông lấy mật ong từ xác sư tử làm mật đổ trong tiệc cưới. Khi vợ bị lừa tiết lộ bí mật câu đố, ông nổi giận, giết ba mươi người Phi-li-tinh rồi bỏ đi. Người vợ bị gả cho người khác, khiến ông càng thêm tức giận. Ông bắt ba trăm con cáo, buộc đuốc cháy vào đuôi và thả vào ruộng lúa của Phi-li-tinh, thiêu rụi mùa màng. Bị dân Phi-li-tinh truy đuổi, Sam-sôn giết một ngàn người bằng xương hàm của một con lừa. Ông làm điều đó không vì oán thù riêng, mà vì dân Thiên Chúa.

Về sau, Sam-sôn đem lòng yêu Đa-li-la, một phụ nữ ở thung lũng Xô-réc. Các lãnh chúa Phi-li-tinh mua chuộc cô để dụ Sam-sôn tiết lộ bí mật sức mạnh. Nhiều lần ông đánh lừa nàng, nhưng cuối cùng đã nói thật: “Nếu đầu tôi bị cạo, tôi sẽ trở nên yếu như bao người khác.” Đa-li-la nhân lúc ông ngủ đã cạo đầu ông. Khi bị tấn công, Sam-sôn không còn sức lực và bị bắt.



Quân Phi-li-tinh móc mắt ông, bắt ông làm nô lệ quay cối xay trong ngục. Nhưng tóc ông bắt đầu mọc lại. Một ngày, họ mở tiệc lớn để chế giễu ông. Sam-sôn được đưa ra trình diễn. Ông cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin nhớ đến con. Chỉ lần này thôi, xin ban lại sức mạnh cho con.” Ông đứng giữa hai cột trụ đỡ đền thờ, dồn hết sức đẩy mạnh. Cả đền sập xuống, giết nhiều người Phi-li-tinh – và cả chính ông.

Dù Sam-sôn có những yếu đuối, Thiên Chúa vẫn dùng ông như khí cụ cứu độ. Câu chuyện cho thấy quyền năng Thiên Chúa có thể chiến thắng mọi kẻ thù, và ngay cả một người tưởng chừng gục ngã cũng có thể được dùng để thực hiện kế hoạch của Người.



Rút – Nàng dâu trung tín (Sách Rút)

Ngày xưa, tại Bê-lem, có một người đàn ông tên là Ê-li-me-léc cùng vợ là bà Na-o-mi và hai con trai rời quê hương vì nạn đói, sang xứ Mô-áp sinh sống. Sau một thời gian, ông Ê-li-me-léc qua đời. Hai người con trai cưới vợ người Mô-áp, một người tên Oóc-pa, người kia tên là Rút. Nhưng rồi cả hai người con trai cũng qua đời, để lại ba người phụ nữ góa bụa. Nghe tin Thiên Chúa đã cho dân Ít-ra-en được no đủ, bà Na-o-mi quyết định trở về quê hương. Bà nói với hai con dâu: “Các con hãy quay về nhà mẹ mình. Mẹ không còn con trai nào để làm chồng cho các con.”



Sau nhiều lần từ già, Oóc-pa khóc lóc rồi quay về. Nhưng Rút nói: “Xin mẹ đừng bắt con rời mẹ. Mẹ đi đâu, con đi đó. Mẹ ở đâu, con ở đó. Dân của mẹ là dân của con, Thiên Chúa của mẹ là Thiên Chúa của con.” Cảm động vì lòng trung tín của Rút, bà Na-o-mi đành để cô theo cùng về Bê-lem.

Lúc ấy đang là mùa gặt lúa mạch. Rút xin phép đi mót lúa trên cánh đồng để nuôi sống hai mẹ con. Tình cờ, cánh đồng ấy là của ông Bô-át, một người họ hàng của gia đình Ê-li-me-léc. Khi biết Rút là người đã hết lòng chăm sóc mẹ chồng, ông Bô-át rất cảm phục và tử tế với cô.



Bà Na-o-mi nhận ra điều này và nói: “Ông Bô-át là người có thể chu toàn bốn phận gia đình. Con hãy để ý đến ông.” Theo lời bà, Rút đến gần ông Bô-át vào một đêm, khi ông nghỉ ngơi sau buổi gặt. Cô xin ông chu toàn nghĩa vụ “người chuộc quyền thừa kế”, nghĩa là kết hôn với cô để nối dõi dòng tộc của Ê-li-me-léc. Ông Bô-át vui vẻ nhận lời, nhưng trước tiên phải chắc chắn rằng người họ hàng gần hơn không nhận phần trách nhiệm này. Sau khi người kia từ chối, ông Bô-át chính thức cưới Rút làm vợ.

Thiên Chúa chúc lành cho Rút và Bô-át một người con trai tên là Ô-vết. Ô-vết về sau là cha của Gie-sê, và Gie-sê là cha của vua Đa-vít – tổ tiên của Chúa Giê-su. Câu chuyện Rút là lời nhắc nhở rằng: sự trung thành, lòng tin vào Thiên Chúa và tình yêu gia đình luôn được Thiên Chúa chúc phúc và dẫn dắt đến điều tốt đẹp nhất.



Sa-mu-en – Hòm Bia Giao Ước (1Sa-mu-en 1-6)

Hằng năm, ông En-ca-na cùng hai người vợ là An-na và Phê-ni-na lên đền thờ Si-lô để dâng lễ cho Thiên Chúa. Phê-ni-na có con, còn An-na thì không, nên bà thường bị trêu chọc và đau buồn. Một ngày nọ, An-na âm thầm cầu nguyện với Chúa, hứa nếu được ban con trai, bà sẽ dâng đứa bé ấy để phục vụ Người suốt đời. Thấy cả Hê-li thấy bà lấm bầm tưởng bà say rượu, nhưng sau khi hiểu lời cầu xin của bà, ông chúc lành. Không lâu sau, An-na sinh được một con trai, đặt tên là Sa-mu-en, nghĩa là “Thiên Chúa đã nghe”.

Khi bé Sa-mu-en thôi bú, bà An-na đem bé lên đền thờ và trao lại cho thầy Hê-li, đúng như lời đã hứa. Cậu ở lại phục vụ trong đền thờ từ nhỏ. Mỗi năm, mẹ cậu đến thăm và mang cho cậu một chiếc áo nhỏ.



Trong khi đó, hai con trai của thầy Hê-li – là Hóp-ni và Phi-nơ-khát – lại là những kẻ xấu xa, tham lam và xúc phạm đến luật lệ của Thiên Chúa. Họ coi thường của lễ, làm điều gian ác trong đền thờ. Dù có người báo lại, thầy Hê-li chỉ rầy nhẹ, không dạy dỗ nghiêm khắc, khiến Thiên Chúa nổi giận. Một ngày kia, Thiên Chúa sai một người của Ngài đến báo cho Hê-li biết rằng: vì ông không sửa dạy con cái, nên dòng tộc ông sẽ không còn được giữ chức tư tế mãi mãi nữa. Một dấu hiệu sẽ xảy ra: hai con ông sẽ chết cùng một ngày.

Cậu bé Sa-mu-en ngày càng lớn lên trong ân sủng và được mọi người quý mến. Một đêm, khi đang ngủ trong đền thờ, Sa-mu-en nghe tiếng gọi ba lần. Cậu



tưởng thấy Hê-li gọi, nhưng ông bảo: “Khi con nghe gọi nữa, hãy nói: ‘Lạy Đức Chúa, xin Ngài phán, vì tôi tớ Ngài đang lắng nghe.’”

Khi Sa-mu-en làm như vậy, Thiên Chúa đã hiện đến với cậu và báo tin về án phạt sắp giáng xuống nhà Hê-li. Sa-mu-en sợ hãi, nhưng đã vâng lời kể lại tất cả cho thấy. Từ đó, Sa-mu-en trở thành ngôn sứ chân thật của Chúa, và mọi người trong dân Ít-ra-en đều nhìn nhận cậu là người được Thiên Chúa tuyển chọn.

Sau đó, dân Ít-ra-en xảy ra chiến tranh với người Phi-li-tinh. Họ bị thua trận, nên đã đem Hòm Giao Ước của Thiên Chúa từ đền thờ đến chiến trường, hy vọng sẽ được chiến thắng. Hai con của thầy Hê-li – Hóp-ni và Phi-nơ-khát – cũng đi theo. Nhưng dân Ít-ra-en tiếp tục bị thua nặng, hai người con ấy bị giết, và Hòm Giao Ước bị chiếm lấy.



Khi thấy Hê-li nghe tin Hòm Giao Ước bị bắt và hai con ông chết, ông ngã ngựa khỏi ghế, gãy cổ mà chết – vì ông đã già và nặng. Vợ của Phi-nơ-khát khi nghe tin chồng chết cũng lâm bồn và qua đời, trước khi chết đã đặt tên con là I-cápốt, nghĩa là “vinh quang đã rời khỏi Ít-ra-en”.

Người Phi-li-tinh đem Hòm Giao Ước về đặt trong đền thần Đa-gôn của họ. Nhưng rồi những điều lạ lùng liên tiếp xảy ra: thần Đa-gôn bị ngã sấp mặt xuống trước Hòm Giao Ước, đầu và tay bị gãy.

Chẳng những thế, dân trong thành bị dịch bệnh, nhiều người bị ghê chốc và hoảng loạn. Người Phi-li-tinh sợ hãi, chuyển Hòm Giao Ước từ thành này sang



thành khác, nhưng ở đâu cũng xảy ra tai họa tương tự. Họ hoảng sợ và quyết định trả lại Hòm Giao Ước cho người Ít-ra-en.

Họ đặt Hòm Giao Ước lên một chiếc xe bò, cùng với lễ vật đền tội là năm tượng bằng vàng hình ghê và chuột – biểu tượng tai họa họ phải chịu.

Bò kéo xe thẳng về đất Ít-ra-en, đến vùng Bết Sê-mết. Dân ở đó vui mừng khi thấy Hòm Giao Ước trở về. Nhưng vì một số người dám nhìn vào trong Hòm Giao Ước, nên Chúa đã đánh phạt họ, khiến nhiều người chết. Từ đó, dân Bết Sê-mết sợ hãi và chuyển Hòm đến thị trấn Kia-giát Giơ-a-rim, nơi nó được giữ lại trong nhà ông A-vi-na-đáp suốt nhiều năm.



Dân đòi có vua – Sa-un được chọn rồi bị chê trách – Đa-vít được xúc dầu (1Sa-mu-en 8-10; 15-16)

Dân xin một vua

Dân Ít-ra-en yêu cầu ngôn sứ Sa-mu-en lập cho họ một vị vua, giống như các dân khác. Dù Sa-mu-en không vui, Chúa bảo ông hãy nghe lời họ, vì họ không từ chối Sa-mu-en mà là từ chối chính Thiên Chúa làm Vua họ.

Sa-mu-en cảnh báo: vua sẽ bắt con trai họ đi lính, con gái làm tớ gái, và thu thuế rất nặng. Nhưng dân vẫn khẳng khái muốn có vua.



Sa-un được chọn

Chúa chọn Sa-un, một thanh niên cao lớn, đẹp trai, thuộc chi tộc Ben-gia-min, để làm vua đầu tiên của Ít-ra-en.

Khi Sa-un đang đi tìm lửa bị lạc của cha, ông tình cờ gặp Sa-mu-en. Chúa báo trước điều này, và Sa-mu-en xúc dầu cho Sa-un làm vua.

Sa-mu-en triệu tập toàn dân để chính thức công bố người được chọn. Khi tên Sa-un được gọi, ông lại trốn, nhưng người ta tìm được ông. Dân chúng reo hò: “Vạn tuế nhà vua!”



Vua Sa-un bị Chúa từ bỏ

Chúa ra lệnh cho vua Sa-un phải tiêu diệt hoàn toàn dân A-ma-lếch – kẻ thù truyền kiếp – không để lại bất kỳ người hay vật gì.

Nhưng Sa-un không vâng lời: ông tha mạng vua A-ma-lếch và giữ lại những súc vật béo tốt.

Sa-mu-en được Chúa cho biết, ông nổi giận và khiển trách Sa-un. Ông nói: “Vâng lời thì tốt hơn của lễ!”

Vì không tuân phục trọn vẹn, Sa-un bị Chúa từ bỏ. Sa-mu-en tuyên bố Chúa sẽ chọn người khác làm vua.



Sa-mu-en xúc dầu cho Đa-vít

Chúa sai Sa-mu-en đến Bê-lem, đến nhà ông Gie-sê để xúc dầu cho một trong các con ông làm vua mới. Khi thấy người con cả, cao to, Sa-mu-en tưởng là người được chọn.

Nhưng Chúa phán: “Thiên Chúa không nhìn như người phàm nhìn. Người phàm nhìn bề ngoài, còn Đức Chúa nhìn thấu tâm can.”

Cuối cùng, Đa-vít, cậu con út đang chăn chiên, được gọi về.

Chúa nói: “Chính nó đó!”

Sa-mu-en xúc dầu cho Đa-vít, và Thần Khí Đức Chúa ngự xuống trên cậu từ hôm đó.



Đa-vít và Go-li-át (1Sa-mu-en 16-17)

Sau khi bị Chúa từ bỏ, vua Sa-un trở nên bối rối, tâm trí bất an. Người ta đề nghị tìm một người chơi đàn giỏi để làm vua thư giãn. Đa-vít – cậu bé chăn chiên, con út của ông Gie-sê ở Bê-lem – được mời đến. Cậu vừa biết chơi đàn, vừa can đảm và thông minh. Sa-un rất quý mến Đa-vít.

Lúc bấy giờ, dân Phi-li-tinh và Ít-ra-en đang chuẩn bị giao chiến. Người Phi-li-tinh có một chiến binh khổng lồ tên là Gô-li-át, cao gần ba mét, mặc áo giáp nặng, tay cầm giáo lớn. Mỗi ngày, ông ta ra trước mặt quân Ít-ra-en, thách ai dám đấu tay đôi với mình. Suốt bốn mươi ngày, chẳng ai dám bước ra.



Một hôm, Đa-vít được cha sai đem bánh cho các anh trai đang ở chiến tuyến. Cậu nghe thấy lời thách thức của Gô-li-át và thấy không ai trong quân Ít-ra-en dám bước ra. Đa-vít thắc mắc:

“Tại sao lại để tên Phi-li-tinh này lãng mạ đạo binh của Thiên Chúa?”

Nghe vậy, có người đưa Đa-vít đến gặp vua Sa-un. Đa-vít nói:

“Tôi sẽ ra đấu với hắn.”

Sa-un ngạc nhiên:

“Con chỉ là một đứa trẻ, còn hắn là chiến binh từ thuở nhỏ!”



Nhưng Đa-vít kể rằng: “Tôi từng đánh bại cả sư tử và gấu để cứu chiên. Thiên Chúa đã giúp tôi lúc đó, thì giờ cũng sẽ giúp tôi.” Vua đồng ý. Đa-vít không mang áo giáp, cũng không dùng gươm. Cậu chỉ mang theo sling (dây ná) và năm viên sỏi mịn nhặt từ suối.

Gô-li-át cười nhạo khi thấy một cậu bé bước ra. Nhưng Đa-vít nói lớn: “Người đến với ta bằng gươm giáo, còn ta đến với người nhân danh Đức Chúa các đạo binh. Hôm nay, Chúa sẽ trao người vào tay ta!” Rồi Đa-vít lấy một viên đá, quay dây ná và bắn trúng ngay trán Gô-li-át. Người khổng lồ đổ gục xuống đất. Đa-vít chạy đến, rút gươm của hắn và chặt đầu hắn.

Cả quân Phi-li-tinh hoảng sợ tháo chạy, còn quân Ít-ra-en reo hò chiến thắng. Từ đó, tên tuổi Đa-vít bắt đầu vang dội khắp xứ.





Tình bạn giữa Đa-vít và Giô-na-than

(1Sa-mu-en 18-31)

Sau khi Đa-vít chiến thắng Gô-li-át, vua Sa-un đem cậu về cung. Từ đó, Đa-vít lập nhiều chiến công, được dân yêu mến. Chính điều này khiến Sa-un ghen tức và bắt đầu nghi ngờ Đa-vít.

Nhưng Giô-na-than, con trai vua Sa-un, lại rất quý mến Đa-vít. Kinh Thánh nói: “Linh hồn Giô-na-than gắn bó với linh hồn Đa-vít, và Giô-na-than thương Đa-vít như chính mạng sống mình.”

Giô-na-than thậm chí cởi áo giáp và trao gươm, cung tên của mình cho Đa-vít – như dấu chỉ tình bạn sâu sắc.



Khi vua Sa-un thấy dân ca tụng Đa-vít nhiều hơn mình, ông tức giận và mưu hại cậu. Giô-na-than biết ý cha, nên đã cảnh báo và bảo vệ Đa-vít. Anh thuyết phục vua nguôi giận một thời gian, nhưng sự ganh ghét trong lòng vua lại bùng lên khi Đa-vít tiếp tục lập công.

Nhiều lần, vua Sa-un tìm cách giết Đa-vít. Giô-na-than âm thầm giúp bạn lẩn tránh. Hai người gặp nhau lần cuối trong cảnh chia tay cảm động ngoài đồng: “Hai người ôm nhau mà khóc, và Đa-vít khóc nhiều hơn.”



Giô-na-than nói: “Nguyện Đức Chúa chứng giám cho chúng ta, cho tình bạn giữa tôi và anh, giữa con cháu tôi và con cháu anh đến muôn đời.” Từ đó, Đa-vít phải sống lưu vong, trốn tránh, nhưng vẫn giữ lòng trung thành, không bao giờ ra tay hại vua Sa-un. Cuối cùng, trong trận chiến với người Phi-li-tinh, vua Sa-un và các con trai ông – kể cả Giô-na-than – đều ngã xuống trên núi Ghinh-bô-a. Khi hay tin, Đa-vít đau đớn than khóc: “Giô-na-than, anh tôi ơi, tôi buồn lắm vì anh! Anh là người thân yêu của tôi! Tình anh dành cho tôi kỳ diệu thay, vượt cả tình yêu nam nữ.”



Đa-vít lên ngôi vua toàn dân Ít-ra-en

(2 Sa-mu-en 2,1-11; 5,1-5)

Sau khi vua Sa-un và Giô-na-than qua đời, Đa-vít được người Giu-đa xúc dầu làm vua tại Hép-rôn. Tuy nhiên, nhà Sa-un còn người nối dõi là Ích-bô-sét, được Ab-ne (tướng cũ của Sa-un) ủng hộ. Nội chiến kéo dài giữa hai nhà, nhưng cuối cùng Ích-bô-sét bị giết và Đa-vít trở thành vua của toàn thể Ít-ra-en khi ông 30 tuổi, trị vì tổng cộng 40 năm.





Chinh phục Giê-ru-sa-lem – xây dựng thủ đô

(2 Sa-mu-en 5,6–12)

Vua Đa-vít đánh chiếm thành Giê-ru-sa-lem từ người Giê-bút và biến nơi đó thành kinh đô của vương quốc. Ông cho xây dựng đền đài, cung điện và được gọi là “Thành Đa-vít”. Đây là bước ngoặt giúp củng cố vị thế chính trị và quân sự của nhà vua.



Đưa Hòm Giao Ước về Giê-ru-sa-lem

(2 Sa-mu-en 6,1–23)

Vua Đa-vít tổ chức rước Hòm Giao Ước, biểu tượng sự hiện diện của Thiên Chúa, từ nhà ông A-vi-na-đáp về Giê-ru-sa-lem. Dọc đường, vua ca múa hết lòng trước hòm, thể hiện sự tôn kính và niềm vui. Sự kiện này làm tăng uy tín tôn giáo của vua và khẳng định thành Giê-ru-sa-lem là trung tâm thiêng liêng của vương quốc.

Giao ước của Thiên Chúa với nhà Đa-vít

(2 Sa-mu-en 7,1–29)

Ngôn sứ Na-than truyền lại lời Chúa: dù Đa-vít không được phép xây đền thờ, nhưng Thiên Chúa hứa lập nhà Đa-vít vững bền đến muôn đời, và con cháu ông sẽ kế vị ngai vàng mãi mãi. Lời hứa này là nền tảng cho kỳ vọng về Đấng Mê-si-a đến từ dòng dõi Đa-vít.



Vua Đa-vít mở rộng lãnh thổ – lập nên đế quốc

(2 Sa-mu-en 8,1-14)

Với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, vua Đa-vít đánh bại các dân xung quanh: Phi-li-tinh, Mô-áp, A-ram, Ê-đôm, và Am-mon. Ông lập nên một vương quốc hùng mạnh nhất từ trước đến nay, trải dài từ sông Nin đến sông Ơ-phơ-rát. Ông tổ chức lại chính quyền, quân đội và tài chính hiệu quả.



Lòng nhân hậu với hậu duệ Sa-un

(2 Sa-mu-en 9,1-13)

Vua Đa-vít tìm và phục hồi danh dự cho Mơ-phi-bô-sét, con của Giô-na-than. Ông cho anh ta ăn tại bàn vua và trả lại đất đai tổ tiên. Đây là biểu hiện lòng trung thành với tình bạn cũ và sự cao thượng, khiến dân càng kính trọng vua Đa-vít hơn.



Chuyện vua Đa-vít và Bát Sê-va

(2 Sa-mu-en 11,1 – 12,25)

Vua Đa-vít phạm tội trọng khi lấy vợ của tướng U-ri-gia – là Bát Sê-va – rồi còn lập mưu giết U-ri-gia nơi chiến trận để che giấu việc mình đã làm. Ngôn sứ Nathan đến khiển trách vua bằng dụ ngôn con chiên và nói: “Chính vua là người ấy!”

Vua Đa-vít thành tâm sám hối. Dù Chúa tha tội, nhưng con của ông và Bát Sê-va phải chết. Tuy nhiên, sau đó họ có người con khác là Sa-lô-môn, được Thiên Chúa yêu thương.



Biến cố Áp-sa-lôm phản loạn

(2 Sa-mu-en 15,1 – 18,33)

Áp-sa-lôm – con trai Đa-vít – nổi loạn, muốn cướp ngôi cha.

Dù quân đội trung thành đánh bại Áp-sa-lôm, nhưng khi nghe tin con mình chết, vua Đa-vít không vui mừng chiến thắng mà than khóc thảm thiết: “Áp-sa-lôm, con ơi! Phải chi cha chết thay con!”



Cuộc nổi loạn của Sơ-va và sự ổn định sau đó

(2 Sa-mu-en 20,1–26)

Một người tên Sơ-va lại nổi lên đòi chia rẽ vương quốc, nhưng Đa-vít nhanh chóng dẹp yên. Ông củng cố hệ thống cai trị, củng cố lòng trung thành các chi tộc, cho thấy tài quản trị và ổn định quốc gia sau biến cố.



Sai lầm khi kiểm tra dân số và lòng sám hối

(2 Sa-mu-en 24,1–25)

Đa-vít sai tướng Giô-áp đi kiểm tra dân số toàn quốc – hành vi bị xem là thiếu tin tưởng Thiên Chúa. Sau đó, ông ăn năn, nhưng Chúa phạt dân bằng một trận ôn dịch làm chết hàng vạn người. Đa-vít xin Chúa tha: “Chính con đã phạm tội, xin đừng đánh phạt dân vô tội.”

Ông mua đất tại Arauna và lập bàn thờ dâng của lễ. Nơi này sau này chính là nền móng Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, do Sa-lô-môn xây.



Những bài ca và lời trăng trối của Đa-vít

(2 Sa-mu-en 22,1 – 23,7)

Ở cuối đời, Đa-vít cất lên bài ca ngợi khen Thiên Chúa, nhắc đến chiến công, lòng thương xót và sự trung tín của Chúa. Ông khẳng định rằng Thiên Chúa đã chọn ông dù ông chỉ là một người chăn chiên nhỏ bé.

Trước khi qua đời, ông căn dặn các con hãy giữ luật Chúa, sống công chính và trung tín.



Đa-vít qua đời – để lại di sản huy hoàng

(1 Các Vua 2,1-12 - tham chiếu ngoài 2 Sa-mu-en)

Vua Đa-vít qua đời, nhường ngôi lại cho Sa-lô-môn – người sẽ xây đền thờ và củng cố triều đại. Ông được nhớ đến là vị vua vĩ đại nhất trong lịch sử Ít-ra-en, được gọi là “người theo lòng Chúa”, và là tổ phụ của Đấng Mê-si-a.



SA-LÔ-MÔN – CON NGƯỜI KHÔN NGOAN

Lời cầu xin khôn ngoan tại Ghi-ôn (1 Các Vua 3,4–15)

Sau khi lên ngôi, Sa-lô-môn đến Ghi-ôn để dâng lễ toàn thiêu. Tại đây, ông dâng một ngàn lễ vật lên Thiên Chúa. Trong giấc mơ ban đêm, Thiên Chúa hiện ra và phán: “Người cứ xin, Ta sẽ ban cho.”

Sa-lô-môn không xin của cải hay quyền lực, mà xin tấm lòng biết lắng nghe để phân định điều thiện điều ác, để có thể trị vì dân Chúa. Lời cầu xin khiêm nhường ấy làm đẹp lòng Thiên Chúa. Người ban cho ông sự khôn ngoan hơn người, cùng với cả những điều ông không xin: của cải, vinh quang và một triều đại vững mạnh.



Phán xét công minh – dụ ngôn nổi tiếng

(1 Các Vua 3,16–28)

Ngay sau đó, vua Sa-lô-môn xử lý một vụ kiện gây tranh cãi: hai phụ nữ tranh giành một đứa bé còn sống, đều nói là con mình. Vua ra lệnh đem gươm chặt đứa bé làm hai, mỗi người một nửa. Người mẹ thật lập tức kêu lên xin tha mạng con và nhường quyền nuôi cho người kia. Nhờ đó, vua biết ai là mẹ thật.

Dân Ít-ra-en nghe chuyện đều kính phục, vì họ thấy vua có sự khôn ngoan Thiên Chúa ban để xét xử công minh.



Triều đình Sa-lô-môn – tổ chức hiệu quả và thịnh vượng (1 Các Vua 4,1–20)

Vua Sa-lô-môn tổ chức triều đình chặt chẽ: ông lập các quan đại thần, tướng lĩnh, và chia đất nước thành mười hai vùng để cung cấp lương thực cho cung đình luân phiên mỗi tháng.

Dưới thời ông, dân Ít-ra-en sống trong hòa bình và no đủ: “Mỗi người sống dưới bóng cây nho cây vả của mình, từ Đan đến Bơ-e Se-va.”



Danh tiếng khôn ngoan vang xa bốn bể

(1 Các Vua 4,29-34)

Thiên Chúa ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan “nhiều như cát bãi biển”. Ông sáng tác hơn 3.000 châm ngôn, 1.005 bài thơ, và uyên bác trong nhiều lĩnh vực như thực vật, động vật, chim muông và thủy sinh. Các vua chúa từ khắp nơi sai sứ thần đến nghe lời dạy của ông. Danh tiếng vua vang khắp muôn dân.



Nữ hoàng Saba đến thăm và thán phục

(1 Các Vua 10,1-13)

Nghe danh vua Sa-lô-môn, nữ hoàng Saba từ phương nam xa xôi đến thử tài vua bằng nhiều câu hỏi hóc búa. Vua Sa-lô-môn giải đáp tất cả, khiến bà vô cùng thán phục. Bà nói: “Những điều tôi nghe ở quê tôi vẫn chưa bằng điều mắt tôi thấy nơi vua. Vua còn khôn ngoan và giàu sang hơn cả lời đồn.”

Bà còn khen hạnh phúc của triều thần được hằng ngày nghe vua giảng dạy, và ca ngợi Thiên Chúa đã đặt một người như vua lên cai trị Ít-ra-en trong công minh và chính trực.



Sa-lô-môn khởi công xây Đền Thờ Giê-ru-sa-lem

(1 Các Vua 5,15–32; 6,1–38)

Vào năm thứ tư trị vì, vua Sa-lô-môn bắt đầu xây Đền Thờ Đức Chúa tại Giê-ru-sa-lem, như lời hứa của Thiên Chúa với vua cha Đa-vít. Công trình được khởi sự vào tháng Díp (tháng hai theo lịch Híp-ri) và kéo dài bảy năm. Vua huy động hàng vạn thợ từ Ít-ra-en và nước ngoài, đặc biệt là từ xứ Tia của vua Hi-ram – người đã cung cấp gỗ bá hương và thợ khéo tay.

Đền Thờ được xây dựng theo kiểu ba gian: Tiền đình, Gian chính và Gian cực thánh – nơi đặt Hòm Giao Ước. Mọi chi tiết đều được chế tác công phu bằng đá quý, gỗ quý, phủ vàng, với các hình tượng thiên thần, cây cối và hoa văn chạm khắc đầy ý nghĩa biểu tượng.



Khánh thành Đền Thờ – nơi Thiên Chúa ngự

(1 Các Vua 8,1–66)

Sau khi hoàn tất, vua Sa-lô-môn tổ chức lễ cung hiến long trọng. Hòm Giao Ước được rước từ Thành Đa-vít vào nơi cực thánh trong Đền Thờ. Khi các tư tế rời gian thánh, mây vinh quang của Đức Chúa bao phủ cả Đền Thờ, đến mức các tư tế không thể đứng hành lễ. Vua Sa-lô-môn dâng lời cầu nguyện cảm tạ và khẩn nài cho dân Ít-ra-en. Ông khẳng định: “Trời cao thăm nào chứa nổi Ngài, hướng chi ngôi nhà này.”

Ông xin Chúa luôn nghe lời khẩn cầu hướng về nơi thánh này, dù là của dân Ít-ra-en hay của người ngoại quốc tìm đến cầu xin Thiên Chúa hằng sống. Dân chúng mừng rỡ, dâng của lễ toàn thiêu và tiệc tùng bảy ngày liền.



Vua Sa-lô-môn được Thiên Chúa cảnh báo

(1 Các Vua 9,1-9)

Sau khi khánh thành Đền Thờ, Thiên Chúa hiện ra lần thứ hai với vua Sa-lô-môn, nhắc lại giao ước: nếu nhà vua và con cháu giữ luật và sống trung tín, thì ngai vàng Ít-ra-en sẽ được vững bền. Nhưng nếu họ bỏ Chúa, theo tà thần và bất trung, Đền Thờ này sẽ bị hủy hoại, và Ít-ra-en sẽ bị đuổi khỏi đất hứa.

“Người và con cháu người phải theo đường lối của Ta.” Lời cảnh báo của Chúa gieo bóng đen lên sự nghiệp đang vẻ vang của Sa-lô-môn, báo trước nguy cơ khi lòng người nghiêng ngả.



Cuối đời và sai lầm của vua Sa-lô-môn

(1 Các Vua 11,1-13; 41-43)

Dù là người rất khôn ngoan, về cuối đời, vua Sa-lô-môn nghiêng lòng theo các bà vợ ngoại bang – lên đến 700 chính thất và 300 cung phi. Vì chiều lòng các bà, ông đã cho dựng bàn thờ các thần ngoại như Astartê, Kômôx và Môlôc – phạm điều cấm kỵ nặng nề nhất là thờ ngẫu tượng.

Chúa nổi giận và tuyên bố sẽ xé vương quốc khỏi tay dòng dõi ông, nhưng vì nể vua Đa-vít, Chúa sẽ không làm điều đó khi Sa-lô-môn còn sống. Con cháu ông chỉ còn được cai trị một phần (hai chi tộc miền Nam).

Sa-lô-môn trị vì 40 năm và qua đời trong bình an. Ông được mai táng tại Thành Đa-vít, và con ông là Rô-kháp-am kế vị.



TRUYỆN ÔNG Ê-LI-A

Ông Ê-li-a và bà góa thành Xa-rép-ta

(1 Các Vua 17,8–16)

Thiên Chúa sai ngôn sứ Ê-li-a đến ở nhờ nhà một bà góa nghèo tại Xa-rép-ta trong thời kỳ hạn hán và đói kém. Khi ông đến, bà chỉ còn nắm bột và chút dầu – định nướng bánh lần cuối cho mình và con trai rồi chờ chết. Nhưng Ê-li-a bảo bà hãy làm trước một cái bánh nhỏ cho ông, rồi sau đó mới làm cho bà và con.

Ông nói: “Chúa phán: Hũ bột sẽ không cạn, vò dầu sẽ không vơi cho đến ngày Chúa đổ mưa xuống đất.”

Bà tin lời ông, làm theo, và quả thật – hũ bột và vò dầu không bao giờ cạn suốt thời gian đói kém.



Ông Ê-li-a và các ngôn sứ Ba-an

(1 Các Vua 18,17–40)

Vua A-kháp cai trị Ít-ra-en nhưng đã bỏ Đức Chúa và thờ thần Ba-an cùng với hoàng hậu I-de-ven. Để chứng minh ai là Thiên Chúa thật, ngôn sứ Ê-li-a thách thức các ngôn sứ của Ba-an trên núi Các-men: cả hai bên sẽ dâng bò làm lễ tế, nhưng không đốt lửa, và bên nào được thần mình đáp lời bằng lửa thiêu, thì đó là Thiên Chúa thật.

Bốn trăm năm mươi ngôn sứ Ba-an làm lễ trước, kêu gào, nhảy múa suốt từ sáng đến chiều, thậm chí rạch mình chảy máu, nhưng không có tiếng đáp, không có lửa, không gì xảy ra.

Đến lượt Ê-li-a, ông chuẩn bị bàn thờ bằng 12 hòn đá (tượng trưng cho 12 chi tộc), xếp củi, đặt thịt bò, rồi cho người đổ ba lần nước lên lễ vật, đến mức rãnh chung quanh đầy nước.

Ông cầu nguyện rằng: “Lạy Chúa, xin tỏ cho mọi người biết Ngài là Thiên Chúa thật ở Ít-ra-en!”

Lập tức, lửa từ trời giáng xuống, thiêu rụi của lễ, củi, đá, nước – tất cả. Dân chúng sấp mình kêu to: “Đức Chúa là Thiên Chúa! Đức Chúa là Thiên Chúa!”

Sau đó, theo lệnh Ê-li-a, các ngôn sứ Ba-an bị bắt và tiêu diệt.



Vườn nho của ông Na-vốt

(1 Các Vua 21,1–29)

Tại thành Gít-rơ-en, ông Na-vốt có một vườn nho đẹp, nằm sát bên cung điện vua A-kháp. Vua muốn đổi lấy vườn ấy để làm vườn rau, hoặc sẽ trả bằng một mảnh đất tốt hơn, hoặc bằng tiền.

Nhưng ông Na-vốt trả lời: “Xin Đức Chúa đừng để tôi nhường gia sản của tổ tiên cho ngài!”

Vua A-kháp bực bội, giận dữ, không ăn uống gì và nằm quay mặt vào tường. Hoàng hậu I-de-ven thấy thế, liền hỏi và nói: “Chính ta sẽ lo cho vua có được vườn nho ấy.”



Bà liền viết thư nhân danh vua, sai người dựng chuyện vu cáo Na-vốt đã nói phạm đến Thiên Chúa và vua. Người ta lôi ông ra ngoài thành và ném đá cho đến chết. Sau đó, I-de-ven bảo vua: “Na-vốt đã chết. Hãy đi chiếm lấy vườn của ông ta.”

Vua A-kháp lập tức đến chiếm vườn. Nhưng Thiên Chúa sai ngôn sứ Ê-li-a đến gặp vua. Ông tuyên bố lời Chúa rằng: “Chính nơi chó liếm máu ông Na-vốt, cũng nơi đó chó sẽ liếm máu vua... Nhà vua đã bán mình để làm điều ác trước mặt Chúa.”

Nghe vậy, vua A-kháp xé áo, ăn chay, mặc áo vải thô và sám hối. Vì vua khiêm nhường, Chúa nói sẽ không giáng họa vào đời ông, mà để cho thời con ông gánh chịu.



TRUYỆN ÔNG Ê-LI-SA

Ông Ê-li-a được đem đi. Ông Ê-li-a thay thế

(2 Các Vua 2,1-18)

Trước khi Đức Chúa đem Ê-li-a lên trời, ông cùng Ê-li-sa đi từ Ghin-gan đến Bết Ên, rồi Giê-ri-khô, và đến sông Gio-đan. Dù Ê-li-a ba lần bảo ông ở lại, Ê-li-sa vẫn kiên quyết theo thầy đến cùng. Khi đến sông, Ê-li-a lấy áo choàng đập xuống nước, và nước rẽ ra để hai người đi qua. Ê-li-a hỏi: “Con muốn gì?”

Ê-li-sa đáp: “Xin cho con được hai phần thần khí của thầy.” Bất ngờ, một cỗ xe lửa và ngựa lửa xuất hiện, tách họ ra, và Ê-li-a được đem lên trời trong cơn gió lốc. Ê-li-sa lượm áo choàng thầy và quay lại, đập xuống nước sông, nước lại rẽ ra. Dân chúng nhận ra: thần khí Ê-li-a đã ngự xuống trên Ê-li-sa, và họ tôn ông làm ngôn sứ kế nhiệm.



Nước hóa lành như lời ngôn sứ Ê-li-sa

(2 Các Vua 2, 19-22)

Tại một thành có nguồn nước độc, khiến đất đai vô sinh, ông Ê-li-sa ra suối nước, đổ muối và công bố lời Chúa: “Ta làm cho nước hóa lành.” Từ đó, nước trở nên trong lành như lời ngôn sứ.



Chuyện lọ dầu của bà góa

(2 Các Vua 4,1-7)

Một bà góa có chồng là ngôn sứ đã qua đời đến kêu cứu Ê-li-sa vì chủ nợ dọa bắt hai con bà làm nô lệ. Ê-li-sa hỏi bà còn gì trong nhà, bà nói chỉ còn một lọ dầu nhỏ. Ngôn sứ bảo bà mượn thật nhiều bình rộng, rồi vào nhà đóng cửa lại, cứ đổ dầu vào các bình.

Bà góa làm theo: dầu tuôn ra mãi cho đến khi không còn bình để đựng, thì mới ngưng chảy. Ê-li-sa dạy bà đem dầu bán lấy tiền trả nợ, phần còn lại đủ nuôi sống mẹ con.



Ông Ê-li-sa và mẹ con người phụ nữ Su-nêm

(2 Các Vua 4,8–37)

Một phụ nữ giàu có ở Su-nêm quý mến ngôn sứ Ê-li-sa và dọn phòng riêng cho ông nghỉ chân mỗi lần ghé qua. Để tỏ lòng biết ơn, ông hứa rằng bà sẽ có con – dù bà đã cao tuổi. Quả thật, bà sinh một bé trai.

Một ngày nọ, cậu bé đột ngột đau đầu và chết. Người mẹ vội đi tìm Ê-li-sa, khẩn cầu ông cứu con mình. Ông đến nhà, cầu nguyện, rồi nằm úp lên xác cậu bé. Dứa trẻ hắt hơi bảy lần và mở mắt ra – sống lại một cách kỳ diệu.

Người mẹ xúc động sụp lạy ngôn sứ, rồi ôm con ra về.



Nồi cháo độc và bánh hóa ra nhiều

(2 Các Vua 4,38–44)

Trong thời kỳ đói kém, ông Ê-li-sa bảo nấu cháo cho các anh em ngôn sứ. Một người ra đồng hái rau dại, không biết là trái độc, bỏ vào nồi. Vừa ăn, mọi người kêu lên: “Thần chết ở trong nồi!”

Ông Ê-li-sa liền lấy bột rắc vào, và nồi cháo trở nên an toàn, ai cũng ăn được.

Sau đó, có người dâng cho ông hai mươi chiếc bánh lúa mạch. Dù chỉ đủ cho vài người, ông truyền: “Cứ phát cho mọi người ăn, vì Đức Chúa phán: Họ sẽ ăn và còn dư.” Quả thật, mọi người ăn no và vẫn còn dư, đúng như lời Chúa.



Ông Na-a-man được chữa khỏi bệnh phong

(2 Các Vua 5)

Na-a-man, tướng chỉ huy quân đội xứ A-ram, là người dũng mãnh nhưng mắc bệnh phong hủi. Một cô gái nô lệ người Ít-ra-en gợi ý ông đến gặp ngôn sứ Ê-li-sa để được chữa lành. Vua A-ram gửi ông cùng lễ vật đến Ít-ra-en. Ê-li-sa sai người dẫn ông tắm bảy lần trong sông Gio-đan. Ban đầu, Na-a-man tức giận vì thấy điều ấy quá đơn giản, nhưng sau nghe lời đầy tớ, ông làm theo. Khi tắm lần thứ bảy, da ông liền trở nên sạch sẽ như trẻ nhỏ. Na-a-man trở lại cảm tạ và tuyên xưng: “Giờ đây tôi biết: không có Thiên Chúa nào trên khắp cõi đất, ngoại trừ Thiên Chúa của Ít-ra-en.” Ông xin mang đất Ít-ra-en về quê mình và thề chỉ phụng thờ một mình Đức Chúa.



Ông Ê-li-sa tóm gọn quân A-ram

(2 Các Vua 6,8-23)

Khi vua A-ram toan đánh Ít-ra-en, ngôn sứ Ê-li-sa nhiều lần cảnh báo cho vua Ít-ra-en biết vị trí đóng quân địch. Vua A-ram tức giận, sai quân đi bắt ông ở Đô-than. Sáng hôm sau, thành bị bao vây. Ê-li-sa bảo đầy tớ: “Đừng sợ! Những người theo ta còn đông hơn họ.” Chúa mở mắt đầy tớ, cậu thấy ngựa và xe lửa vây quanh Ê-li-sa. Ê-li-sa cầu xin Chúa làm mờ mắt quân A-ram, rồi dẫn họ đến giữa Sa-ma-ri – đất Ít-ra-en. Khi họ tỉnh mắt, họ mới biết mình là tù binh.

Vua Ít-ra-en muốn giết, nhưng Ê-li-sa nói: “Hãy cho họ ăn uống rồi thả về.” Quân thù được đối xử nhân hậu và không còn xâm nhập Ít-ra-en nữa.



Vua Giô-át cai trị Giu-đa

(2 Các Vua 12)

Vua Giô-át lên ngôi khi mới bảy tuổi, trị vì tại Giê-ru-sa-lem suốt bốn mươi năm. Nhờ được tư tế Giơ-hô-gia-đa hướng dẫn, ông đã sống ngay chính trước mặt Đức Chúa trong suốt đời thấy tư tế. Tuy nhiên, ông không phá bỏ các tế đàn ở nơi cao – dân vẫn tiếp tục tế lễ ở đó. Vua Giô-át quan tâm đến việc sửa chữa Đền Thờ Đức Chúa. Ông yêu cầu các tư tế dùng số tiền thuế và dâng cúng để sửa sang các hư hại. Tuy nhiên, đến năm thứ 23, công việc vẫn chưa được tiến hành. Vua bèn ra lệnh không để tư tế nhận tiền nữa, mà phải trao trực tiếp cho thợ để thi công.



Tư tế Gio-hô-gia-da đặt một hòm dâng cúng tại Đền Thờ. Mỗi khi hòm đầy, bạc được cân, đúc và trao cho các thợ mộc, thợ nề, thợ đá để sửa chữa. Toàn bộ số tiền chỉ được dùng cho việc trùng tu, không làm đồ dùng bằng bạc hay vàng. Vì các người phụ trách làm việc liêm chính, nên không cần phải kê khai sổ sách.

Tuy nhiên, những số bạc từ lễ đền tội hay lễ tạ tội thì vẫn thuộc về các tư tế, không dùng cho việc sửa Đền Thờ. Trong thời vua Giô-át, vua A-ram là Kha-da-ên đem quân đánh thành Gát và sau đó định tiến về Giê-ru-sa-lem. Vua Giô-át đã dâng toàn bộ vàng bạc trong kho Đền Thờ và hoàng cung, gồm cả những vật thánh tổ tiên để lại, để nộp cho vua A-ram. Nhờ đó, quân địch rút lui.



Cuối đời, vua Giô-át bị hai thuộc hạ âm mưu phản bội và hạ sát tại Bết Mi-lô.

Người ta chôn cất ông trong Thành Đa-vít, và con ông là A-mát-gia lên ngôi kế vị.



Vua Khít-ki-gia cải cách tôn giáo

(2 Các Vua 18,1-8)

Vua Khít-ki-gia lên ngôi Giu-đa lúc 25 tuổi và trị vì 29 năm tại Giê-ru-sa-lem. Ông làm điều ngay chính trước mắt Đức Chúa, noi gương vua Đa-vít. Vua dẹp bỏ các tế đàn ở nơi cao, đập nát các tượng thần và hủy cả con rắn đồng của ông Mô-sê, vì dân vẫn đốt hương thờ nó. Ông đặt trọn niềm tin vào Đức Chúa – trước và sau không ai bằng. Vua gắn bó với Chúa, tuân giữ mọi điều răn, nên được Chúa ban thành công trong mọi việc. Ông nổi dậy chống lại đế quốc Át-sua, không còn thần phục, và đánh bại quân Phi-li-tinh, mở rộng bờ cõi đến tận Ga-da.



Vua Khít-ki-gia được chữa khỏi bệnh

(2 Các Vua 20,1-12)

Vua Khít-ki-gia mắc bệnh nặng. Ngôn sứ I-sai-a đến báo: “Người sẽ chết, hãy thu xếp việc nhà.”

Vua quay mặt vào tường, cầu nguyện tha thiết và khóc lóc xin Chúa nhớ đến lòng trung thành của mình. Trước khi I-sai-a rời khỏi sân, Chúa phán bảo ông quay lại: “Ta đã nghe lời người cầu nguyện, thấy nước mắt người. Ta sẽ chữa lành người và cho sống thêm 15 năm.”

Vua được đặt bánh vả lên chỗ đau và khỏi bệnh. Làm dấu hiệu, vua xin bóng lùi lại 10 độ thay vì tiến. I-sai-a cầu nguyện, và Đức Chúa cho bóng mặt trời lùi lại trên bậc thềm – làm bằng chứng rằng Chúa đã nhận lời.



NGÔN SỨ GIÊ-RÊ-MI-A

Ơn gọi của Giê-rê-mi-a

(Giê-rê-mi-a 1,4-19)

Ông Giê-rê-mi-a được Thiên Chúa kêu gọi khi còn rất trẻ, để trở thành ngôn sứ giữa dân Do Thái. Dù ông lo sợ vì còn non trẻ, Thiên Chúa trấn an rằng Ngài đã biết ông từ trong lòng mẹ và đặt lời Ngài nơi miệng ông. Thiên Chúa trao cho ông sứ mạng “nhỏ và phá, hủy và phá đổ, xây dựng và vun trồng”. Đây là khởi đầu cho hành trình dài đầy thử thách của một vị ngôn sứ bị chối bỏ. Câu chuyện ơn gọi của Giê-rê-mi-a cho thấy Thiên Chúa chọn ai tùy ý Ngài và ban sức mạnh cho người ấy.



Ngôn sứ Giê-rê-mi-a than khóc Giê-ru-sa-lem

(Giê-rê-mi-a 7,1-15; 8,18-9,11)

Ông Giê-rê-mi-a cảnh báo rằng Đền Thờ sẽ không cứu dân nếu họ tiếp tục sống gian ác, bất công và thờ ngẫu tượng. Ông than khóc vì thành thánh sẽ bị tàn phá và dân sẽ bị đày đi. Tiếng kêu của ông đầy đau đớn: “Ôi đầu tôi! Tôi muốn khóc suốt đêm vì cái chết của dân tôi.” Nỗi lòng của Giê-rê-mi-a phản ánh tấm lòng của một ngôn sứ yêu dân, yêu thành, nhưng không thể làm ngơ trước tội lỗi.



Bình gốm bị đập vỡ – Án phạt

(Giê-rê-mi-a 19,1-15)

Thiên Chúa truyền Giê-rê-mi-a cầm một chiếc bình gốm và đập vỡ nó trước mặt các trưởng lão và tư tế. Ông nói: “Nhu cái bình này bị đập vỡ không thể hàn gắn, Giê-ru-sa-lem cũng sẽ bị đập tan bởi tội ác của nó.” Đây là biểu tượng cho án phạt không thể tránh khỏi vì dân đã dâng con cho thần ngoại và làm ô uế thánh địa. Câu chuyện cho thấy lòng Thiên Chúa đau đớn nhưng cương quyết.



Giê-rê-mi-a bị ném xuống hố bùn

(Giê-rê-mi-a 38,1-13)

Khi ông Giê-rê-mi-a loan báo sự thật rằng thành sẽ thất thủ và khuyên dân đầu hàng để được sống, ông bị cáo buộc làm nhụt chí binh sĩ. Vua cho phép thả ông xuống một cái hố bùn trong sân canh giữ, khiến ông gần như chết chìm. Tuy nhiên, một hoạn quan tên là É-vét-Mê-léc can đảm xin vua cứu ông. Nhờ thế, Giê-rê-mi-a được kéo lên bằng dây thùng và giẻ rách. Đây là biểu tượng về lòng trung thành và ơn cứu độ giữa sự phản bội và hiểm nguy.



Giao ước mới được ghi khắc trong tim

(Giê-rê-mi-a 31,31-34)

Giữa cảnh lưu đày và tang tóc, Thiên Chúa hứa ban một Giao Ước Mới. Không như giao ước xưa trên bia đá, giao ước này sẽ được ghi trong lòng mỗi người. Mọi người sẽ nhận biết Thiên Chúa, từ kẻ bé đến người lớn, vì Ngài sẽ tha thứ tội lỗi và không còn nhớ đến lỗi lầm họ nữa. Đây là một trong những đoạn tiên tri quan trọng nhất, loan báo trước thời kỳ của ân sủng và tình yêu thương sâu sắc.



NGÔN SỨ Ê-DÊ-KI-EN

Ngôn sứ Ê-dê-ki-en là một trong những ngôn sứ lớn của Cựu Ước, sống vào thế kỷ VI TCN. Ông là một tu tế, được Thiên Chúa kêu gọi làm ngôn sứ vào khoảng năm 593 TCN, khi đang sống lưu đày tại Babylon sau làn sóng đầu tiên người Do Thái bị lưu đày khỏi Giê-ru-sa-lem (năm 597 TCN). Cuộc đời và sứ mạng của Ê-dê-ki-en gắn liền với biến cố lịch sử đau thương này và được ghi lại trong sách Ê-dê-ki-en gồm 48 chương.

Thiên Chúa đã gọi Ê-dê-ki-en qua một thị kiến uy nghi: ông thấy bốn sinh vật huyền nhiệm và bánh xe rực lửa, tượng trưng cho vinh quang Thiên Chúa (Ed 1-3). Sau đó, ông được trao nhiệm vụ trở thành “kẻ canh gác” cho dân Israel – nghĩa là cảnh báo họ về tội lỗi, án phạt, nhưng cũng đem đến hy vọng nếu họ sám hối. Ê-dê-ki-en sống và thi hành sứ vụ trong một bối cảnh đầy hỗn loạn: dân Chúa mất quê hương, Đền Thờ bị phá hủy, lòng người rơi vào tuyệt vọng và nghi ngờ. Trong giai đoạn đầu, Ê-dê-ki-en tuyên sấm về án phạt không thể tránh khỏi dành cho Giê-ru-sa-lem vì sự bất trung, thờ ngẫu tượng và bạo lực của dân (ch. 4-24). Ông dùng nhiều hành động biểu tượng mạnh mẽ như ăn bánh nướng trên phân, nằm nghiêng nhiều ngày, hoặc đập vỡ nôi, nhằm minh họa cho các sấm ngôn. Sau khi Đền Thờ thực sự bị phá hủy (năm 586 TCN), nội dung sứ điệp của Ê-dê-ki-en

chuyển sang niềm hy vọng phục hồi. Ông loan báo Thiên Chúa sẽ ban cho dân một trái tim mới và thần khí mới để họ sống theo ý Chúa (Ed 36,26-27). Một trong những hình ảnh nổi bật nhất là thị kiến cánh đồng đầy hài cốt khô – nơi Thiên Chúa làm cho các xương khô sống lại (Ed 37), biểu tượng cho việc phục hồi dân tộc Israel. Ê-dê-ki-en cũng mô tả một viễn tượng tương lai về Đền Thờ mới tráng lệ, nơi Thiên Chúa sẽ ngự trị mãi mãi giữa dân Ngài (Ed 40-48). Đó là hình ảnh ẩn dụ về thời kỳ cứu độ, trật tự mới, công chính và sự hiện diện vĩnh viễn của Thiên Chúa. Sách Ê-dê-ki-en kết hợp giữa văn xuôi và văn thơ, giàu tính biểu tượng, đôi khi khó hiểu, nhưng lại truyền tải một cách sâu sắc sự thánh thiện tuyệt đối của Thiên Chúa, công lý trong hình phạt, và lòng thương xót trong cứu độ. Ngôn sứ Ê-dê-ki-en là mẫu gương của người trung thành trong thử thách, và lời ông vẫn vang vọng như lời cảnh tỉnh cho mọi thời đại: Thiên Chúa muốn hoán cải, chứ không phải tiêu diệt; Ngài muốn ban trái tim mới cho những ai sẵn sàng trở về với Ngài.



Đa-ni-en giải mộng cho vua Na-bu-cô-đô-nô-xo

(Đa-ni-en 2)

Khi vua Na-bu-cô-đô-nô-xo nằm mơ thấy một pho tượng kỳ lạ mà không ai giải nghĩa được, Đa-ni-en – một người trẻ Do Thái sống lưu đày tại Ba-by-lon – đã cầu xin Thiên Chúa ban ơn khôn ngoan. Ông được mặc khải giấc mộng: pho tượng làm bằng vàng, bạc, đồng, sắt và đất sét – tượng trưng cho các vương quốc sẽ lần lượt xuất hiện và suy vong. Nhưng sau cùng, một tảng đá từ trời sẽ đánh đổ tất cả và trở thành vương quốc vĩnh cửu – biểu tượng của Nước Thiên Chúa. Vua rất khâm phục và phong Đa-ni-en làm quan lớn. Biến cố này cho thấy Thiên Chúa là Đấng tể trị lịch sử và ban ơn cho ai biết cậy trông nơi Ngài.



Ba người bạn bị quăng vào lò lửa

(Đa-ni-en 3)

Ba người bạn của Đa-ni-en là Sát-rác, Mê-sác và A-bết Nê-gô từ chối thờ tượng vàng của vua Na-bu-cô-đô-xo. Vì thế, họ bị quăng vào lò lửa hồng. Tuy nhiên, một kỳ diệu xảy ra: giữa lửa, họ vẫn bước đi bình an, và có một nhân vật thứ tư giống “Con Thiên Chúa” hiện ra giữa họ. Lửa không đốt cháy được họ, áo quần không sém khò. Thấy vậy, vua kinh ngạc và nhận ra quyền năng Thiên Chúa của Ít-ra-en. Ông truyền lệnh không ai được phạm đến danh Ngài. Biến cố này minh chứng rằng ai trung thành với Chúa trong thử thách sẽ được Ngài che chở, và lòng can đảm của những người trẻ có thể làm thay đổi cả vua chúa.



Ét-te – Người nữ đã cứu dân tộc bằng đức tin và lòng can đảm (Sách Ét-te)

Sách Ét-te thuật lại câu chuyện cảm động về một thiếu nữ Do Thái tên là Ét-te (Esther), được Thiên Chúa dùng làm công cụ để cứu dân Ngài khỏi nạn diệt chủng. Bối cảnh xảy ra vào thời vua A-suê-rô (Xerxes I), đế quốc Ba Tư, khi dân Do Thái đang sống kiều cư trong một đất nước ngoại giáo. Ét-te là cô gái mồ côi, được ông họ là Móc-đo-khai (Mordecai) nuôi dưỡng. Với nhan sắc và sự khôn ngoan đặc biệt, Ét-te được tuyển chọn vào hoàng cung và sau đó trở thành hoàng hậu, dù không ai biết nàng là người Do Thái. Trong khi đó, một viên đại thần quyền thế tên là Ha-man căm ghét dân Do Thái, đặc biệt là Móc-đo-khai vì ông không chịu cúi lạy y. Ha-man bày mưu thuyết phục vua ban lệnh tiêu diệt toàn thể dân Do Thái. Khi hay tin, Móc-đo-khai khẩn thiết nhờ Ét-te can thiệp. Ban đầu nàng do dự vì luật cấm ai vào gặp vua nếu không được triệu, nhưng sau đó nàng quyết định liều mạng vì dân: “Nếu phải chết, thì tôi chết” (Et 4,16). Ét-te ăn chay cầu nguyện rồi can đảm bước vào cung, được vua đón tiếp và hỏi điều nàng mong muốn. Nhờ sự khôn khéo, Ét-te mời vua và Ha-man dự tiệc hai lần, rồi mới tiết lộ thân phận mình là người Do Thái và vạch trần âm mưu của Ha-man.

Vua tức giận và truyền treo cổ Ha-man trên chính cây cột mà y dựng để giết Móc-đo-khai. Đồng thời, nhà vua ban lệnh cho phép dân Do Thái tự vệ, cứu thoát họ khỏi nạn diệt chủng. Nhờ vậy, dân Chúa được bảo toàn, và Êt-te trở thành biểu tượng của sự can đảm, lòng tin và vai trò quý báu của người phụ nữ trong lịch sử cứu độ. Sách Êt-te được đọc hằng năm trong lễ Purim của người Do Thái – lễ mừng Thiên Chúa đã lật ngược số phận dân Ngài qua tay một phụ nữ tín trung.



Câu chuyện ngôn sứ Giô-na – Lòng thương xót lớn hơn sự giận dữ (Sách Giô-na)

Giô-na là một ngôn sứ được Thiên Chúa sai đến thành Ninivê – một thành phố lớn và tội lỗi của người ngoại – để rao giảng sám hối. Nhưng ông không muốn đi. Thay vì vâng lời, Giô-na lên tàu trốn sang Ta-rê-sít, hướng ngược lại với Ninivê. Ông không muốn dân ngoại được tha thứ. Khi tàu ra khơi, một cơn bão dữ dội nổi lên, khiến mọi người hoảng loạn. Thủy thủ biết có người làm điều trái với thần linh. Họ rút thăm và thăm trúng Giô-na. Ông thú nhận mình đang trốn lệnh Thiên Chúa và đề nghị họ ném ông xuống biển để biển lặng lại. Họ miễn cưỡng làm theo – và đúng như lời Giô-na, biển liền yên ả. (Sách Giô-na 1)



Giô-na không chết, vì Thiên Chúa sai một con cá lớn nuốt lấy ông. Trong bụng cá ba ngày ba đêm, Giô-na cầu nguyện ăn năn. Rồi cá nhả ông ra trên đất liền. Lần thứ hai, Thiên Chúa sai Giô-na đến Ninivê. Lần này, ông vâng lời. Giô-na rao giảng: “Còn bốn mươi ngày nữa, Ninivê sẽ bị phá hủy!” Dân thành từ vua đến thường dân ăn năn sám hối, ăn chay và mặc áo vải thô, thậm chí cả súc vật cũng bị bắt kiêng ăn. Thiên Chúa thấy lòng thành của họ thì đổi ý, không trừng phạt nữa. (Sách Giô-na 2)



Điều này khiến Giô-na tức giận. Ông than phiền với Chúa rằng chính vì biết Chúa là Đấng từ bi nhân hậu, chậm giận và giàu tình thương nên ông không muốn đi ngay từ đầu. Ông ra khỏi thành, dựng lều ngồi chờ xem liệu Chúa có phạt họ không.

Thiên Chúa khiến một cây thầu dầu mọc lên che mát cho Giô-na. Ông rất vui. Nhưng sáng hôm sau, Chúa sai một con sâu cắn chết cây. Trời nắng gắt, Giô-na bức tức vì mất bóng râm và xin được chết.

Chúa hỏi ông: “Người thương một cây không do người trồng, mà lại không muốn Ta thương Ninivê – một thành có hơn mười hai vạn người không phân biệt phải trái, cùng với muôn thú vật?” (Sách Giô-na 4)



KỂ CHUYỆN
TÂN ƯỚC

Da-ca-ri-a được tuyển chọn dâng hương

(Lu-ca 1,5-13)

Thời vua Hê-rô-đê, ông Da-ca-ri-a – một tu tế thuộc nhóm A-vi-gia – sống công chính cùng với vợ là bà Ê-li-sa-bét, người thuộc dòng tu tế A-ha-ron. Dù sống ngay lành, hai ông bà không có con vì bà Ê-li-sa-bét hiếm muộn và cả hai đã cao niên. Một ngày kia, đến lượt nhóm A-vi-gia phục vụ trong Đền Thờ, ông Da-ca-ri-a được bắt thăm để dâng hương – một vinh dự lớn đối với hàng tu tế. Khi ông đang ở bên trong dâng hương, toàn dân cầu nguyện bên ngoài thì bất ngờ một sứ thần của Thiên Chúa hiện ra đứng bên phải hương án. Ông kinh hoàng, sợ hãi. Nhưng sứ thần trấn an: “Đừng sợ! Thiên Chúa đã nhận lời ông cầu xin. Bà Ê-li-sa-bét sẽ sinh cho ông một con trai, và ông phải đặt tên là Gio-an.”



Lời loan báo

(Lu-ca 1,14-25)

Sứ thần tiếp tục loan báo rằng đứa trẻ sẽ nên cao trọng trước mặt Thiên Chúa, đầy Thánh Thần từ trong lòng mẹ, và được sai đi trong quyền năng của ngôn sứ Ê-li-a để chuẩn bị một dân sẵn sàng đón Chúa. Tuy nhiên, ông Da-ca-ri-a tỏ vẻ nghi ngờ: “Dựa vào đâu mà tôi biết được điều ấy?” Sứ thần liền nói rõ danh tính mình là Gáp-ri-en – người được Thiên Chúa sai đến – và tuyên bố: vì ông không tin, ông sẽ bị câm cho đến ngày lời ấy ứng nghiệm. Dân bên ngoài thắc mắc vì sao ông ở lại quá lâu, và khi ông bước ra mà không nói được, họ biết ông đã thấy một thị kiến. Sau khi hoàn thành thời gian phục vụ, ông trở về nhà. Ít lâu sau, bà Ê-li-sa-bét mang thai, lòng tràn đầy biết ơn vì Chúa đã cất khỏi bà nỗi hổ nhục trước mặt người đời.



Truyền tin cho Đức Ma-ri-a (Lu-ca 1,26-38)

Khi bà Ê-li-sa-bét mang thai được sáu tháng, Thiên Chúa sai sứ thần Gáp-ri-en đến Na-da-rét, gặp trinh nữ Ma-ri-a, đã đính hôn với ông Giu-se thuộc dòng vua Đa-vít. Sứ thần chào: “Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà.” Ma-ri-a bối rối, nhưng sứ thần trấn an và loan báo: bà sẽ thụ thai và sinh một con trai, tên là Giê-su – Đấng Con của Đấng Tối Cao, sẽ trị vì mãi mãi. Cô Ma-ri-a thắc mắc vì chưa kết hôn, sứ thần giải thích rằng Thánh Thần sẽ ngự xuống, và quyền năng Thiên Chúa sẽ rợp bóng trên bà. Đứa trẻ sẽ là Con Thiên Chúa. Gáp-ri-en còn cho biết bà Ê-li-sa-bét, người thân của Ma-ri-a, cũng đang mang thai dù tuổi cao. Nghe vậy, Ma-ri-a tin tưởng thưa: “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa,” và sứ thần liền ra đi.



Đức Ma-ri-a viếng thăm bà Ê-li-sa-bét

(Lu-ca 1,39-45)

Khi biết mình mang thai theo lời sứ thần, Đức Ma-ri-a vội vã lên đường đến miền núi Giu-đê, vào nhà ông Da-ca-ri-a và chào bà Ê-li-sa-bét. Vừa nghe lời chào, bà Ê-li-sa-bét được đầy Thánh Thần, đứa con trong lòng bà liền nhảy mừng. Bà kêu lên: “Em được chúc phúc hơn mọi người phụ nữ, và người con em cưu mang cũng được chúc phúc! Bởi đâu tôi được Thân Mẫu Chúa tôi đến viếng thăm? Em thật có phúc vì đã tin rằng Thiên Chúa sẽ thực hiện điều Ngài hứa.” Cuộc gặp gỡ ấy tràn đầy niềm vui, ân sủng và Thánh Thần.



Chúa Giê-su giáng sinh

(Lu-ca 2,1-7)

Thời hoàng đế Au-gút-tô, có lệnh kiểm tra dân số trên toàn đế quốc. Ông Giu-se phải từ Na-da-rét lên Bê-lem, quê tổ tiên ông – vua Đa-vít – để khai tên, cùng với vợ là bà Ma-ri-a, đang mang thai. Khi đến nơi, bà Ma-ri-a hạ sinh con trai đầu lòng, quấn tã và đặt nằm trong máng cỏ, vì hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ. Đó là khởi đầu khiêm hạ của Đấng Cứu Thế nơi trần gian.



Những người chăn chiên viếng thăm (Lu-ca 2,8-20)

Đêm Chúa Giê-su giáng sinh, có những người chăn chiên đang canh giữ đàn vật ngoài đồng. Một sứ thần hiện ra, loan báo tin mừng: Đấng Cứu Độ đã sinh ra tại Bê-lem, nằm trong máng cỏ. Muôn vàn thiên binh cùng hát: “Vinh danh Thiên Chúa trên trời, bình an dưới thế cho loài người Chúa thương.” Các mục đồng vội đi và gặp thấy Hài Nhi cùng bà Ma-ri-a và ông Giu-se. Họ thuật lại thị kiến, rồi ra về ca tụng Thiên Chúa vì những điều đã thấy và nghe.





Ngôi sao lạ và các chiêm tinh gia

(Mát-thêu 2, 1-8)

Khi Đức Giê-su ra đời tại Bê-lem, thời vua Hê-rô-đê trị vì, có mấy nhà chiêm tinh từ phương Đông đến Giê-ru-sa-lem tìm kiếm “Đức Vua dân Do-thái mới sinh.” Họ nói đã thấy vì sao của Người xuất hiện bên phương Đông, nên đến để bái lạy. Nghe tin ấy, vua Hê-rô-đê lo lắng, và cả Giê-ru-sa-lem xôn xao. Nhà vua triệu tập các thượng tế và kinh sư để hỏi nơi Đấng Ki-tô sẽ sinh ra. Họ xác nhận lời Kinh Thánh: “Tại Bê-lem, miền Giu-đa.” Vua Hê-rô-đê bí mật gọi các nhà chiêm tinh đến hỏi kỹ về ngôi sao, rồi sai họ đi Bê-lem dò hỏi về Hài Nhi, giả vờ cũng muốn đến bái lạy.



Gặp được Hài Nhi và con đường hồi hương

(Mát-thêu 2,9-12)

Nghe lời vua, các chiêm tinh gia tiếp tục lên đường. Ngôi sao họ thấy ở phương Đông lại xuất hiện, dẫn đường cho họ đến đúng nơi Hài Nhi đang ở. Trông thấy ngôi sao dừng lại, họ vô cùng vui mừng. Khi bước vào nhà, họ thấy Hài Nhi cùng thân mẫu là Đức Ma-ri-a, liền sắp mình thờ lạy và dâng lễ vật: vàng, nhũ hương và mộc dục – biểu tượng cho vương quyền, thần tính và hy tế. Sau đó, họ được báo mộng đừng trở lại gặp vua Hê-rô-đê, nên âm thầm đi đường khác về quê hương. Hành trình của họ kết thúc không chỉ bằng cuộc gặp gỡ, mà còn là sự chọn lựa trung thành với Thiên Chúa hơn là quyền lực trần thế.



Tiến dâng Hài Nhi Giê-su và lời tiên tri trong Đền Thờ

(Lu-ca 2,21-38)

Khi Hài Nhi Giê-su được tám ngày, Người chịu phép cắt bì và được đặt tên là Giê-su, như sứ thần đã báo trước. Đến ngày thanh tẩy, ông Giu-se và bà Ma-ri-a đem con lên Giê-ru-sa-lem để tiến dâng cho Thiên Chúa theo Luật Mô-sê. Tại Đền Thờ, ông Si-mê-ôn – người công chính được Thánh Thần soi dẫn – bế Hài Nhi và ca tụng Thiên Chúa, tuyên sấm rằng Người là ánh sáng cứu độ. Ông tiên báo Mẹ Ma-ri-a sẽ đau đớn như bị gươm đâm thấu. Bà An-na, nữ ngôn sứ cao tuổi, cũng cảm tạ Thiên Chúa và loan báo về Hài Nhi cho những ai đang mong đợi ơn cứu chuộc. Sau đó, cả gia đình trở về Na-da-rét, nơi Đức Giê-su lớn lên trong khôn ngoan và ân sủng.



Đức Giê-su giữa các bậc thầy trong Đền Thờ

(Lu-ca 2,41-52)

Khi mười hai tuổi, Đức Giê-su theo cha mẹ lên Giê-ru-sa-lem dự lễ Vượt Qua. Sau kỳ lễ, cha mẹ trở về mà không hay Người vẫn ở lại. Sau ba ngày tìm kiếm, họ thấy Đức Giê-su trong Đền Thờ, đang đối thoại với các thầy dạy. Mọi người đều kinh ngạc vì sự hiểu biết và lời đáp của Người. Khi mẹ trách nhẹ, Đức Giê-su đáp rằng Người có bốn phận ở nhà của Cha mình. Cha mẹ không hiểu lời ấy, nhưng Đức Ma-ri-a ghi nhớ trong lòng. Sau đó, Đức Giê-su trở về Na-da-rét, vâng phục cha mẹ, và lớn lên trong khôn ngoan, ân nghĩa với Thiên Chúa và mọi người.



Ông Gio-an Tẩy Giả rao giảng

(Lu-ca 3,1-18)

Ông Gio-an, con ông Da-ca-ri-a, được Thiên Chúa sai đến, bắt đầu rao giảng trong hoang địa. Ông kêu gọi dân chúng sám hối và chịu phép rửa để được ơn tha tội. Lời ông ứng nghiệm lời ngôn sứ I-sai-a: “Hãy dọn đường cho Đức Chúa.” Ông cảnh tỉnh dân phải sống công chính, chia sẻ cho người thiếu thốn, không bóc lột hay tham lam. Nhiều người thắc mắc liệu ông có phải là Đấng Mê-si-a, nhưng Gio-an nói: “Đấng mạnh thế hơn tôi đang đến... Người sẽ làm phép rửa trong Thánh Thần và lửa.” Ông Gio-an tiếp tục loan báo Tin Mừng, giúp dân sẵn sàng đón nhận Đấng Cứu Thế.



Đức Giê-su chịu phép rửa (Mát-thêu 3,13-17)

Đức Giê-su đến sông Gio-đan xin ông Gio-an làm phép rửa. Dù Gio-an do dự, Người khẳng định cần làm để giữ trọn đức công chính. Sau khi chịu phép rửa, Đức Giê-su lên khỏi nước, thì trời mở ra, Thánh Thần như chim bồ câu xuống trên Người. Một tiếng từ trời phán: “Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người.” Đây là dấu chỉ Thiên Chúa xác nhận sứ mạng của Đức Giê-su.



Đức Giê-su chịu cám dỗ (Mát-thêu 4,1-11)

Sau khi chịu phép rửa, Đức Giê-su được Thần Khí dẫn vào hoang địa, ăn chay bốn mươi ngày đêm. Quỷ đến cám dỗ ba lần: biến đá thành bánh, gieo mình từ nóc Đền Thờ, và sắp mình thờ lạy để được vinh hoa thế gian. Nhưng Đức Giê-su luôn đáp lại bằng Lời Chúa: “Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh”, “Chớ thử thách Đức Chúa”, và “Chỉ thờ phượng Thiên Chúa mà thôi.” Quỷ bỏ đi và các thiên sứ đến hầu hạ Người.



Đức Giê-su kêu gọi bốn môn đệ đầu tiên

(Mát-thêu 4,18-22)

Khi đi dọc biển hồ Ga-li-lê, Đức Giê-su gặp hai anh em là Si-môn Phê-rô và An-rê đang quăng lưới. Người gọi: “Hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các anh thành kẻ lưới người.” Hai ông lập tức bỏ lưới mà theo. Đi tiếp, Người gặp Gia-cô-bê và Gio-an, con ông Dê-bê-đê, đang vá lưới với cha. Người cũng gọi họ, và họ liền bỏ thuyền, bỏ cha lại mà đi theo Đức Giê-su. Đó là khởi đầu của nhóm môn đệ.



Đức Giê-su bị khước từ ở Na-da-rét và giảng dạy tại Ca-phác-na-um

(Lu-ca 4,16-37)

Đức Giê-su trở về Na-da-rét, vào hội đường đọc sách ngôn sứ I-sai-a, công bố sứ mạng của Người là loan báo Tin Mừng. Dân làng ban đầu thán phục, nhưng khi Người khẳng định không ngôn sứ nào được chấp nhận nơi quê hương, họ tức giận, kéo Người lên núi định xô xuống vực. Nhưng Người băng qua giữa họ mà đi. Sau đó, tại Ca-phác-na-um, Người giảng dạy với uy quyền và trừ quỷ trong hội đường, khiến dân chúng kinh ngạc và danh tiếng Người lan truyền khắp vùng.



Tiệc cưới Ca-na (Gio-an 2,1-12)

Tại một tiệc cưới ở Ca-na miền Ga-li-lê, có Đức Giê-su, Đức Ma-ri-a và các môn đệ cùng tham dự. Khi tiệc đang diễn ra, rượu bị hết. Đức Ma-ri-a báo với Đức Giê-su, rồi nói với gia nhân: “Người bảo gì, cứ làm theo.” Đức Giê-su truyền họ đổ đầy nước vào sáu chum đá. Khi rót ra, nước đã hóa thành rượu ngon. Việc này là dấu lạ đầu tiên của Người, bày tỏ vinh quang, khiến các môn đệ tin vào Người. Sau đó, Người cùng gia đình đến Ca-phác-na-um.



Đức Giê-su chữa con của một sĩ quan cận vệ của nhà vua

(Gio-an 4,46-54)

Khi trở lại Ca-na miền Ga-li-lê, nơi đã làm dấu lạ đầu tiên, Đức Giê-su được một viên sĩ quan cận vệ nhà vua đến xin chữa con trai đang hấp hối tại Ca-phác-na-um. Dù ban đầu Người nhắc đến lòng tin phải đi kèm dấu lạ, nhưng trước lời khẩn cầu chân thành, Đức Giê-su bảo: “Ông cứ về đi, con ông sống.” Ông tin lời ấy và ra về. Trên đường, ông gặp gia nhân báo con đã khỏi vào đúng giờ Đức Giê-su phán. Ông và cả gia đình đều tin. Đây là dấu lạ thứ hai Đức Giê-su làm tại Ga-li-lê.



Chữa lành người bại liệt ở hồ Bết-da-tha

(Gio-an 5,1-9)

Tại hồ Bết-da-tha ở Giê-ru-sa-lem, nơi nhiều người đau ốm tụ tập mong được khỏi bệnh khi nước động lên, có một người đã bị bệnh suốt ba mươi tám năm. Đức Giê-su thấy anh nằm đó đã lâu, liền hỏi: “Anh có muốn khỏi bệnh không?” Anh đáp rằng mỗi khi nước khuấy lên thì không ai giúp anh xuống trước. Đức Giê-su bảo: “Anh hãy trỗi dậy, vác chõng mà đi!” Lập tức, anh được chữa lành và đi được, tay vác theo chõng của mình. Việc này xảy ra vào ngày sa-bát.



Đức Giê-su kêu gọi ông Lê-vi và dự tiệc với người tội lỗi (Lu-ca 5, 27-32)

Đức Giê-su thấy ông Lê-vi đang ngồi ở trạm thu thuế và gọi: “Anh hãy theo tôi!” Ông bỏ tất cả mà đi theo Người. Sau đó, ông Lê-vi mở tiệc lớn đãi Đức Giê-su, cùng với nhiều người thu thuế và người tội lỗi. Những người Pha-ri-sêu chỉ trích việc này, nhưng Đức Giê-su đáp: “Người khoẻ mạnh không cần thầy thuốc; tôi đến để kêu gọi người tội lỗi sám hối, chứ không phải người công chính.” Lời Người bày tỏ lòng thương xót và sứ mạng cứu độ cho mọi người.



Đức Giê-su tuyển chọn mười hai Tông Đồ

(Lu-ca 6,12-16)

Một hôm, Đức Giê-su lên núi cầu nguyện suốt đêm với Thiên Chúa. Sáng hôm sau, Người gọi các môn đệ lại và chọn mười hai người, gọi là Tông Đồ. Đó là: Si-môn Phê-rô, An-rê, Gia-cô-bê, Gio-an, Phi-líp-phê, Ba-tô-lô-mê-ô, Mát-thêu, Tô-ma, Gia-cô-bê con ông An-phê, Si-môn Quá Khích, Giu-đa con ông Gia-cô-bê và Giu-đa Ít-ca-ri-ốt – kẻ sau này phản bội. Đây là nhóm thân tín được sai đi rao giảng Tin Mừng.



Tám mối Phúc (Mát-thêu 5,1-12)

Đức Giê-su dạy rằng: Phúc cho ai có tâm hồn nghèo khó, hiền lành, sầu khổ, khao khát sống công chính, biết xót thương, trong sạch, xây dựng hòa bình và chịu bách hại vì công chính – vì họ sẽ được Nước Trời, được ủi an, được nhìn thấy Thiên Chúa và được gọi là con Ngài. Ai bị sỉ vả hay vu khống vì danh Thầy thì hãy vui mừng, vì phần thưởng ở trên trời thật lớn lao, giống như các ngôn sứ xưa cũng từng bị bách hại như vậy.



Muối cho đời và ánh sáng cho trần gian

(Mát-thêu 5,13-16)

Đức Giê-su dạy: “Anh em là muối cho đời, nhưng nếu muối nhạt, sẽ trở nên vô dụng. Anh em cũng là ánh sáng cho trần gian; ánh sáng ấy không thể bị che giấu, mà phải đặt nơi cao để soi cho mọi người. Cũng vậy, ánh sáng đời sống anh em phải rạng ngời qua việc lành, để người ta thấy và ngợi khen Thiên Chúa.” Qua hình ảnh muối và ánh sáng, Đức Giê-su mời gọi môn đệ sống gương mẫu và đem lại ích lợi cho thế gian.



Đừng giận ghét anh em mình

(Mát-thêu 5,21-26)

Đức Giê-su dạy rằng không chỉ giết người mới là tội, mà cả việc giận dữ, mắng nhiếc hay chửi rủa anh em mình cũng đáng bị xét xử và phạt nặng. Người kêu gọi hãy làm hòa trước khi dâng lễ vật cho Thiên Chúa. Nếu còn xích mích, phải hòa giải trước rồi mới đến thờ phượng. Người cũng nhấn mạnh phải dàn xếp với người bất đồng khi còn có thể, kéo bị xét xử và giam cầm. Lời dạy nhấn mạnh sự tha thứ và yêu thương là điều cốt lõi trong đời sống đạo.



Chớ ngoại tình – Thanh luyện từ trong lòng

(Mát-thêu 5,27-30)

Đức Giê-su dạy: không chỉ hành vi ngoại tình là tội, mà cả ánh mắt thèm muốn cũng đã phạm tội trong lòng. Người nhấn mạnh cần dứt khoát tránh dịp tội, dù phải hy sinh điều quý giá. “Nếu mắt hay tay khiến anh sa ngã, hãy loại bỏ nó” – lời dạy này nhấn mạnh đến sự trong sạch nội tâm và lòng quyết tâm sống thánh thiện để tránh rơi vào án phạt đời đời.



Đừng ly dị

(Mát-thêu 5,31-32)

Đức Giê-su dạy: ai rầy vợ là đẩy vợ vào chỗ phạm tội, và ai cưới người bị rầy cũng phạm tội ngoại tình. Người nhấn mạnh tính bất khả phân ly của hôn nhân, ngoại trừ trường hợp bất hợp pháp, để bảo vệ sự trung tín và thánh thiện trong đời sống vợ chồng.



Giữ lời chân thật

(Mát-thêu 5,33-37)

Đức Giê-su dạy: đừng thề chi cả – không thề bởi trời, đất, Giê-ru-sa-lem hay chính đầu mình, vì tất cả đều thuộc về Thiên Chúa. Người nhấn mạnh: “Có” thì nói “có”, “không” thì nói “không”; mọi sự thêm thắt đều đến từ ác quỷ. Lời dạy này mời gọi người môn đệ sống chân thành, trung thực và tránh mọi hình thức gian dối trong lời nói hằng ngày.



Chớ trả thù

(Mát-thêu 5,38-42)

Đức Giê-su dạy: đừng lấy ác báo ác. Nếu ai vả má bên phải, hãy giơ cả má bên trái; ai muốn kiện lấy áo trong, hãy cho luôn áo ngoài; ai bắt đi một dặm, hãy đi hai dặm. Người kêu gọi vượt qua lối sống trả đũa, chọn yêu thương và rộng lượng. Ai xin thì hãy cho, ai muốn vay mượn thì đừng ngoảnh mặt. Đó là tinh thần từ bi và quảng đại của người môn đệ Chúa.



Phải yêu thương kẻ thù

(Mát-thêu 5,43-48)

Đức Giê-su dạy: hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những ai ngược đãi mình, để trở nên con cái Thiên Chúa. Vì Thiên Chúa cho mặt trời chiếu sáng và mưa rơi trên cả người lành lẫn kẻ dữ. Nếu chỉ yêu thương người yêu mình thì chẳng có gì khác biệt. Người kêu gọi môn đệ vượt lên trên lối sống thường tình, sống quảng đại và nên hoàn thiện như Cha trên trời.



Bố thí cách kín đáo

(Mát-thêu 6,1-4)

Đức Giê-su dạy: khi làm việc bác ái, đừng phô trương hay tìm lời khen, như những kẻ đạo đức giả. Họ đã được phần thưởng từ người đời. Còn anh em, hãy bố thí một cách âm thầm – đến mức “tay trái không biết việc tay phải làm” – để chỉ mình Thiên Chúa biết. Cha trên trời, Đấng thấy những gì kín đáo, sẽ ban thưởng cho anh em cách xứng hợp.



Cầu nguyện cách kín đáo

(Mát-thêu 6,5-6)

Đức Giê-su dạy: khi cầu nguyện, đừng phô trương như kẻ đạo đức giả, thích cho người ta thấy. Họ đã được phần thưởng rồi. Còn anh em, hãy vào phòng, đóng cửa lại, thầm thì với Cha trên trời, Đấng hiện diện nơi kín đáo. Thiên Chúa, Đấng thấu suốt mọi điều ẩn giấu, sẽ ban thưởng xứng đáng cho anh em.



Kinh “Lạy Cha” và lời dạy về tha thứ

(Mát-thêu 6,7-15)

Đức Giê-su dạy: khi cầu nguyện, đừng nói nhiều như dân ngoại, vì Thiên Chúa đã biết điều anh em cần. Người mời gọi cầu nguyện bằng lòng tin và chân thành. Người dạy Kinh “Lạy Cha”: cầu xin danh Cha vinh hiển, Nước Cha mau đến, ý Cha được thể hiện; xin ơn lương thực hằng ngày, tha tội như ta tha kẻ khác, và gìn giữ khỏi sa chước cám dỗ. Đức Giê-su nhấn mạnh: nếu biết tha thứ cho người khác, anh em cũng sẽ được Thiên Chúa tha thứ.



Đức Giê-su chữa người phong hủi

(Mát-thêu 8,1-4)

Khi Đức Giê-su xuống núi, có một người phong hủi đến bái lạy và xin: “Nếu Ngài muốn, Ngài có thể làm cho tôi được sạch.” Đức Giê-su giơ tay chạm vào anh và nói: “Tôi muốn, anh sạch đi.” Lập tức, anh được lành bệnh. Người dặn anh đừng nói với ai, nhưng hãy đi trình diện tư tế và dâng lễ theo luật Mô-sê, để làm chứng cho người ta biết.



Đức Giê-su chữa lành đầy tớ viên đại đội trưởng

(Mát-thêu 8,5-13)

Khi vào Ca-phác-na-um, Đức Giê-su được một viên đại đội trưởng ngoại giáo xin chữa đầy tớ đang liệt giường. Dù Đức Giê-su sẵn sàng đến tận nơi, viên sĩ quan khiêm tốn thưa: “Tôi chẳng đáng Ngài vào nhà tôi. Xin Ngài chỉ nói một lời, đầy tớ tôi sẽ khỏi.” Ông tin tưởng vào uy quyền lời nói của Đức Giê-su. Đức Giê-su ngạc nhiên trước lòng tin ấy và nói: “Chưa từng thấy ai ở Ít-ra-en có lòng tin mạnh như vậy.” Rồi Người bảo ông về, và ngay lúc ấy, người đầy tớ được chữa lành.



Đức Giê-su chữa nhạc mẫu ông Si-môn

(Mác-cô 1,29 -31)

Sau khi rời hội đường Ca-phác-na-um, Đức Giê-su đến nhà ông Si-môn và An-rê, cùng với Gia-cô-bê và Gio-an. Lúc ấy, mẹ vợ ông Si-môn đang sốt nặng, nằm trên giường. Họ liền thưa với Đức Giê-su. Người đến gần, cầm tay bà và đỡ dậy; lập tức cơn sốt dứt, và bà đứng dậy phục vụ các ngài. Đây là một dấu lạ thể hiện quyền năng và lòng thương xót của Đức Giê-su.



Mù mà lại dắt mù – Cái rác và cái xà

(Lu-ca 6,39-42)

Đức Giê-su dạy: “Mù mà dắt mù, cả hai sẽ sa xuống hố. Học trò không hơn thầy.” Người cảnh báo thói giả hình: sao thấy cái rác trong mắt người khác mà không thấy cái xà trong mắt mình? Trước khi sửa lỗi người khác, hãy tự sửa mình trước. Khi đã lấy cái xà khỏi mắt mình, anh mới thấy rõ để giúp người khác một cách khiêm tốn và chân thành.



Đức Giê-su cho con trai bà góa thành Na-in sống lại (Lu-ca 7, 11-17)

Khi Đức Giê-su đến gần cửa thành Na-in, Người gặp đoàn người đưa đám tang một thanh niên – con trai duy nhất của một bà góa. Chạnh lòng thương, Đức Giê-su an ủi bà: “Đừng khóc nữa!” Rồi Người sờ vào quan tài, truyền: “Này người thanh niên, tôi bảo anh: hãy trỗi dậy!” Người chết liền sống lại và bắt đầu nói. Đức Giê-su trao anh cho mẹ. Dân chúng kinh sợ và ngợi khen Thiên Chúa. Tin ấy lan truyền khắp miền Giu-đê.



Môn đệ bứt lúa ăn ngày sa-bát (Mát-thêu 12,1-8)

Ngày sa-bát, Đức Giê-su và các môn đệ đi qua cánh đồng, môn đệ đói và bứt lúa ăn. Người Pha-ri-sêu trách các ông vi phạm luật ngày nghỉ. Đức Giê-su nhắc lại chuyện vua Đa-vít ăn bánh tiến – thứ chỉ dành cho tư tế – khi đói. Người nói: “Ta muốn lòng nhân, chứ không cần lễ tế.” Và kết luận: “Con Người là chủ ngày sa-bát,” cho thấy lòng thương xót quan trọng hơn hình thức giữ luật.



Người phụ nữ tội lỗi đã được tha thứ và đã yêu mến Chúa nhiều

(Lu-ca 7, 36-50)

Đức Giê-su được một người Pha-ri-sêu tên là Si-môn mời dùng bữa. Trong bữa tiệc, một người phụ nữ tội lỗi trong thành nghe tin và đến mang theo bình dầu thơm. Chị đứng sau Đức Giê-su, khóc nức nở, lấy nước mắt rửa chân Người, lấy tóc lau khô, rồi hôn và xúc dầu thơm. Ông Si-môn nghĩ thầm: “Nếu ông này là ngôn sứ, hẳn biết người phụ nữ này là ai và loại người nào.” Biết được ý nghĩ ấy, Đức Giê-su kể dụ ngôn về hai người mắc nợ – một nhiều, một ít – đều được tha, và hỏi ai sẽ yêu mến nhiều hơn. Ông Si-môn trả lời đúng: người được tha nhiều sẽ yêu nhiều.

Đức Giê-su quay lại phía người phụ nữ và trách nhẹ Si-môn: “Tôi vào nhà ông, ông không rửa chân, không hôn, không xúc dầu. Còn chị ấy thì đã khóc, hôn chân và xúc dầu thơm cho tôi.” Người kết luận: “Tội chị rất nhiều, nhưng đã được tha, vì chị yêu mến nhiều. Ai được tha ít thì yêu ít.” Rồi Người nói với chị: “Tội của chị đã được tha rồi... Lòng tin của chị đã cứu chị. Hãy đi bình an.” Đây là hình ảnh cảm động về lòng thương xót Thiên Chúa đối với người biết sám hối và yêu mến.



Dụ ngôn người gieo giống (Mát-thêu 13, 4-9.18-23)

Đức Giê-su kể dụ ngôn: Người gieo giống ra đi gieo hạt. Có hạt rơi bên vệ đường bị chim ăn mất; hạt rơi trên sỏi đá thì mọc nhanh nhưng bị nắng làm chết vì không rễ; hạt rơi vào bụi gai bị nghẹt; hạt rơi vào đất tốt thì sinh hoa kết quả: gấp trăm, sáu chục hay ba chục.

Người giải thích: hạt giống là Lời Chúa. Hạt rơi bên vệ đường là kẻ nghe mà không hiểu, bị quỷ dữ cướp mất. Hạt trên sỏi đá là kẻ nghe và vui vẻ đón nhận, nhưng không bền khi gặp thử thách. Hạt vào bụi gai là người nghe nhưng lo lắng đời sống và ham mê vật chất bóp nghẹt Lời. Còn hạt rơi vào đất tốt là người nghe, hiểu và sống theo Lời Chúa, sinh hoa trái dồi dào.



Dụ ngôn cỏ lùng (Mát-thêu 13, 24-30.36-43)

Đức Giê-su kể dụ ngôn: Một người kia gieo giống tốt trong ruộng mình. Đêm đến, kẻ thù lén gieo cỏ lùng. Khi lúa mọc, cỏ lùng cũng xuất hiện. Đầy tớ xin chủ nhổ bỏ cỏ, nhưng ông bảo: “Đừng, kéo bật luôn rễ lúa. Cứ để cả hai lớn lên, đến mùa gặt sẽ phân loại: cỏ lùng thì đốt đi, lúa thì thu vào kho.”

Khi các môn đệ xin giải nghĩa, Đức Giê-su nói: Người gieo giống tốt là Con Người, ruộng là thế gian, hạt giống tốt là con cái Nước Trời, cỏ lùng là con cái Ác Thần. Kẻ thù là ma quỷ, mùa gặt là ngày tận thế, thợ gặt là các thiên thần. Cuối cùng, các kẻ gian ác sẽ bị loại khỏi Nước Trời và quăng vào lò lửa, còn người công chính sẽ chói sáng như mặt trời trong Nước của Cha họ.



Dụ ngôn hạt cải (Mát-thêu 12, 31-32)

Đức Giê-su kể thêm một dụ ngôn rằng: “Nước Trời ví như hạt cải nhỏ bé, người kia đem gieo nơi ruộng mình. Dù là hạt nhỏ nhất trong muôn hạt giống, nhưng khi mọc lên, lại trở thành cây lớn nhất trong vườn. Cành lá xum xuê, đến nỗi chim trời cũng đến làm tổ, nường nấu nơi đó.”



Dụ ngôn men trong bột (Mát-thêu 12,33)

Đức Giê-su lại kể cho họ một dụ ngôn khác: “Nước Trời ví như nếm men, một người đàn bà đem vùi vào ba thúng bột, cho đến khi cả khối bột dậy men.”



Dụ ngôn kho báu và ngọc quý (Mát-thêu 12,44-46)

Đức Giê-su lại phán rằng: “Nước Trời ví như một kho báu được chôn giấu trong ruộng. Có người kia tình cờ gặp được, liền vùi lấp lại, rồi hân hoan đi bán tất cả những gì mình có để mua lấy thửa ruộng ấy.

Nước Trời cũng giống như một thương gia kia chuyên tìm ngọc quý. Gặp được một viên ngọc tuyệt mỹ, ông ta liền ra đi, bán tất cả tài sản mình có mà mua cho bằng được viên ngọc ấy.”



Dụ ngôn chiếc lưới (Mát-thêu 12,47-50)

Đức Giê-su lại kể cho họ nghe dụ ngôn rằng: “Nước Trời cũng giống như chiếc lưới được thả xuống biển, kéo lên đủ mọi loại cá. Khi lưới đã đầy, người ta kéo lên bờ, rồi ngồi xuống lựa cá: cá tốt thì bỏ vào giỏ, cá xấu thì ném ra ngoài.

Đến ngày tận thế, cũng sẽ xảy ra như vậy: các thiên thần sẽ đến, phân biệt kẻ gian ác ra khỏi người công chính, rồi quăng chúng vào lò lửa, nơi sẽ có khóc lóc và nghiến răng.”



Đức Giê-su về thăm Na-da-rét (Mát-thêu 13,53-58)

Sau khi giảng dạy bằng dụ ngôn, Đức Giê-su trở về quê nhà Na-da-rét và giảng trong hội đường. Dân làng ngạc nhiên trước sự khôn ngoan và quyền năng của Người, nhưng họ cũng hoài nghi: “Ông không phải con bác thợ mộc, con bà Ma-ri-a, anh của Gia-cô-bê, Giô-xếp, Si-môn và Giu-đa sao?” Họ khó chấp nhận Người vì quá quen thuộc. Đức Giê-su nói: “Ngôn sứ chỉ bị rẻ rúng tại chính quê hương và gia đình mình.” Tại đó, Người không làm nhiều phép lạ vì họ không tin.



Đức Giê-su hóa bánh ra nhiều lần thứ nhất

(Mát-thêu 14,13-21)

Khi nghe tin Gio-an Tẩy Giả qua đời, Đức Giê-su lánh đến nơi hoang vắng. Dân chúng từ khắp nơi kéo đến, và Người chạnh lòng thương, chữa lành các bệnh nhân. Chiều đến, các môn đệ lo dân đói, xin Thầy giải tán họ. Đức Giê-su bảo chính các ông hãy lo cho dân ăn, dù chỉ có năm chiếc bánh và hai con cá. Người cầm bánh cá, dâng lời chúc tụng, bẻ ra và phân phát. Mọi người đều được ăn no. Sau cùng, còn thu được mười hai giỏ đầy mẩu bánh thừa. Số người ăn lên tới năm ngàn đàn ông, chưa kể phụ nữ và trẻ nhỏ.



Đức Giê-su đi trên mặt nước (Mát-thêu 14,22-33)

Khi giải tán đám đông, Đức Giê-su lên núi cầu nguyện, còn các môn đệ chèo thuyền ra khơi. Thuyền bị sóng đánh vì ngược gió. Vào canh tư, Đức Giê-su đi trên mặt nước đến với các ông. Các môn đệ hoảng hốt tưởng là ma, nhưng Người trấn an: “Chính Thầy đây, đừng sợ.” Ông Phê-rô xin được bước đi trên mặt nước, nhưng khi sợ hãi, ông bắt đầu chìm. Đức Giê-su nắm lấy ông và trách: “Sao lại hoài nghi?” Khi lên thuyền, gió liền lặng và mọi người bái lạy Người.



Đức Giê-su chữa lành tại Ghen-nê-xa-rét

(Mát-thêu 14,34-36)

Khi đã qua biển, Đức Giê-su và các môn đệ lên bờ, vào miền Ghen-nê-xa-rét. Dân trong vùng nhận ra Người, liền loan tin khắp nơi; người ta mang đến với Người mọi bệnh nhân. Họ khẩn khoản xin cho được chạm vào tua áo Người, và hết thảy những ai chạm tới đều được khỏi bệnh.



Người đàn bà Ca-na-an có lòng tin mạnh mẽ

(Mát-thêu 15,21-28)

Đức Giê-su đến miền Tia và Xi-đôn. Một người đàn bà Ca-na-an đến kêu xin: “Lạy Ngài, xin thương xót tôi! Con gái tôi bị quỷ ám khổ sở lắm!” Ban đầu, Người im lặng, rồi nói: “Thầy chỉ được sai đến với chiên lạc nhà Ít-ra-en.” Bà không bỏ cuộc, súp lạy: “Xin cứu giúp tôi!” Đức Giê-su đáp: “Không nên lấy bánh của con cái mà ném cho lũ chó con.” Bà thưa: “Nhưng chó con cũng được ăn vụn bánh rơi từ bàn chủ.” Ngạc nhiên trước lòng tin khiêm nhường và vững vàng, Đức Giê-su nói: “Lòng tin của bà thật mạnh! Bà muốn sao thì được vậy.” Con gái bà liền được khỏi.



Đức Giê-su hóa bánh ra nhiều lần thứ hai

(Mát-thêu 15,32-39)

Một hôm, đám đông theo Đức Giê-su đã ba ngày không có gì ăn. Người chạnh lòng thương và không muốn họ ra về trong đói khát. Khi các môn đệ lo lắng vì nơi hoang vắng không có bánh, Đức Giê-su hỏi họ có bao nhiêu. Các ông thưa: “Bảy chiếc bánh và một ít cá nhỏ.” Người truyền cho đám đông ngồi xuống, dâng lời tạ ơn, rồi bẻ bánh và cá trao cho các môn đệ phân phát. Tất cả đều ăn no nê. Người ta thu lại được bảy thúng mẩu bánh. Có khoảng bốn ngàn người đàn ông ăn hôm ấy. Sau đó, Đức Giê-su lên thuyền sang miền Ma-ga-đan.



Người phụ nữ ngoại tình (Gio-an 8,2-11)

Một buổi sáng, Đức Giê-su trở lại Đền Thờ giảng dạy. Lúc đó, các kinh sư và người Pha-ri-sêu dẫn đến một phụ nữ bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình. Họ đặt chị đứng giữa đám đông và nói: “Theo Luật Mô-sê, người như vậy phải bị ném đá. Còn Thầy nghĩ sao?” Họ hỏi thế để gài bẫy và tìm cơ tố cáo Đức Giê-su. Nhưng Người cúi xuống viết trên đất, không đáp. Họ cứ gặng hỏi, Người mới ngẩng lên nói: “Ai trong các ông sạch tội, cứ việc lấy đá ném trước đi.” Rồi Người lại cúi xuống viết tiếp.



Nghe những lời ấy, họ lần lượt rút lui, bắt đầu từ những người lớn tuổi. Cuối cùng, chỉ còn lại Đức Giê-su và người phụ nữ. Người ngẩng lên hỏi: “Này chị, họ đâu cả rồi? Không ai lên án chị sao?” Chị đáp: “Thưa ông, không có ai cả.” Đức Giê-su bảo: “Tôi cũng không lên án chị đâu. Thôi chị cứ về đi, và từ nay đừng phạm tội nữa.”



Đức Giê-su chữa một người mù từ thuở mới sinh

(Gio-an 9)

Gặp người mù và phép lạ chữa lành

Khi đi ngang qua, Đức Giê-su thấy một người mù từ thuở mới sinh. Các môn đệ hỏi: “Ai phạm tội khiến anh này bị mù?” Người đáp: “Không phải ai phạm tội, nhưng để công trình của Thiên Chúa được tỏ hiện nơi anh.” Đức Giê-su nhổ nước miếng, trộn bùn xúc vào mắt anh, rồi bảo: “Hãy đến hồ Si-lô-ác mà rửa.” Anh làm theo và được sáng mắt. Dân chúng bàn tán: “Chẳng phải người ăn xin ngày trước sao?” Anh xác nhận: “Chính tôi đây!” Họ hỏi: “Ai chữa anh?” Anh đáp: “Người tên Giê-su.”



Bị chất vấn và gây tranh cãi

Họ dẫn anh đến gặp những người Pha-ri-sêu, vì việc chữa lành diễn ra vào ngày sa-bát. Khi được hỏi lại, anh kể rõ cách Đức Giê-su đã chữa mình. Một số Pha-ri-sêu phản đối vì vi phạm luật sa-bát, nhưng người khác ngạc nhiên trước phép lạ. Họ hỏi anh nghĩ gì, anh đáp: “Người là một vị ngôn sứ.” Người Do-thái vẫn không tin, liền gọi cha mẹ anh đến xác minh. Họ thừa nhận anh là con mình, từng bị mù, nhưng né tránh nói thêm vì sợ bị trục xuất. Họ bảo: “Nó đã khôn lớn rồi, xin cứ hỏi nó.”



Người mù bệnh vực Đức Giê-su

Một lần nữa, người mù bị gọi đến. Họ bảo: “Hãy tôn vinh Thiên Chúa. Ông Giê-su là kẻ tội lỗi.” Anh đáp: “Tôi không biết ông ấy là ai, chỉ biết: tôi đã bị mù mà nay thấy được!” Họ gắng hỏi cách thức, anh nói: “Tôi đã kể rồi, sao còn hỏi lại? Hay các ông cũng muốn theo làm môn đệ ông ấy?” Họ mắng anh, khẳng định chỉ theo ông Mô-sê. Anh đáp: “Lạ thay! Các ông không biết Người từ đâu đến mà lại mở được mắt tôi. Thiên Chúa đâu nhậm lời kẻ tội lỗi! Nếu Người ấy không từ Thiên Chúa mà đến, làm sao làm được điều này?” Họ tức giận, trục xuất anh.



Đức Giê-su mặc khải và phán xét

Đức Giê-su nghe tin anh bị trục xuất, liền tìm gặp và hỏi: “Anh có tin vào Con Người không?” Anh thưa: “Thưa Ngài, Đấng ấy là ai?” Người đáp: “Anh đã thấy, chính Người đang nói với anh đây.” Anh nói: “Thưa Ngài, tôi tin”, rồi sắp mình thờ lạy. Đức Giê-su nói: “Tôi đến thế gian này để xét xử: ai mù sẽ thấy, ai thấy lại thành mù.” Người Pha-ri-sêu nghe thế liền hỏi: “Cả chúng tôi cũng mù sao?” Đức Giê-su bảo: “Nếu các ông mù, thì không có tội. Nhưng vì các ông nói: ‘Chúng tôi thấy’, nên tội các ông vẫn còn.”



Anh La-da-rô sống lại (Gio-an 11-1,44)

Anh La-da-rô, em cô Mác-ta và Ma-ri-a, bị bệnh nặng. Hai chị em nhắn tin cho Đức Giê-su: “Người Thầy yêu đang đau nặng.” Người bảo: “Bệnh này là để tôn vinh Thiên Chúa.” Dù thương họ, Người ở lại thêm hai ngày rồi mới lên đường đến Giu-đê. Dọc đường, Người nói: “La-da-rô đã chết. Thầy mừng vì Thầy không ở đó để anh em tin.” Khi đến nơi, Người thấy anh đã chôn được bốn ngày. Cô Mác-ta ra đón và nói: “Nếu Thầy có mặt, em con đã không chết.” Đức Giê-su nói: “Ai tin vào Thầy, dù chết cũng sẽ sống.” Mác-ta tin Người là Con Thiên Chúa.



Mác-ta về gọi Ma-ri-a: “Thầy gọi em đây!” Ma-ri-a đến, sụp dưới chân Chúa, òa khóc: “Nếu Thầy có ở đây, em con đã không chết.” Đức Giê-su thốt thức, hỏi: “Để xác ở đâu?” Rồi Người cũng bật khóc. Người đến mộ – một cái hang có phiến đá che – và bảo: “Đem phiến đá đi.” Mác-ta lo lắng: “Đã bốn ngày rồi!” Nhưng Đức Giê-su nói: “Nếu chị tin, sẽ thấy vinh quang Thiên Chúa.” Người cầu nguyện rồi lớn tiếng: “La-da-rô, hãy ra!” Anh bước ra, tay chân còn quấn vải. Đức Giê-su bảo: “Tháo khăn vải, để anh ấy đi.”



Dụ ngôn người Sa-ma-ri tốt lành

(Lu-ca 10,29-37)

Một người kia từ Giê-ru-sa-lem xuống Giê-ri-khô thì bị rơi vào tay bọn cướp. Chúng lột sạch, đánh đập người ấy như tử rồi bỏ đi, để mặc nạn nhân nửa sống nửa chết bên vệ đường. Tình cờ, có một thầy tu tể đi ngang qua, thấy vậy nhưng lại tránh sang bên kia mà đi tiếp. Một thầy Lê-vi cũng làm y như thế.

Nhưng rồi một người Sa-ma-ri đi tới. Thấy người bị nạn, ông chạnh lòng thương, lại gần, lấy dầu và rượu đổ lên các vết thương rồi băng bó. Sau đó, ông đặt người ấy lên lưng lừa của mình, đưa về quán trọ và tận tình săn sóc.

Hôm sau, ông lấy hai quan tiền trao cho chủ quán, dặn: “Nhờ bác chăm sóc cho người này. Có tốn kém thêm bao nhiêu, khi trở về tôi sẽ hoàn lại.”

Sau khi kể xong, Đức Giê-su hỏi người thông luật: “Theo ông nghĩ, trong ba người đó, ai là người thân cận với người bị rơi vào tay kẻ cướp?” Người ấy đáp: “Chính là kẻ đã thực thi lòng thương xót.” Đức Giê-su nói: “Ông hãy đi, và cũng hãy làm như vậy.”



Hai chị em Mác-ta và Ma-ri-a

(Lu-ca 10,38-42)

Trên đường rao giảng, Đức Giê-su ghé vào một làng kia. Một phụ nữ tên là Mác-ta vui mừng đón Người vào nhà. Mác-ta có em gái tên là Ma-ri-a, và khi Thầy vào, Ma-ri-a liền ngồi bên chân Người mà lắng nghe lời giảng dạy, tâm trí chăm chú hướng về Chúa. Trong khi đó, Mác-ta thì tất bật lo việc phục vụ, chuẩn bị bữa ăn tiếp đãi.

Mác-ta cảm thấy phiền lòng vì chỉ có một mình lo toan, bèn tiến lại thưa với Chúa: “Thưa Thầy, em con để mặc mình con phục vụ mà Thầy không để ý sao? Xin Thầy bảo nó giúp con một tay!”

Đức Giê-su nhẹ nhàng đáp: “Mác-ta! Mác-ta ơi! Chị lo lắng bối rối nhiều chuyện quá! Nhưng chỉ có một điều thực sự cần thiết. Ma-ri-a đã chọn phần tốt nhất, và phần ấy sẽ không bị lấy đi.”





Dụ ngôn tiệc cưới và những lời xin kiếu

(Lu-ca 14,15-24)

Đức Giê-su kể: Một người kia tổ chức tiệc lớn, mời nhiều người. Khi tiệc đã sẵn, ông sai đầy tớ đi mời. Nhưng ai cũng xin kiếu: người thì đi thăm đất mới mua, người đi thử bò, người khác vừa cưới vợ. Chủ nhà nổi giận, bảo đầy tớ ra đường phố, mời người nghèo, đui mù, què quặt vào dự. Khi vẫn còn chỗ, ông lại sai ra các nẻo đường, mời thêm người lạ, cho đầy nhà. Và ông tuyên bố: “Những kẻ đã được mời trước kia sẽ không được dự tiệc của ta.”



Dụ ngôn con chiên lạc

(Lu-ca 15, 4–7)

Đức Giê-su kể: Ai có 100 con chiên mà mất một con, lại chẳng để 99 con ngoài đồng để đi tìm con chiên lạc cho bằng được? Khi tìm thấy, người ấy vui mừng vác lên vai, về nhà mời bạn bè đến chia vui. Người nói: “Tôi đã tìm lại được con chiên bị mất!” Đức Giê-su kết luận: Trên trời cũng vậy, sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn, hơn là vì 99 người công chính không cần sám hối. Thiên Chúa quý trọng từng linh hồn quay trở về.



Dụ ngôn đồng bạc bị đánh mất

(Lu-ca 15, 8–10)

Một người phụ nữ kia có mười đồng bạc quý. Một hôm, bà phát hiện mình làm mất một đồng. Lo lắng và quyết tâm, bà liền thắp đèn sáng, cẩn thận quét nhà, lục lọi mọi góc kẹt trong căn phòng nhỏ. Cuối cùng, kìa! Bà reo lên vui sướng: “A! Tôi tìm được rồi!” Bà gọi bạn bè, hàng xóm: “Đến chia vui với tôi! Tôi đã tìm lại được đồng bạc tôi đánh mất!” Đức Giê-su kết luận: — Cũng vậy, trên trời, các thiên thần Thiên Chúa vui mừng biết bao khi có một người tội lỗi ăn năn trở về!



Dụ ngôn người cha nhân hậu

(Lu-ca 15,11-32)

Người con hoang đàng

Một người cha có hai người con trai. Người con thứ xin phần gia tài trước kỳ hạn rồi bỏ nhà ra đi. Anh tiêu xài phung phí ở phương xa, sống buông thả cho đến khi trắng tay. Đúng lúc ấy, cả vùng xảy ra nạn đói. Anh buộc phải đi chăn heo, đói đến mức thèm cả đồ ăn của heo. Nhận ra lỗi lầm, anh quyết định trở về và thưa với cha: “Con không còn xứng đáng là con cha nữa, xin cha nhận con như người làm công.”



Người cha nhân hậu

Từ xa, người cha thấy bóng con, liền chạy ra ôm lấy và hôn con thật nhiều. Khi người con thú tội, ông không trách mắng mà truyền gia nhân mặc áo đẹp cho con, xỏ nhẫn vào tay, mang dép vào chân, rồi tổ chức tiệc mừng. Ông nói: “Con ta đã chết mà nay sống lại, đã mất mà nay lại tìm thấy!”



Người anh cả ghen tị

Người con cả từ ngoài đồng về, thấy tiệc tùng liên tục giận. Anh trách cha bất công, vì suốt bao năm vâng lời mà chưa từng được thưởng gì. Người cha dịu dàng đáp: “Con à, mọi sự của cha là của con. Nhưng em con đã trở về, lẽ nào ta không vui? Nó đã mất mà nay tìm thấy, đã chết mà nay sống lại.”



Dụ ngôn ông nhà giàu và anh La-da-rô nghèo khổ

(Lu-ca 16,19–31)

Có một ông nhà giàu ăn mặc sang trọng, ngày ngày tiệc tùng linh đình. Trước cổng nhà ông là anh La-da-rô nghèo khổ, đầy mụn nhọt, đói lả, chỉ mong được ăn những vụn bánh rơi từ bàn. Chó đến liếm ghẻ anh. Rồi La-da-rô qua đời, được các thiên thần đưa vào lòng tổ phụ Áp-ra-ham. Ông nhà giàu cũng chết, bị chôn và phải chịu cực hình dưới âm phủ. Từ nơi đau khổ, ông ngược mắt thấy La-da-rô ở bên Áp-ra-ham, liền kêu xin: “Xin sai La-da-rô nhúng ngón tay vào nước nhỏ trên lưỡi con cho mát.” Nhưng Áp-ra-ham đáp: “Con đã hưởng phần sung sướng rồi, còn La-da-rô chịu bất hạnh. Giờ anh ấy được yên ủi, còn con chịu khổ đau. Giữa chúng ta có vực thẳm, không thể qua lại được.” Ông nhà giàu lại xin: “Xin sai La-da-rô về báo cho năm anh em con, kéo họ cũng sa vào chốn này.” Áp-ra-ham trả lời: “Họ đã có Mô-sê và các ngôn sứ, hãy nghe lời các vị ấy.” Ông nhà giàu nài nỉ: “Nếu có người từ cõi chết trở về, họ sẽ sám hối.” Nhưng Áp-ra-ham nói: “Nếu họ không nghe Mô-sê và các ngôn sứ, thì người chết sống lại họ cũng chẳng tin.”





Dụ ngôn người quản gia bất lương

(Lu-ca 16,1-8)

Một nhà phú hộ kia nghe tin người quản gia của mình phung phí của cải, liền gọi anh ta đến và báo sẽ sa thải. Người quản gia nghĩ: “Cuốc đất thì không nổi, ăn mày thì hổ thẹn.” Anh quyết định gọi các con nợ của chủ, giảm bớt nợ cho họ: người nợ 100 thùng dầu thì viết lại còn 50; người nợ 1.000 giạ lúa thì viết lại 800. Anh làm vậy để sau khi bị mất chức, sẽ có người mang ơn và đón tiếp. Ông chủ khen anh ta hành động khôn khéo. Đức Giê-su dạy: Con cái đời này khôn ngoan hơn con cái sự sáng khi ứng xử với nhau.



Mười người phong hủi được chữa lành

(Lu-ca 17,11-19)

Trên đường lên Giê-ru-sa-lem, Đức Giê-su gặp mười người phong hủi đứng đằng xa, kêu xin Người thương xót. Người bảo họ: “Hãy đi trình diện với các tư tế.” Đang khi đi, họ được sạch bệnh. Nhưng chỉ có một người quay lại, sấp mình tạ ơn Đức Giê-su và tôn vinh Thiên Chúa – anh ta là người Sa-ma-ri. Đức Giê-su hỏi: “Không phải cả mười người đều được sạch sao? Chín người kia đâu?” Rồi Người nói với anh: “Lòng tin của anh đã cứu chữa anh.”



Dụ ngôn quan tòa bất chính và bà góa quấy rầy

(Lu-ca 18,1-8)

Đức Giê-su kể dụ ngôn để dạy phải kiên trì cầu nguyện. Có một quan tòa không kính sợ Thiên Chúa, cũng chẳng nể ai. Một bà góa trong thành thường đến xin ông minh xét, vì bị đối phương hại. Ban đầu, ông từ chối, nhưng cuối cùng ông nghĩ: “Dù ta không kính sợ ai, nhưng bà này quấy rầy mãi, ta sẽ xử cho rồi để yên thân.” Đức Giê-su nói: “Nếu quan tòa bất chính còn xử như vậy, thì lẽ nào Thiên Chúa lại không minh xét cho những người kêu cầu Người ngày đêm sao?” Và Người sẽ minh xét cách mau chóng.



Dụ ngôn người Pha-ri-sêu và người thu thuế

(Lu-ca 18,9-14)

Đức Giê-su kể dụ ngôn cho những người tự cho mình là công chính: Hai người lên đền thờ cầu nguyện. Người Pha-ri-sêu đứng thẳng, tự hào kể công trạng: ăn chay, dâng phần mười, và không như kẻ khác – đặc biệt là người thu thuế. Còn người thu thuế đứng xa, không dám ngước mắt lên trời, chỉ dấm ngực cầu xin: “Lạy Thiên Chúa, xin thương xót con là kẻ tội lỗi.” Đức Giê-su kết luận: Người thu thuế được nên công chính, còn người Pha-ri-sêu thì không. Ai tôn mình lên sẽ bị hạ xuống; ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên.



Đức Giê-su và các trẻ em

(Lu-ca 18,15-17)

Người ta đem cả trẻ thơ đến với Đức Giê-su, để Người đặt tay trên chúng. Thấy vậy, các môn đệ la rầy. Nhưng Đức Giê-su gọi chúng lại và nói: “Cứ để trẻ em đến với Thầy, đừng ngăn cấm chúng, vì Nước Thiên Chúa là của những ai giống như chúng.” Rồi Người dạy thêm: “Thầy bảo thật anh em: ai không đón nhận Nước Thiên Chúa với tâm hồn một trẻ em, thì sẽ chẳng được vào.”



Người thủ lãnh giàu có

(Lu-ca 18,18-23)

Một người thủ lãnh hỏi Đức Giê-su: “Tôi phải làm gì để được sự sống đời đời?” Đức Giê-su nhắc đến các điều răn, và ông đáp rằng mình đã tuân giữ từ nhỏ. Đức Giê-su nói: “Ông chỉ thiếu một điều: hãy bán tất cả của cải, phân phát cho người nghèo, rồi đến theo tôi. Ông sẽ có kho tàng trên trời.” Nghe vậy, người ấy buồn rầu bỏ đi vì anh ta rất giàu có.



Người giàu có khó vào Nước Thiên Chúa

(Lu-ca 18,24-27)

Đức Giê-su nói: “Người giàu khó vào Nước Thiên Chúa biết bao! Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa.” Nghe vậy, có người thắc mắc: “Thế thì ai có thể được cứu?” Đức Giê-su đáp: “Điều không thể đối với loài người thì Thiên Chúa có thể làm được.”



Đức Giê-su chữa người mù tại Giê-ri-khô

(Lu-ca 18,35-43)

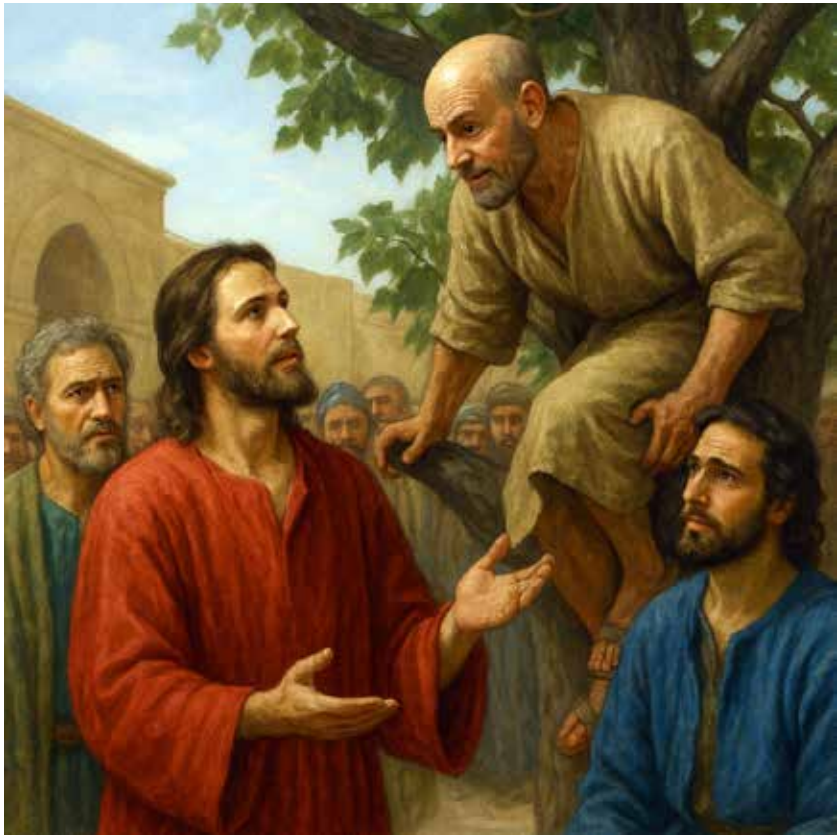
Khi gần đến Giê-ri-khô, Đức Giê-su gặp một người mù đang ngồi ăn xin bên đường. Nghe tiếng đám đông, anh hỏi chuyện gì đang xảy ra và được biết Đức Giê-su Na-da-rét đang đi qua. Anh liền lớn tiếng kêu: “Lạy Con vua Đa-vít, xin đủ lòng thương tôi!” Dù bị quát nạt, anh càng kêu to hơn. Đức Giê-su dừng lại, cho gọi anh đến và hỏi: “Anh muốn tôi làm gì cho anh?” Anh thưa: “Lạy Ngài, xin cho tôi nhìn thấy.” Đức Giê-su nói: “Anh nhìn thấy đi! Lòng tin của anh đã cứu anh.” Tức thì anh được sáng mắt, đi theo Đức Giê-su và tôn vinh Thiên Chúa. Mọi người chứng kiến đều ca ngợi Thiên Chúa.



Ông Da-kêu

(Lu-ca 19,1-10)

Khi Đức Giê-su vào Giê-ri-khô, có ông Da-kêu, trưởng nhóm thu thuế và rất giàu có, muốn thấy Đức Giê-su nhưng bị cản vì thấp bé. Ông liền leo lên cây sung. Khi Đức Giê-su đi qua, Người nhìn lên và gọi: “Ông Da-kêu, xuống mau, hôm nay tôi phải ở lại nhà ông!” Da-kêu mừng rỡ đón tiếp. Ông thưa sẽ chia nửa tài sản cho người nghèo và đền gấp bốn cho ai bị thiệt hại. Đức Giê-su nói: “Hôm nay, ơn cứu độ đã đến cho nhà này.”



Dụ ngôn mười nén bạc

(Lu-ca 19,11–27)

Đức Giê-su kể dụ ngôn: Có một quý tộc trẩy đi xa để lãnh vương quyền. Trước khi đi, ông trao cho mười đầy tớ mỗi người một nén bạc và dặn: “Hãy làm sinh lợi cho đến khi tôi về.” Sau khi trở về, ông gọi họ đến tính sổ. Người đầu sinh lợi được mười nén, được thưởng cai trị mười thành; người thứ hai sinh được năm nén, được cai trị năm thành. Người thứ ba không sinh lợi, chỉ giữ bạc trong khăn, lấy lý do sợ chủ. Ông trách người ấy là đầy tớ tồi, rồi lấy nén bạc trao cho người có mười nén. Đức Giê-su nói: “Ai đã có thì sẽ được thêm; ai không có, sẽ bị lấy cả cái đang có.” Những kẻ chống đối nhà vua thì bị xử phạt.



Đức Giê-su vào Giê-ru-sa-lem như một Vị Vua

(Lu-ca 19,28-38)

Sau khi giảng dạy, Đức Giê-su tiến lên Giê-ru-sa-lem. Khi đến gần núi Ô-liu, Người sai hai môn đệ đi lấy một con lừa con chưa ai cỡi, nói: “Chúa có việc cần dùng.” Họ làm theo và dắt lừa về. Các ông lấy áo choàng phủ lên lưng lừa, giúp Đức Giê-su cỡi lên. Khi Người tiến vào thành, dân chúng trải áo xuống đường, reo mừng và ca tụng Thiên Chúa:

“Chúc tụng Đức Vua, Đáng ngự đến nhân danh Chúa!
Bình an trên cõi trời cao, vinh quang trên các tầng trời!”



Đức Giê-su thương tiếc thành Giê-ru-sa-lem

(Lu-ca 19,41–44)

Khi đến gần Giê-ru-sa-lem và nhìn thấy thành, Đức Giê-su rơi lệ.

Người than rằng: “Phải chi người nhận ra điều đem lại bình an! Nhưng mắt người đã bị che khuất. Sẽ đến ngày quân thù vây hãm tứ bề, phá đổ tàn khốc. Người và con cái sẽ bị đè bẹp, và chẳng còn hòn đá nào nằm trên hòn đá, vì người đã không nhận biết giờ Thiên Chúa đến viếng thăm.”



Đức Giê-su tẩy uế Đền Thờ

(Gio-an 2,13-22)

Khi lên Giê-ru-sa-lem, Đức Giê-su thấy trong Đền Thờ có người bán chiên, bò, bồ câu và đổi tiền. Người làm roi bằng dây, xua đuổi họ cùng chiên bò ra khỏi Đền Thờ, lật đổ bàn ghế và đổ tung tiền bạc. Người nói: “Đừng biến nhà Cha tôi thành nơi buôn bán!” Các môn đệ nhớ lại lời Kinh Thánh: “Vì nhiệt tâm lo việc nhà Chúa, mà tôi đây sẽ phải thiệt thân.” Khi bị chất vấn, Đức Giê-su nói: “Cứ phá hủy Đền Thờ này đi, nội ba ngày tôi sẽ xây lại.” Người muốn nói đến chính thân thể mình. Sau khi Người sống lại, các môn đệ mới hiểu và tin vào lời Người đã nói.



Dụ ngôn những tá điền sát nhân

(Lu-ca 20,9–19)

Đức Giê-su kể: Một người trồng vườn nho, cho tá điền canh tác rồi đi xa. Khi đến mùa, ông sai đầy tớ đến lấy hoa lợi, nhưng bọn tá điền đánh đuổi về tay không. Ông sai thêm hai người nữa, cả hai đều bị đánh nhục mạ. Cuối cùng, ông sai chính người con yêu dấu, mong họ sẽ kính nể. Nhưng bọn tá điền âm mưu giết người con để chiếm gia tài. Chúng ném anh ra khỏi vườn và giết chết. Đức Giê-su hỏi: “Vậy ông chủ sẽ làm gì?” – Ông sẽ diệt bọn tá điền và giao vườn cho người khác. Nghe thế, các thượng tế giận dữ, hiểu rằng Đức Giê-su nói về họ, nhưng sợ dân nên không dám bắt Người.



Việc nộp thuế cho Xê-da (Lu-ca 20,20–25)

Một số người giả bộ công chính đến dò xét Đức Giê-su, mong bắt bẻ lời Người để nộp cho nhà cầm quyền. Họ hỏi: “Chúng tôi có được phép nộp thuế cho Xê-da không?” Đức Giê-su biết ý đồ gian xảo, liền nói: “Cho tôi xem một đồng tiền. Hình và danh hiệu này là của ai?” Họ đáp: “Của Xê-da.” Người nói: “Thế thì, của Xê-da, hãy trả về Xê-da; còn của Thiên Chúa, hãy trả về Thiên Chúa.”



Hai đồng tiền nhỏ của bà góa (Lu-ca 21,1–4)

Đức Giê-su ngược mắt nhìn, thấy những người giàu bỏ tiền vào thùng dâng cúng, và cũng thấy một bà góa nghèo chỉ bỏ vào hai đồng tiền kẽm. Người liền nói: “Thầy bảo thật anh em: bà góa này đã dâng nhiều hơn ai hết. Vì những người kia dâng từ của dư thừa, còn bà này, trong cảnh túng thiếu, đã dâng tất cả những gì bà có để nuôi sống mình.”



Dụ ngôn cây vả (Lu-ca 21,29-33)

Đức Giê-su nói với các môn đệ: “Hãy nhìn cây vả. Khi cây đâm chồi, anh em biết mùa hè gần đến. Cũng vậy, khi thấy những điều ấy xảy ra, hãy biết Triều Đại Thiên Chúa đã đến gần. Thầy bảo thật anh em: thế hệ này sẽ không qua đi trước khi mọi sự ứng nghiệm. Trời đất sẽ qua, nhưng lời Thầy nói sẽ chẳng bao giờ qua đâu.”



Chuẩn bị ăn lễ Vượt Qua (Mát-thêu 26,17-19)

Đến ngày thứ nhất trong tuần lễ Bánh Không Men, các môn đệ hỏi Đức Giê-su: “Thầy muốn chúng con dọn lễ Vượt Qua ở đâu?” Người đáp: “Hãy vào thành, đến nhà một người kia và nói: Thầy nhắn rằng thời của Thầy đã gần, Thầy sẽ ăn lễ Vượt Qua tại nhà ông với các môn đệ.” Các ông đi và làm như lời Đức Giê-su dặn, rồi chuẩn bị sẵn tiệc Vượt Qua.



Đức Giê-su tiên báo Giu-đa sẽ nộp Thầy

(Mát-thêu 26,20-25)

Khi Đức Giê-su cùng mười hai môn đệ vào bàn tiệc, Người nói: “Thầy bảo thật anh em, có một người trong anh em sẽ nộp Thầy.” Các môn đệ buồn rầu, lần lượt hỏi: “Chẳng lẽ con sao?” Người đáp: “Kẻ cùng chấm chung một đĩa với Thầy, đó là kẻ nộp Thầy. Khốn thay cho kẻ ấy: thà nó đừng sinh ra thì hơn.” Giu-đa cũng hỏi: “Chẳng lẽ con sao?” Đức Giê-su đáp: “Chính anh nói đó.”



Đức Giê-su lập Bí tích Thánh Thể

(Mát-thêu 26,26–29)

Trong bữa ăn, Đức Giê-su cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, bẻ ra và trao cho các môn đệ: “Anh em cầm lấy mà ăn, đây là Mình Thầy.” Người lại cầm chén, tạ ơn, rồi nói: “Tất cả anh em hãy uống, vì đây là Máu Thầy, Máu Giao Ước, đổ ra cho muôn người được tha tội. Từ nay, Thầy không uống rượu nho nữa, cho đến ngày Thầy uống rượu mới trong Nước Cha Thầy.”



Đức Giê-su tiên báo Phê-rô sẽ chối Thầy

(Mát-thêu 26,30-35)

Sau khi hát thánh vịnh, Đức Giê-su và các môn đệ ra núi Ô-liu. Người nói: “Đêm nay, tất cả anh em sẽ vấp ngã vì Thầy, vì có lời chép: Ta sẽ đánh người chăn chiên, và đàn chiên sẽ tan tác. Nhưng sau khi trời dậy, Thầy sẽ đến Ga-li-lê trước anh em.” Phê-rô liền thưa: “Dù mọi người vấp ngã, con cũng không!” Đức Giê-su nói: “Nội đêm nay, gà chưa gáy, anh sẽ chối Thầy ba lần.” Phê-rô quả quyết: “Dù phải chết, con cũng không chối Thầy.” Các môn đệ khác cũng nói như vậy.



Đức Giê-su cầu nguyện tại vườn Ghết-sê-ma-ni

(Mát-thêu 26,36-46)

Đức Giê-su cùng các môn đệ đến vườn Ghết-sê-ma-ni. Người nói: “Anh em ngồi lại đây, Thầy đi cầu nguyện.” Rồi đưa Phê-rô và hai con ông Dê-bê-đê đi theo, Người bắt đầu buồn rầu xao xuyến và nói: “Tâm hồn Thầy buồn đến chết. Anh em ở lại canh thức với Thầy.” Người sắp mặt cầu nguyện: “Lạy Cha, nếu được, xin cho con khỏi uống chén này. Nhưng xin vâng ý Cha.” Người trở lại, thấy các môn đệ ngủ, liền nói với Phê-rô: “Không thể canh thức nổi một giờ sao?” Người đi cầu nguyện lần nữa, rồi lần thứ ba. Cuối cùng, Người bảo các môn đệ: “Dậy đi! Kìa kẻ nộp Thầy đã tới!”



Đức Giê-su bị bắt (Mát-thêu 26,47-56)

Khi Đức Giê-su còn đang nói, Giu-đa – một trong nhóm Mười Hai – dẫn theo một đám đông mang gươm giáo gậy gộc đến. Họ được các thượng tế và kỳ mục sai đi. Giu-đa đã dặn: “Tôi hôn ai, thì chính là người đó.” Hắn đến gần Đức Giê-su, chào: “Ráp-bi, xin chào Thầy!”, rồi hôn Người. Đức Giê-su bảo: “Bạn đến làm gì thì cứ làm đi.” Họ liền bắt Người. Một môn đệ tuốt gươm chém đứt tai tên đầy tớ thượng tế. Đức Giê-su nói: “Hãy xỏ gươm vào vỏ! Nếu muốn, Thầy có thể xin Cha sai mười hai đạo binh thiên thần. Nhưng như thế, sao ứng nghiệm lời Kinh Thánh?” Người nói với đám đông: “Tôi giảng dạy hằng ngày ở Đền Thờ, sao không bắt? Nhưng mọi sự xảy ra để ứng nghiệm lời các ngôn sứ.” Môn đệ liền bỏ trốn hết.



Đức Giê-su ra trước Thượng Hội Đồng

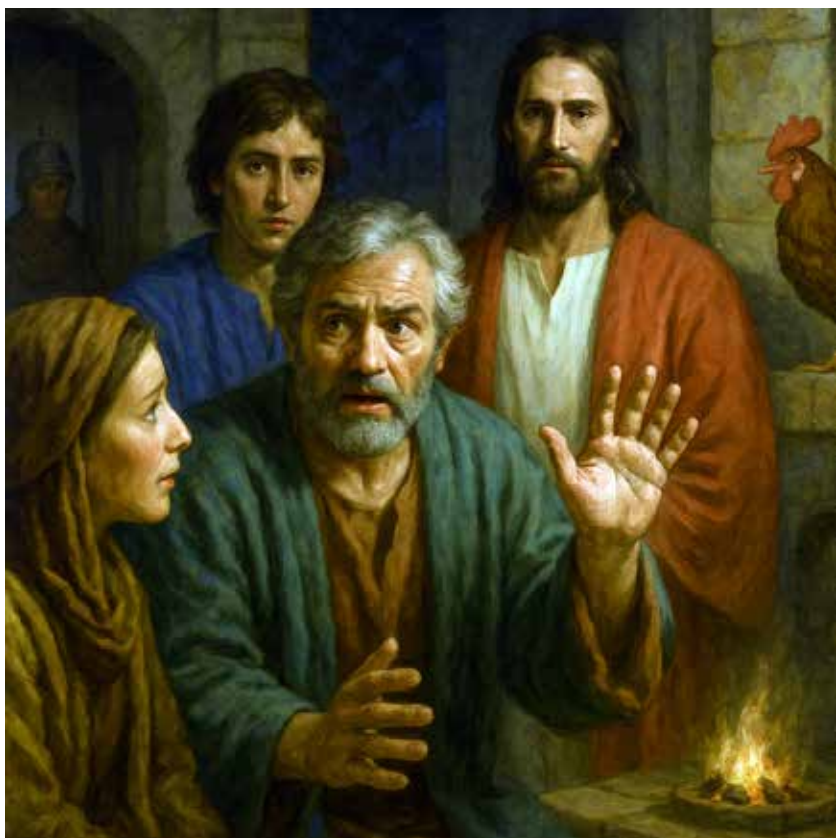
(Mát-thêu 26,57-68)

Đức Giê-su bị điệu đến dinh thượng tế Cai-pha, nơi các kinh sư và kỳ mục đã tụ họp sẵn. Ông Phê-rô theo sau từ xa. Các thượng tế tìm người làm chứng gian để kết án tử hình Đức Giê-su, nhưng không ai làm chứng nhất quán. Sau cùng, hai người đứng ra nói: “Ông ấy từng nói sẽ phá Đền Thờ và xây lại trong ba ngày.” Thượng tế hỏi Đức Giê-su nhưng Người im lặng. Khi bị ép thể nhân danh Thiên Chúa, Đức Giê-su đáp: “Chính ngài nói đó. Rồi các ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng.” Thượng tế liền xé áo, kết án phạm thượng. Mọi người đồng thanh: “Hắn đáng chết!” Họ nhổ vào mặt, đấm, tát và chế giễu Người.



Ông Phê-rô chối Thầy (Mát-thêu 26,69-75)

Ông Phê-rô đang ngồi ngoài sân, thì một đầy tớ gái nhận ra ông: “Cả bác cũng ở với ông Giê-su người Ga-li-lê.” Phê-rô liền chối: “Tôi không biết cô nói gì!” Ra đến cổng, một người tớ gái khác cũng nói: “Bác này từng ở với ông Giê-su.” Ông lại thề mà chối. Một lát sau, có người nói: “Đúng là bác thuộc nhóm đó, vì giọng bác tố cáo bác.” Phê-rô liền thề độc: “Tôi không biết người ấy!” Gà liền gáy. Ông sực nhớ lời Thầy đã nói và bật khóc thảm thiết.



Đức Giê-su ra trước tòa tổng trấn Phi-la-tô

(Mát-thêu 27, 11–26)

Đức Giê-su bị điệu ra trước Phi-la-tô. Ông hỏi: “Ông là vua dân Do-thái sao?” Người đáp: “Chính ngài nói đó.” Khi các thượng tế tố cáo, Đức Giê-su vẫn im lặng khiến Phi-la-tô ngạc nhiên. Theo lệ, dịp lễ lớn tổng trấn phóng thích một tù nhân theo ý dân. Khi ấy có tên Ba-ra-ba, một tù nhân khét tiếng.

Phi-la-tô biết Đức Giê-su bị nộp vì ghen tị, nên hỏi dân muốn tha ai. Trong lúc xử án, vợ ông sai báo: “Đừng dính vào vụ người công chính này, tôi đã gặp mộng xấu vì ông ấy.” Nhưng các thượng tế xúi giục dân đòi tha Ba-ra-ba và đóng đinh Đức Giê-su.

Phi-la-tô hỏi: “Còn ông Giê-su, ta sẽ làm gì?” Đám đông hô to: “Đóng đinh nó vào thập giá!” Ông hỏi: “Ông ấy có làm gì gian ác?” Họ càng la to hơn. Thấy không thể dập tắt náo loạn, Phi-la-tô lấy nước rửa tay, tuyên bố mình vô can.

Toàn dân đáp: “Máu hấn cứ đổ trên đầu chúng tôi và con cháu chúng tôi!” Rồi ông phóng thích Ba-ra-ba, và trao Đức Giê-su cho họ đóng đinh sau khi đã đánh đòn.





Đức Giê-su phải đội vòng gai

(Mát-thêu 27,27-31)

Lính của tổng trấn điệu Đức Giê-su vào trong dinh và tập hợp cả cơ đội quanh Người. Chúng lột áo Người, khoác cho Người áo choàng đỏ, kết vòng gai đặt lên đầu và trao cho Người cây sậy như vương trượng. Chúng quỳ gối nhạo báng: “Vạn tuế Vua dân Do-thái!”, rồi khạc nhổ và lấy sậy đập vào đầu Người. Chế giễu xong, chúng lột áo choàng, mặc lại áo cũ và dẫn Đức Giê-su đi đóng đinh.

Đức Giê-su chịu đóng đinh vào thập giá

(Mát-thêu 27,32-38)

Trên đường đi, lính gặp ông Si-môn người Ky-rê-nê và bắt ông vác thập giá Đức Giê-su. Đến nơi gọi là Gôn-gô-tha (Đồi Sọ), họ cho Người uống rượu pha mật đắng, nhưng Người không uống. Họ đóng đinh Người vào thập giá, rồi đem áo Người ra bắt thăm chia nhau và ngồi canh giữ. Trên đầu Người, họ gắn bản án: “Người này là Giê-su, vua dân Do-thái.” Cùng bị đóng đinh còn có hai tên cướp, một bên phải, một bên trái.



Đức Giê-su bị nhục mạ (Mát-thêu 27,39-44)

Khi Đức Giê-su chịu treo trên thập giá, kẻ qua người lại đều nhục mạ Người, lắc đầu chế giễu: “Nếu ông là Con Thiên Chúa, thì xuống khỏi thập giá đi!” Các thượng tế, kinh sư và kỳ mục cũng cười nhạo: “Hắn cứu được người khác, mà không cứu nổi mình! Hắn là Vua Ít-ra-en? Cứ xuống khỏi thập giá, chúng ta sẽ tin! Nếu Thiên Chúa thương hắn thật, thì hãy cứu hắn đi!” Ngay cả những tên cướp cùng chịu đóng đinh cũng sỉ vả Người.



Đức Giê-su trút linh hồn (Mát-thêu 27,45-56)

Từ giờ thứ sáu đến giờ thứ chín, bóng tối bao trùm cả mặt đất. Vào giờ thứ chín, Đức Giê-su kêu lớn: “Lạy Thiên Chúa, sao Ngài bỏ rơi con?” Có người nghe nói: “Hắn gọi Ê-li-a!” Một người lấy giấm thấm bọt biển đưa cho Người uống, rồi Người kêu lên một tiếng lớn và trút linh hồn. Bức màn Đền Thờ xé đôi, đất rung đá vỡ, mồ mả bật tung. Viên đại đội trưởng thấy vậy, liền nói: “Quả thật, ông này là Con Thiên Chúa.” Nhiều phụ nữ chứng kiến từ xa, trong đó có bà Ma-ri-a Mác-đa-la.



Mai táng Đức Giê-su (Mát-thêu 27,57-61)

Chiều đến, ông Giô-xép thành A-ri-ma-thê, một người giàu có và là môn đệ Đức Giê-su, đến xin Phi-la-tô cho lấy thi hài Chúa. Phi-la-tô chấp thuận. Ông Giô-xép lấy xác, liệm vào tấm vải gai sạch, rồi đặt vào ngôi mộ mới đục trong núi đá, vốn dành cho chính ông. Sau đó, ông lăn một tảng đá lớn lấp cửa mộ và ra về. Bà Ma-ri-a Mác-đa-la và bà Ma-ri-a khác vẫn ở lại, quay mặt vào mộ.



Ngôi mộ trống (Mát-thêu 28,1-8)

Sáng sớm ngày thứ nhất trong tuần, bà Ma-ri-a Mác-đa-la và một bà Ma-ri-a khác đi viếng mộ. Bỗng đất rung chuyển dữ dội: một thiên thần từ trời xuống, lăn tảng đá và ngồi lên. Diện mạo người như ánh chớp, áo trắng như tuyết. Lính canh kinh hoàng chết ngất. Thiên thần bảo các bà: “Đừng sợ! Đức Giê-su không còn ở đây, vì Người đã sống lại như đã nói. Hãy xem chỗ Người đã nằm, rồi mau về báo tin cho các môn đệ: Người sẽ đến Ga-li-lê trước các ông.” Các bà vội chạy đi, đầy vui mừng và kính sợ.



Đức Giê-su hiện ra với hai môn đệ trên đường Em-mau (Lu-ca 24,13-35)

Cùng ngày hôm ấy, hai môn đệ đi về làng Em-mau, cách Giê-ru-sa-lem khoảng mười một cây số. Họ vừa đi vừa trò chuyện thì Đức Giê-su tiến đến, cùng đi với họ, nhưng mắt họ bị ngăn cản, không nhận ra Người. Khi Người hỏi họ đang bàn chuyện gì, họ buồn rầu kể lại cái chết của Đức Giê-su và hy vọng tan vỡ, cùng lời chứng lạ lùng từ các phụ nữ về việc Người sống lại.



Đức Giê-su liền trách họ chậm tin, rồi giải thích Kinh Thánh, từ ông Mô-sê đến các ngôn sứ, về việc Đấng Ki-tô phải chịu khổ hình rồi mới vào vinh quang. Gần tới làng, Người làm như muốn đi xa, nhưng họ nài ép Người ở lại. Khi cùng dùng bữa, Người cầm bánh, chúc tụng, bẻ ra trao cho họ. Mắt họ mở ra và họ nhận ra Người, nhưng Người biến mất.



Hai ông liền nói: “Dọc đường, khi Người giải thích Kinh Thánh, lòng chúng ta đã chẳng bùng cháy sao?” Ngay lúc ấy, họ trở lại Giê-ru-sa-lem, gặp Nhóm Mười Một và các bạn hữu, thuật lại việc đã gặp Chúa và nhận ra Người khi bẻ bánh. Những người kia cũng xác nhận: “Chúa đã sống lại thật, và đã hiện ra với ông Si-môn.”



Đức Giê-su hiện ra tại Ga-li-lê và sai các môn đệ đi khắp muôn dân (Mát-thêu 28,16–20)

Mười một môn đệ đến ngọn núi ở Ga-li-lê theo lời Đức Giê-su. Khi thấy Người, các ông bái lạy, dù có vài người còn nghi ngờ. Đức Giê-su nói: “Thầy đã được trao toàn quyền trên trời dưới đất. Vậy anh em hãy đi, làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, và dạy họ tuân giữ mọi điều Thầy truyền. Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế.”



MỤC LỤC
Sự tích dân Thiên Chúa
KỂ CHUYỆN CỤ UỐC

	đó	99
	Sai lầm khi kiểm tra dân số và lòng sám hối	100
	Những bài ca và lời trăng trối của Đa-vít	101
Thử thách đức tin của ông Áp-ra-ham	17	
Một người vợ cho I-xa-ác	20	Đa-vít qua đời – để lại di sản huy hoàng
Sự tích ông Gia-cóp	23	102
Gia-cóp nói dối để giành lời chúc phúc	24	Lời cầu xin khôn ngoan tại Ghi-ôn
Chiếm bao và duyên kỳ ngộ	25	103
Chuyến trở về	26	Phán xét công minh – dụ ngôn nổi tiếng
Ông Giu-se và các anh	29	104
Bị bán làm nô lệ	30	Triều đình Sa-lô-môn – tổ chức hiệu quả và thịnh vượng
Trong nhà tù của vua	31	105
Giấc chiêm bao của vua và cuộc hội ngộ của Giu-se	32	Danh tiếng khôn ngoan vang xa bốn bề
Chúa gọi ông Mô-sê đi giải thoát dân Ít-ra-en	37	106
“Man-na” trong sa mạc	45	Nữ hoàng Saba đến thăm và thần phục
Thiên Chúa ban Mười Điều Răn	48	107
Do thám đất Ca-na-an	55	Sa-lô-môn khởi công xây Đền Thờ Giê-ru-sa-lem
Hai người do thám và lòng tin của cô Ra-kháp	59	108
Thành Giê-ri-khô	60	Khánh thành Đền Thờ – nơi Thiên Chúa ngự
Thiên Chúa chọn Ghít-ôn	66	109
Chiến thắng với ba trăm người	67	Vua Sa-lô-môn được Thiên Chúa cảnh báo
Ông Sam-sôn	69	110
Rút – Nàng dâu trung tín	72	Cuối đời và sai lầm của vua Sa-lô-môn
Sa-mu-en – Hòm Bia Giao Ước	75	111
Dân đòi có vua – Sa-un được chọn rồi bị chê trách – Đa-vít được xúc đầu	80	Ông Ê-li-a và bà góa thành Xa-rép-ta
Đa-vít và Go-li-át	84	112
Tình bạn giữa Đa-vít và Giô-na-than	88	Ông Ê-li-a và các ngôn sứ Ba-an
Đa-vít lên ngôi vua toàn dân Ít-ra-en	90	113
Chinh phục Giê-ru-sa-lem – xây dựng thủ đô	92	Vườn nho của ông Na-vốt
Đưa Hòm Giao Ước về Giê-ru-sa-lem	93	115
Giao ước của Thiên Chúa với nhà Đa-vít	94	Ông Ê-li-a được đem đi. Ông Ê-li-sa thay thế
Vua Đa-vít mở rộng lãnh thổ – lập nên đế quốc	95	117
Lòng nhân hậu với hậu duệ Sa-un	96	Nước hóa lành như lời ngôn sứ Ê-li-sa
Chuyện vua Đa-vít và Bát Sê-va	97	118
Biến cố Áp-sa-lôm phản loạn	98	Chuyến lọ dầu của bà góa
Cuộc nổi loạn của Sơ-va và sự ổn định sau		119
		Ông Ê-li-sa và mẹ con người phụ nữ Su-nem
		120
		Nổi cháo độc và bánh hóa ra nhiều
		121
		Ông Na-a-man được chữa khỏi bệnh phong
		122
		Ông Ê-li-sa tóm gọn quân A-ram
		123
		Vua Giô-át cai trị Giu-đa
		124
		Vua Khít-ki-gia cải cách tôn giáo
		127
		Vua Khít-ki-gia được chữa khỏi bệnh
		128
		Ơn gọi của Giê-rê-mi-a
		129
		Ngôn sứ Giê-rê-mi-a than khóc Giê-ru-sa-lem
		130
		Bình gốm bị đập vỡ – Ân phạt
		131
		Giê-rê-mi-a bị ném xuống hố bùn
		132

Giao ước mới được ghi khắc trong tim	133	Chớ ngoại tình – Thanh luyện từ trong lòng	168
Đa-ni-en giải mộng cho vua Na-bu-cô-đô-nô-xo	136	Đừng ly dị	169
Ba người bạn bị quăng vào lò lửa	137	Giữ lời chân thật	170
Êt-te – Người nữ đã cứu dân tộc bằng đức tin và lòng can đảm	138	Chớ trả thù	171
Câu chuyện ngôn sứ Giô-na – Lòng thương xót lớn hơn sự giận dữ	140	Phải yêu thương kẻ thù	172
KỂ CHUYỆN TÂN ƯỚC		Bố thí cách kín đáo	173
Đa-ca-ri-a được tuyển chọn dâng hương	144	Cầu nguyện cách kín đáo	174
Lời loan báo	145	Kinh “Lạy Cha” và lời dạy về tha thứ	175
Truyền tin cho Đức Ma-ri-a	146	Đức Giê-su chữa người phong hủi	176
Đức Ma-ri-a viếng thăm bà Ê-li-sa-bét	147	Đức Giê-su chữa lành đầy tớ viên đại đội trưởng	177
Chúa Giê-su giáng sinh	148	Đức Giê-su chữa nhạc mẫu ông Si-môn	178
Những người chăn chiên viếng thăm	149	Mù mà lại dắt mù – Cái rác và cái xà	179
Ngôi sao lạ và các chiêm tinh gia	151	Đức Giê-su cho con trai bà góa thành Na-in sống lại	180
Gặp được Hài Nhi và con đường hồi hương	152	Môn đệ bắt lúa ăn ngay sa-bát	181
Tiến dâng Hài Nhi Giê-su và lời tiên tri trong Đền Thờ	153	Người phụ nữ tội lỗi đã được tha thứ và đã yêu mến Chúa nhiều	182
Đức Giê-su giữa các bậc thầy trong Đền Thờ	154	Dụ ngôn người gieo giống	184
Ông Gio-an Tẩy Giả rao giảng	155	Dụ ngôn cỏ lùng	185
Đức Giê-su chịu phép rửa	156	Dụ ngôn hạt cải	186
Đức Giê-su chịu cám dỗ	157	Dụ ngôn men trong bột	187
Đức Giê-su kêu gọi bốn môn đệ đầu tiên	158	Dụ ngôn kho báu và ngọc quý	188
Đức Giê-su bị khước từ ở Na-da-rét và giảng dạy tại Ca-phác-na-um	159	Dụ ngôn chiếc lưới	189
Tiệc cưới Ca-na	160	Đức Giê-su về thăm Na-da-rét	190
Đức Giê-su chữa con của một sĩ quan cận vệ của nhà vua	161	Đức Giê-su hóa bánh ra nhiều lần thứ nhất	191
Chữa lành người bại liệt ở hồ Bết-da-tha	162	Đức Giê-su đi trên mặt nước	192
Đức Giê-su kêu gọi ông Lê-vi và dự tiệc với người tội lỗi	163	Đức Giê-su chữa lành tại Ghen-nê-xa-rét	193
Đức Giê-su tuyển chọn mười hai Tông Đồ	164	Người đàn bà Ca-na-an có lòng tin mạnh mẽ	194
Tám mối Phúc	165	Đức Giê-su hóa bánh ra nhiều lần thứ hai	195
Muối cho đời và ánh sáng cho trần gian	166	Người phụ nữ ngoại tình	196
Đừng giận ghét anh em mình	167	Đức Giê-su chữa một người mù từ thuở mới sinh	198
		Anh La-da-rô sống lại	202

Dụ ngôn người Sa-ma-ri tốt lành	204	Đức Giê-su ra trước Thượng Hội Đồng	239
Hai chị em Mác-ta và Ma-ri-a	206	Ông Phê-rô chối Thầy	240
Dụ ngôn tiệc cưới và những lời xin kiếu	208	Đức Giê-su ra trước tòa tổng trấn Phi-la-tô	241
Dụ ngôn con chiên lạc	209	Đức Giê-su phải đội vòng gai	243
Dụ ngôn đồng bạc bị đánh mất	210	Đức Giê-su chịu đóng đinh vào thập giá	244
Dụ ngôn người cha nhân hậu	211	Đức Giê-su bị nhục mạ	245
Dụ ngôn ông nhà giàu và anh La-da-rô nghèo khó	214	Đức Giê-su trút linh hồn	246
Dụ ngôn người quản gia bất lương	216	Mai táng Đức Giê-su	247
Mười người phong hủi được chữa lành	217	Ngôi mộ trống	248
Dụ ngôn quan tòa bất chính và bà góa quấy rầy	218	Đức Giê-su hiện ra với hai môn đệ trên đường Em-mau	249
Dụ ngôn người Pha-ri-sêu và người thu thuế	219	Đức Giê-su hiện ra tại Ga-li-lê và sai các môn đệ đi khắp muôn dân	252
Đức Giê-su và các trẻ em	220		
Người thù lãnh giàu có	221		
Người giàu có khó vào Nước Thiên Chúa	222		
Đức Giê-su chữa người mù tại Giê-ri-khô	223		
Ông Da-kêu	224		
Dụ ngôn mười nén bạc	225		
Đức Giê-su vào Giê-ru-sa-lem như một Vị Vua	226		
Đức Giê-su thương tiếc thành Giê-ru-sa-lem	227		
Đức Giê-su tẩy uế Đền Thờ	228		
Dụ ngôn những tá điền sát nhân	229		
Việc nộp thuế cho Xê-da	230		
Hai đồng tiền nhỏ của bà góa	231		
Dụ ngôn cây vả	232		
Chuẩn bị ăn lễ Vượt Qua	233		
Đức Giê-su tiên báo Giu-đa sẽ nộp Thầy	234		
Đức Giê-su lập Bí tích Thánh Thể	235		
Đức Giê-su tiên báo Phê-rô sẽ chối Thầy	236		
Đức Giê-su cầu nguyện tại vườn Ghết-sê-ma-ni	237		
Đức Giê-su bị bắt	238		

Hình minh họa:
ChatGPT, theo mô tả của
Michel Nguyễn Hạnh

KỂ CHUYỆN KINH THÁNH
dành cho thiếu niên (từ 10 đến 15 tuổi)

Michel Nguyễn Hạnh – Phó Ban Từ vựng Hán Nôm Công giáo
thuộc Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin

Mã ISBN: 978-604-42-4066-4

Chịu trách nhiệm xuất bản

GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP

Biên tập: Đào Thị Thu Thanh

Trình bày & bìa: Michel Nguyễn Hạnh

Sửa bản in: Thu Thanh

Thực hiện liên doanh: Nguyễn Hạnh

In: 1000 bản. Khổ: 14.5x20.5 cm. In tại: Công ty TNHH in ấn DV
- TM Siêu Tốc – số 43 Đào Tông Nguyên, thị trấn Nhà Bè, huyện
Nhà Bè, Tp.HCM.

Số xác nhận ĐKXB: 2062 - 2025 / CXBIPH /10 - 663/ DoN, Cục
Xuất bản, In và Phát hành xác nhận ngày: 9/6/2025, Quyết định
xuất bản số: 1156/QĐ-NXBĐN, do NXB Đồng Nai cấp ngày
17/6/2025. In xong và nộp lưu chiểu: 3/2025.

Nhà xuất bản Đồng Nai, 1953J (số cũ 210) Nguyễn Ái Quốc,

Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

Ban Biên tập: (02513) 825 292 - P. Kinh doanh: 946 521 -

P. Kế toán: 946 520

Fax: (02513) 946 530 - Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn